

Kinh
ĐẠI PHẬT ĐẢNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

Đời Đường, sa môn Bát Lạt Mật Đé
(người Trung-Thiên-trúc)
dịch từ Phạn văn ra Hán văn
Cư sĩ Hạnh Cơ dịch từ Hán văn ra Việt văn
và chú thích

(TẬP 2)

Thư Viện Hoa Sen chuyển qua dạng Ebook PDF ngày 13/2/2014

BAN BẢO TRỢ PHIÊN DỊCH PHÁP TẶNG VIỆT NAM

Phật Lịch 2556 (2012)

KINH ĐẠI PHẬT ĐÁNH THỦ LĂNG NGHIÊM

(tập 2)

*Cư sĩ Hạnh Cơ dịch, giới thiệu, chú thích,
đánh máy và trình bày*

*Cư sĩ Tịnh Kiên đọc và sửa chữa bản thảo
Ban Bảo Trợ Phiên Dịch Pháp Tạng Việt Nam
in lần thứ nhất, California, 2012*

KINH ĐẠI PHẬT ĐÁNH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 6

- *Nhĩ Căn Viên Thông*
- *Nhiếp Tâm Là Giới*

Lúc bấy giờ, đức Bồ Tát Quán Thế Âm⁽¹⁶¹⁾ từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, bạch rằng:

– Bạch đức Thế Tôn! Con nhớ trong vô số hàng sa kiếp về trước, có đức Phật ra đời hiệu là Quán Thế Âm. Ở trước đức Phật ấy, con đã phát tâm bồ đề. Ngài dạy con do từ **văn, tư, tu** mà nhập tam-ma-địa. Ban đầu, con ở trong tánh nghe mà được vào dòng, mất tướng sở-văn. Chỗ vào đã vắng lặng, hai tướng động và tĩnh rõ ràng không sinh. Cứ như thế mà tăng tiến dần, cả năng-văn và sở-văn đều mất hết. Ngay chỗ này con vẫn không dừng lại, mà tiến lên thêm nữa, đến chỗ năng-giác và sở-giác cũng đều không. Rồi cả hai ý niệm “*năng-giác - sở-giác*” và “*năng-giác, sở-giác đều không*” đều bị dứt trừ

trọn vẹn; năng-không và sở-không hoàn toàn tiêu mất. Sinh diệt đã tiêu vong thì cảnh giới tịch diệt hiện rõ trước mắt. Bỗng nhiên con vượt khỏi cả thể và xuất thể gian, mười phương sáng rõ. Con được hai điều thù thắng: Một là, trên hợp với bản giác diệu tâm của chư Phật mười phương, cùng với chư Phật đồng một **từ** lực; hai là, dưới hợp với tất cả chúng sinh trong sáu nẻo mười phương, cùng với chúng sinh đồng một **bi** ngưỡng.

Bạch đức Thế Tôn! Do con cúng dường đức Quán Thế Âm Như Lai, được Ngài trao truyền cho pháp tu “*văn-huân văn-tu như-huyển*”; con tu pháp ấy mà chứng Kim-cang tam-muội, cùng với chư Phật đồng một sức từ, khiến cho thân con thành tựu được 32 thân ứng hóa vào khắp các quốc độ.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu các vị Bồ-tát vào tam-ma-địa, tiến tu pháp vô lậu, thắng giải viên mãn, thì con hiện ra thân **Phật**, vì quý vị ấy mà nói pháp, khiến được giải thoát.

Nếu các hàng Hữu-học⁽¹⁶²⁾ thích ở một mình nơi tịch tĩnh, cầu trí tuệ nhiệm mầu, khi trí tuệ thắng diệu sắp phát hiện viên mãn, con liền ở trước quý vị ấy, hiện thân **Độc-giác**⁽¹⁶³⁾, vì họ mà nói pháp, khiến được giải thoát.

Nếu các hàng Hữu-học đoạn dứt mười hai nhân duyên⁽¹⁶⁴⁾, hiển lộ lí tánh vô sinh, khi trí tuệ thắng diệu sắp phát hiện viên mãn, con liền ở trước quý vị ấy, hiện thân **Duyên-giác**⁽¹⁶⁵⁾, vì họ mà nói pháp, khiến được giải thoát.

Nếu các hàng Hữu-học thể hội được pháp Tứ Đế không⁽¹⁶⁶⁾, bước lên địa vị Tu-đạo⁽¹⁶⁷⁾, chứng nhập từng phần trạch diệt vô vi⁽¹⁶⁸⁾, khi thắng tánh sắp hiển hiện viên mãn, con liền ở trước quý vị ấy, hiện thân **Thanh-văn**⁽¹⁶⁹⁾, vì họ mà nói pháp, khiến được giải thoát.

Nếu có các chúng sinh muốn tâm được tỏ ngộ, không bị vướng vào dục trần, muốn thân thanh tịnh, con liền ở trước họ, hiện thân **Phạm Vương**⁽¹⁷⁰⁾ mà vì họ nói pháp, khiến được giải thoát.

Nếu có các chúng sinh muốn làm thiên chủ⁽¹⁷¹⁾ để thống lãnh thiên chúng, con liền ở trước họ, hiện thân **Đế Thích**⁽¹⁷²⁾ mà vì họ nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có các chúng sinh muốn thân được tự tại, du hành khắp mười phương, con liền ở trước họ, hiện thân **trời Tự Tại**⁽¹⁷³⁾ mà vì họ nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có các chúng sinh muốn thân được tự tại, có thể bay đi trên hư không, con liền ở trước họ, hiện

thân **trời Đại Tụ Tại**⁽¹⁷⁴⁾ mà vì họ nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có các chúng sinh muốn thống lãnh quỷ thần, cứu hộ các cõi nước, con liền ở trước họ, hiện thân **thiên đại tướng quân**⁽¹⁷⁵⁾ mà vì họ nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có các chúng sinh muốn thống lãnh thế giới, bảo hộ chúng sinh, con liền ở trước họ, hiện thân **trời Tứ-vương**⁽¹⁷⁶⁾ mà vì họ nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có các chúng sinh muốn sinh nơi thiên cung, sai khiến quỷ thần, con liền ở trước họ, hiện thân **thái tử của bốn vị Thiên vương** mà vì họ nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có các chúng sinh muốn làm vua cõi người⁽¹⁷⁷⁾, con liền ở trước họ, hiện thân **vua** mà vì họ nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có các chúng sinh muốn làm chủ gia tộc danh tiếng, được thế gian kính nể, con liền ở trước họ, hiện thân **trưởng giả**⁽¹⁷⁸⁾ mà vì họ nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có các chúng sinh muốn đàm luận về danh ngôn kim cổ để giữ mình trong nếp sống trong sạch, con liền ở trước họ, hiện thân **cur sĩ**⁽¹⁷⁹⁾ mà vì họ nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có các chúng sinh muốn trị lí quốc gia, xét đoán phân minh các việc tỉnh, quận, con liền ở trước họ, hiện thân **tể quan**⁽¹⁸⁰⁾ mà vì họ nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có các chúng sinh thích dùng bói toán bùa chú để giữ thân tâm an ổn, con liền ở trước họ, hiện thân **bà la môn**⁽¹⁸¹⁾ mà vì họ nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có kẻ thiện nam muốn tu học Phật pháp, bỏ tục xuất gia, hành trì giới luật, con liền ở trước người ấy, hiện thân **tì kheo** để nói pháp, khiến người ấy được thành tựu như ý.

Nếu có người tín nữ muốn tu học Phật pháp, bỏ tục xuất gia, hành trì giới luật, con liền ở trước người ấy, hiện thân **tì kheo ni** để nói pháp, khiến người ấy được thành tựu như ý.

Nếu có kẻ thiện nam muốn giữ gìn năm giới, con liền ở trước người ấy, hiện thân **cận sự nam** để nói pháp, khiến người ấy được thành tựu như ý.

Nếu có người tín nữ muốn giữ gìn năm giới, con liền ở trước người ấy, hiện thân **cận sự nữ** để nói pháp, khiến người ấy được thành tựu như ý.

Nếu có người đàn bà quyết chí lập thân nội chính⁽¹⁸²⁾ để tu thân, cảm hóa gia đình và yên trị quốc gia, con liền ở trước người ấy, hiện thân **hoàng**

hậu, phu nhân, hoặc mệnh phụ, đại cô⁽¹⁸³⁾ để nói pháp, khiến người ấy được thành tựu như ý.

Nếu có người con trai không muốn nhiễm dục trần⁽¹⁸⁴⁾, con liền ở trước người ấy, hiện thân **đồng nam**⁽¹⁸⁵⁾ để nói pháp, khiến người ấy được thành tựu như ý.

Nếu có người con gái muốn giữ thân trinh thực, sống đời xử nữ⁽¹⁸⁶⁾, không muốn lập gia đình, con liền ở trước người ấy, hiện thân **đồng nữ**⁽¹⁸⁷⁾ để nói pháp, khiến người ấy được thành tựu như ý.

Nếu có thiên chúng nào muốn ra khỏi loài trời⁽¹⁸⁸⁾, con liền hiện thân **trời** mà vì nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có loài rồng muốn thoát khỏi loài mình, con liền hiện thân **rồng** mà vì nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có quỷ được xoa⁽¹⁸⁹⁾ muốn thoát khỏi loài mình, con liền ở trước họ, hiện thân **được xoa** mà vì nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có thần càn thát bà⁽¹⁹⁰⁾ muốn thoát khỏi loài mình, con liền ở trước họ, hiện thân **càn thát bà** mà vì nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có thần a tu la⁽¹⁹¹⁾ muốn thoát khỏi loài mình, con liền ở trước họ, hiện thân **a tu la** mà vì nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có thần khản na la⁽¹⁹²⁾ muốn thoát khỏi loài mình, con liền ở trước họ, hiện thân **khản na la** mà vì nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có loài ma hô la già⁽¹⁹³⁾ muốn thoát khỏi loài mình, con liền ở trước họ, hiện thân **ma hô la già** mà vì nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có các chúng sinh muốn sinh làm người và tu trì để đời đời được thân người, con liền hiện thân **người** mà vì họ nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Nếu có loài **phi nhân**⁽¹⁹⁴⁾, hoặc có hình sắc, hoặc không có hình sắc, hoặc có tư tưởng, hoặc không có tư tưởng, muốn thoát khỏi loài mình, con liền ở trước họ, hiện thân họ mà vì nói pháp, khiến được thành tựu như ý.

Đó là 32 ứng thân nhiệm màu không nhiệm trước, hiện vào các cõi nước mười phương. Những thân đó đều do diệu lực vô tác của *văn-huân văn-tu tam-muội* mà thành tựu một cách tự tại.

Bạch đức Thế Tôn! Con lại do diệu lực vô tác của văn huân văn tu kim cang tam muội ấy, mà cùng với tất cả chúng sinh trong sáu đường khắp mười phương ba đời, đồng một lòng bi ngưỡng, khiến cho tất cả chúng sinh, ở nơi thân tâm con, được mười bốn thứ công đức vô úy:

Một là, do con không quán âm thanh đối tượng, mà quán cái tâm năng quán của mình, khiến cho chúng sinh **khổ não** khắp mười phương, quán âm thanh như vậy thì được **giải thoát**.

Hai là, con xoay tri kiến trở lại soi chiếu nội tâm, khiến cho chúng sinh dù vào đồng lửa lớn, cũng **không bị lửa đốt cháy**.

Ba là, con quán cái nghe xoay vào nội tâm, khiến cho chúng sinh dù bị nước lớn cuốn trôi, cũng **không bị nước nhận chìm**.

Bốn là, con đoạn diệt hết vọng tưởng, không còn tâm sát hại, khiến cho chúng sinh dù phải vào trong các nước quỷ, cũng **không bị chúng quỷ làm hại**.

Năm là, con huân tập cái nghe mà thành tựu tánh nghe chân thật; cả sáu căn đều tiêu huyễn vọng mà trở về chân tánh, đồng như cái tiếng, cái nghe; khiến cho chúng sinh lúc sắp phải bị hại, **dao gậy từng khúc**, binh khí chạm thân dường như chém nước, như gió thổi ánh sáng, tánh không giao động.

Sáu là, con huân tập tánh nghe tinh thuần, sáng khắp pháp giới, thì những gì đen tối không thể tồn tại, khiến cho chúng sinh, dù các loài **ác quỷ** như được xoa, la sát⁽¹⁹⁵⁾, cưu bàn trà⁽¹⁹⁶⁾, tì xá già⁽¹⁹⁷⁾, phú đơn na⁽¹⁹⁸⁾, vân vân..., nếu có đứng gần cũng **không thể nhìn thấy**.

Bảy là, hai tánh động, tĩnh của âm thanh đều tiêu diệt hoàn toàn, con quán chiếu tánh năng vặn xoay ngược vào trong, xa lìa hết các trần cảnh hư vọng, khiến cho chúng sinh, tất cả những thứ **gông cùm xiềng xích đều không dính đến thân thể.**

Tám là, con dứt tuyệt âm thanh, tròn vẹn tánh nghe, từ lực phát sinh cùng khắp, khiến cho chúng sinh, dù đi qua con đường nguy hiểm, cũng **không bị giặc cướp làm hại.**

Chín là, con huân tu tánh nghe thanh tịnh, xa lìa các trần tướng, sắc dục không thể quyến rũ, khiến cho các chúng sinh đa dâm **rời xa tham dục.**

Mười là, con lưu lại thuần một thật tướng của âm thanh, không còn mây may đối tượng thanh trần, căn cảnh viên dung, không có năng sở đối đãi, khiến cho các chúng sinh nhiều nóng giận **dứt bỏ sân hận.**

Mười một là, con tiêu trừ vọng trần đối tượng, xoay cái nghe về tự tánh sáng suốt, từ ngoài pháp giới đến trong thân tâm trong sáng như ngọc lưu li, rỗng suốt không có gì chướng ngại, khiến cho tất cả chúng sinh ngu ngốc đần độn vĩnh viễn **xa lìa si mê tăm tối.**

Mười hai là, tiêu trừ hết huyễn hình tứ đại, con xoay tánh nghe trở về nơi tịch diệt bất động, hòa nhập vào thế gian mà không hủy hoại thế gian; cúng

dường chư Phật nhiều như vi trần trong khắp mười phương, mỗi mỗi đức Phật con đều ở bên cạnh làm pháp vương tử, khiến cho tất cả những kẻ không có con trong khắp pháp giới, muốn cầu có con trai thì **sinh được con trai phúc đức trí tuệ.**

Mười ba là, sáu căn con viên thông, chiếu sáng không hai, bao trùm mười phương pháp giới, thành chiếc kính lớn tròn đầy, thành không như lai tạng, vãng lãnh các pháp môn bí mật của chư Phật nhiều như vi trần trong khắp mười phương, lãnh nhận không thiếu sót; khiến cho những kẻ không có con trong thế gian, muốn cầu có con gái, thì sinh được **con gái xinh đẹp, đoan chính, phúc đức, dịu hiền, mọi người yêu kính.**

Mười bốn là, trong ba ngàn đại thiên thế giới này có trăm ức mặt trời mặt trăng, các vị pháp vương tử hiện trú ở thế gian nhiều đến 62 lần số cát sông Hằng, đều tu Phật pháp, làm mô phạm, giáo hóa và tùy thuận chúng sinh, trí tuệ và phương tiện mỗi ngài mỗi khác. Vậy mà, do con đã được nhĩ căn viên thông, phát ra diệu tánh của nhĩ căn, sau đó thì thân tâm trở nên vi diệu, bao trùm cùng khắp pháp giới, cho nên có thể khiến cho người chấp trì danh hiệu của con, so với người chấp trì danh hiệu của 62 lần số cát sông Hằng các vị pháp vương tử nói trên,

phước đức của hai người này ngang bằng nhau, không có gì sai khác. Bạch đức Thế Tôn! Sở dĩ một danh hiệu của con cùng với rất nhiều danh hiệu kia không khác, là do con đã tu tập và chứng được tánh viên thông chân thật.

Đó gọi là mười bốn sức *vô úy thí*, đem phúc lành đến khắp chúng sinh.

Bạch đức Thế Tôn! Con lại do chứng được đạo viên thông vô thượng đó, cho nên cũng có được *bốn diệu đức vô tác* không thể nghĩ bàn:

Một là, do ban đầu con đạt được tánh nghe chí diệu, thoát khỏi năng văn sở văn, chỉ còn cái tâm tinh thuần; bấy giờ thì các sự thấy, nghe, hay, biết của sáu căn không còn cách biệt, mà thành một tánh biết viên dung thanh tịnh. Cho nên con có thể hiện ra rất nhiều hình dạng màu nhiệm, có thể nói ra vô biên thần chú bí mật: hoặc con hiện ra một đầu, ba đầu, năm đầu, hay bảy đầu, chín đầu, mười một đầu, cho đến một trăm lẻ tám đầu, một ngàn đầu, một vạn đầu, hay tám vạn bốn ngàn đầu kim cang bất hoại; hoặc hiện ra hai tay, bốn tay, sáu tay, tám tay, mười tay, mười hai tay, hay mười bốn, mười sáu, mười tám, hai mươi, hăm bốn, cho đến một trăm lẻ tám tay, một ngàn tay, một vạn tay, hay tám vạn bốn ngàn tay bất ẩn; hoặc hiện ra hai mắt, ba mắt, bốn

mắt, chín mắt, cho đến một trăm lẻ tám mắt, một ngàn mắt, một vạn mắt, hay tám vạn bốn ngàn mắt thanh tịnh; hoặc hiện tướng từ bi, hoặc hiện tướng uy dũng, hoặc hiện tướng định tĩnh, hoặc hiện tướng trí tuệ, nhằm cứu độ chúng sinh được đại tự tại.

Hai là, do cái nghe, cái nghĩ của con đã thoát ra khỏi sáu trần, như âm thanh đi qua bức tường mà không bị ngăn ngại, cho nên diệu dụng của con có thể hiện ra nhiều hình tướng, tụng nhiều thần chú. Hình tướng ấy, thần chú ấy đều có thể đem sức vô úy bố thí cho chúng sinh. Vì vậy, các cõi nước nhiều như vi trần trong khắp mười phương đều gọi con là người “bố thí vô úy”.

Ba là, do con tu tập tánh viên thông mầu nhiệm vốn có mà được nhĩ căn thanh tịnh, nên đi du hóa đến thế giới nào cũng khiến cho chúng sinh xả bỏ tất cả những trần châu bảo vật của tự thân để cầu được con thương xót.

Bốn là, con có được tâm Phật, chứng đến chỗ rốt ráo, cho nên có thể đem các thứ trần bảo cúng dường chư Phật mười phương. Mặt khác, chúng sinh trong sáu đường khắp cùng pháp giới, ai cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu tam muội được tam muội, cầu sống lâu được sống lâu, cho đến cầu đại niết bàn cũng được đại niết bàn.

Nay đức Thế Tôn hỏi về nhân duyên và phương tiện chứng ngộ viên thông, con do từ cánh cửa nhĩ căn, quán chiếu tánh nghe và âm thanh đến chỗ tột cùng viên mãn mà chứng được tam-muội, tùy duyên ứng hóa, tâm được tự tại. Con đã do nơi nhĩ căn mà nhập vào dòng niết bàn, được tam-ma-địa, thành tựu đạo quả bồ đề; cho nên đối với con, **nhĩ căn** là phương tiện ưu việt nhất.

Bạch đức Thế Tôn! Đức Quán Thế Âm Như Lai kia đã khen ngợi con khéo được pháp môn viên thông, cho nên ở giữa hội chúng, Ngài đã thọ kí cho con danh hiệu Quán Thế Âm. Lại do tánh thấy nghe của con tròn sáng chiếu khắp mười phương, nên danh hiệu Quán Thế Âm cũng phổ cập mười phương thế giới.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn ngồi trên tòa sư tử, từ năm vóc phóng ra ánh sáng báu, soi sáng trên đỉnh đầu của chư Phật, chư vị Pháp vương tử và chư Bồ-tát nhiều như vi trần ở khắp mười phương. Chư Phật trong khắp mười phương kia cũng đồng từ năm vóc phóng ra ánh sáng báu soi đến đỉnh đầu đức Thế Tôn, chư vị Bồ-tát và A-la-hán trong pháp hội. Rừng cây, ao hồ đều diễn ra pháp âm. Hào quang của chư Phật giao hòa nhau như lưới tơ báu. Tất cả đại chúng được điều chưa từng có, tất cả đều được Kim-cang

tam-muội. Liên khi ấy, trời mưa hoa sen trăm báu, đủ các màu xanh, vàng, đỏ, trắng xen lộn lẫn nhau, cả mười phương hư không hóa thành màu bảy báu. Núi, sông, đất liền của cõi Ta-bà này bỗng nhiên không hiện hữu nữa, chỉ thấy các cõi nước nhiều như vi trần trong mười phương hợp lại thành một thế giới, tiếng ca ngâm tán thán tự nhiên dìu dặt nổi lên.

Bấy giờ, đức Phật bảo Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng:

– Cả hai mươi lăm vị Vô-học vừa là đại Bồ-tát, vừa là A-la-hán, vừa rồi đã trình bày từ thuở ban đầu phát tâm cho đến khi thành đạo, mỗi mỗi đều dùng một căn, một trần, một thức, hoặc một đại mà làm phương tiện tu tập để chứng được viên thông chân thật. Chỗ tu chứng của quý vị ấy thật không hơn kém, mau chậm khác nhau. Nhưng vì muốn cho thầy A Nan khai ngộ, nên giờ đây Như Lai nhờ ông xét kỹ, trong hai mươi lăm pháp môn tu tập kia, pháp tu nào xứng hợp với căn cơ của thầy ấy? Lại nữa, sau khi Như Lai diệt độ, nếu có chúng sinh của thế giới này tu tập theo hạnh Bồ-tát mà cầu đạo Bồ đề Vô thượng, thì họ nên dùng pháp môn phương tiện nào để dễ thành tựu?

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi vâng theo từ ý của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, nương theo oai thần của Phật mà nói bài kệ bạch Phật rằng:

*Biển Giác tánh lắng trong,
Vốn tròn vẹn nhiệm màu;
Bởi bản minh chiếu soi,
Cho nên có “sở chiếu”;
Do phân biệt “năng, sở”,
Làm mất tánh bản minh.
Mê vọng có hư không,
Rồi nương nơi hư không
Mà hình thành thế giới.
Do vọng tưởng ngưng kết,
Thành vô tình quốc độ;
Do vọng tưởng thấy biết,
Thành hữu tình chúng sinh.
Đại giác sinh hư không,
Như biển sinh bọt nước,
Vô số cõi hữu lậu
Đều do hư không sinh;
Bọt nước rồi bể tan,
Hư không vốn không có,
Ba cõi cũng hoàn không!
Về nguồn tánh không hai;*

*Phương tiện có nhiều cách,
Quả chứng không trái nhau,
Thuận, nghịch là phương tiện.
Những người sơ phát tâm,
Vì cơ trí không đều,
Tu chứng vào Tam-muội,
Mau chậm chẳng đồng nhau.*

*Sắc trần được hình thành
Do vọng tưởng ngưng kết,
Hay biết không thể thấu;
Cái không thể thấu suốt,
Thì người sơ phát tâm
Để gì nương sắc trần
Để tu chứng viên thông!*

*Âm thanh cùng ngữ ngôn
Kết hợp xen lẫn nhau,
Biểu thị thành ý nghĩa
Của danh ngôn, văn cú;
Nhưng một danh, cú, nghĩa,
Không bao hàm tất cả,
Thì người sơ phát tâm
Để gì nương thanh trần
Để tu chứng viên thông!*

*Mùi hương phải chạm mũi,
Mới biết là có hương,
Nếu cách rời, không có.
Tị căn và hương trần
Không thường hằng xúc hợp,
Thì người sơ phát tâm
Để gì nương hương trần
Để tu chứng viên thông!*

*Vị, phải nếm mới biết,
Không đương nhiên tự có.
Thiệt căn và vị trần
Không thường hằng xúc hợp,
Thì người sơ phát tâm
Để gì nương vị trần
Để tu chứng viên thông!*

*Xúc, có chạm mới biết,
Nếu không vật gì chạm,
Thì không có xúc trần.
Hợp, lìa, không nhất định
Thì người sơ phát tâm
Để gì nương xúc trần
Để tu chứng viên thông!*

*Pháp gọi là “nội trần”,
Là đối tượng “sở tri”,
Năng, sở không dung khắp
Thì người sơ phát tâm
Để gì nương pháp trần
Để tu chứng viên thông!*

*Mắt thấy tuy rộng suốt,
Nhưng chỉ thấy phía trước,
Không thể thấy phía sau,
Đối với bốn phương góc,
Chỉ thấy được một nửa,
Thì người sơ phát tâm
Để gì nương nhãn căn
Để tu chứng viên thông!*

*Mũi thở ra, thở vào,
Chặng giữa hơi đứt đoạn;
Thở ra thì không vào,
Thở vào thì không ra,
Cách trở, không dung thông,
Thì người sơ phát tâm
Để gì nương tị căn*

Đề tu chứng viên thông!

*Lưỡi nếm biết được vị,
Phải xúc chạm vị trần;
Nếu vị trần tiêu vong,
Tánh biết vị không có,
Thì người sơ phát tâm
Để gì nương thiết căn
Đề tu chứng viên thông!*

*Thân thể chạm xúc biết
Thì phải có đối tượng.
Nhưng năng xúc, sở xúc,
Giới hạn, không liên tục,
Thì người sơ phát tâm
Để gì nương thân căn
Đề tu chứng viên thông!*

*Ý căn thường loạn tưởng,
Nếu tư duy dừng lại,
Chẳng còn thấy biết gì;
Nhưng niệm tưởng tạp loạn,
Không dễ gì thoát được,
Thì người sơ phát tâm*

*Dễ gì nương ý căn
Đề tu chứng viên thông!*

*Nhãn thức muốn phát khởi,
Phải nhờ đủ căn, trần,
Xét tận cùng gốc rễ,
Hư vọng, không thật thể.
Tự thể không nhất định
Thì người sơ phát tâm
Dễ gì nương nhãn thức
Đề tu chứng viên thông!*

*Nhĩ thức nghe mười phương,
Do hạnh nguyện rộng lớn.
Hạng người sơ phát tâm
Không thể đạt đến đó,
Nên nếu nương nhĩ thức,
Khó tu chứng viên thông!*

*Quán điểm trắng chót mũi,
Vốn chỉ là quyền cơ,
Nhằm khiến tâm an trụ;
Không phải là khả năng
Mà **tị thức** vốn có.
Khi tâm đã an trụ,*

Tức điểm trắng chót mũi
Thành chỗ trụ của tâm;
Nhưng chân tâm vô trụ,
Làm sao kẻ sơ tâm
Nương đó chứng viên thông!

Dùng **thiệt thức** nói pháp,
Chỉ là khéo xếp đặt
Ngôn ngữ cùng âm thanh.
Nhưng nếu được khai ngộ,
Thì chỉ là thành tựu
Sức biện tài nhiều kiếp;
Tất cả mọi danh cú
Đều là pháp hữu vi,
Làm sao chứng viên thông!

Giữ giới không cho phạm,
Chỉ ràng buộc **thân thức**;
Ngoài phạm vi thân thức,
Không gì bị ràng buộc,
Cho nên không biến khắp.
Kẻ sơ tâm nương vào
Pháp môn không biến khắp,
Làm sao chứng viên thông!

Chúng được sáu thân thông
Do tu nhân đời trước,
Đâu có quan hệ gì
Tới ý thức phân biệt!
Ý thức đối pháp trần
Khởi niệm niệm phân biệt;
Làm sao kẻ sơ tâm
Nương vào vọng thức ấy
Mà chúng được viên thông!

Nếu quán tánh **địa đại**,
Cứng chắc không thông suốt;
Đó là pháp hữu vi,
Không phải là chân tánh,
Làm sao kẻ sơ tâm
Nương vào pháp hữu vi
Mà chúng được viên thông!

Nếu quán tánh **thủy đại**
Do niệm tưởng mà thành,
Không phải tánh như thật.
Như như không thể quán,
Làm sao kẻ sơ tâm
Nương vào tâm giác quán
Mà chúng được viên thông!

*Nếu quán tánh **hỏa đại**,
Vì chán có lửa dục
Nên mong cầu lìa dục,
Không phải chân thật lìa;
Chẳng phải là phương tiện
Phù hợp kẻ sơ tâm
Để tu chứng viên thông!*

*Nếu quán tánh **phong đại**,
Lúc động, lúc yên lặng,
Thuộc trong vòng đối đãi,
Trái với vô thường giác.
Làm sao kẻ sơ tâm
Nương vào pháp vô thường
Mà tu chứng viên thông!*

*Nếu quán tánh **không đại**,
Trơ trơ, không hay biết,
Khác hẳn tánh bồ đề.
Làm sao kẻ sơ tâm
Nương cái vô tri giác
Mà tu chứng viên thông!*

*Nếu quán tánh **thức đại**,*

*Sinh diệt, không thường trú;
Nếu giữ tâm chẳng động,
Do sức quán trì giữ,
Cũng thuộc về hư vọng.
Làm sao kẻ sơ tâm
Nương vào tâm vô thường
Mà tu chứng viên thông!*

*Các hành đều vô thường,
Niệm tưởng vốn sinh diệt;
Nhân và quả khác biệt,
Làm sao kẻ sơ tâm
Nương tâm niệm sinh diệt
Mà tu chứng viên thông!*

*Kính bạch đức Thế Tôn!
Phật ở cõi Ta-bà,
Theo cơ nghi cõi này
Lập giáo thể chân thật,
Thanh tịnh mà châu biến,
Chỉ tại nói và nghe.
Muốn chứng tam-ma-đề,
Thật nên dùng **tánh nghe**.
Lành thay, Quán Thế Âm!
Đã lìa khổ, giải thoát;*

*Trải qua hằng sa kiếp,
Vào vô số cõi Phật,
Được sức đại tự tại,
Bồ thí đức vô úy
Cho tất cả chúng sinh;
Tiếng nói pháp nhiệm mầu,
Tiếng nói nhìn vào đời,
Tiếng hoàn toàn thanh tịnh,
Tiếng ứng hợp thời cơ;
Thường cứu giúp thế gian
Mọi sự đều an lành,
Chứng đạo xuất thế gian,
Thường trụ, không sinh diệt.*

*Kính bạch đức Thế Tôn!
Như Quán Âm đã nói,
Ví như có một người
Đang ngồi nơi yên tĩnh,
Mười phương đều đánh trống,
Thì người ấy cùng thời
Nghe trống khắp mười nơi;
Cho nên biết **tánh nghe**
Bản lai vốn viên mãn,
Không vọng, không hư dối.*

Mắt nếu bị ngăn che,
Không thể thấy thông suốt;
Miệng, mũi cũng như vậy;
Thân có chạm mới biết;
Ý niệm luôn lãng xãng,
Ngón ngang không đầu mối!
Tai, cách tường vẫn nghe,
Xa gần đều nghe được,
Năm căn không sánh bằng;
Cho nên biết **tánh nghe**
Bản lai vốn thông suốt,
Không vọng, không hư dối.

Tiếng có động, có tĩnh,
Nghe lúc có, lúc không;
Không tiếng, gọi không nghe,
Chẳng phải không tánh nghe.
Trong lúc không có tiếng,
Tánh nghe vẫn không diệt;
Trong lúc đang có tiếng,
Tánh nghe cũng không sinh.
Như thế là tánh nghe
Lìa cả sinh và diệt;
Cho nên biết tánh nghe
Bản lai vốn thường trú,

Không vọng, không hư dối.

*Dầu cho trong lúc ngủ,
Ý thức không nghĩ suy,
Nhưng không phải vì vậy
Mà tánh nghe chẳng có;
Cho nên biết **tánh nghe**
Vượt ngoài sự suy nghĩ,
Thân tâm không sánh bằng.*

*Nay cỡi Ta-bà này,
Nương tiếng nói luận giải,
Nghĩa lí được tuyên dương.
Nhưng chúng sinh mê muội,
Không thấu đạt tánh nghe,
Chỉ bám theo thanh trần,
Cho nên mãi lưu chuyển!
Ngay như thầy A Nan,
Tuy nghe nhiều nhớ kĩ,
Không khỏi vướng niệm tà!
Mê tiếng thì lưu chuyển;
Xoay nghe vào bản tánh,
Thì chứng ngộ chân thường.*

Này đây thầy A Nan!

Xin lắng lòng nghe kĩ,
Tôi nương uy lực Phật,
Tuyên nói pháp Tam-muội
Cứng chắc như kim cương:
Như-Huyền Tam-ma-đề,
Thật không thể nghĩ bàn,
Nơi xuất sinh chư Phật.

Thầy đã từng được nghe
Tất cả pháp bí áo
Của vô lượng chư Phật,
Nhưng dục lậu chưa trừ,
Tuy tích chứa nghe nhiều,
Trở lại thành lầm lỗi!

Thầy đã dùng cái nghe
Để thọ trì Phật Pháp,
Sao không xoay cái nghe
Để nghe cái tánh nghe?

Nghe, không tự nhiên sinh,
Nhân tiếng mà có tên.
Xoay nghe nghe tự tánh,
Thoát li khỏi thanh trần.
Nghe đã thoát thanh trần,

Tên gọi cũng không có.
Một căn đã về nguồn,
Sáu căn đều giải thoát.

Thấy nghe như bệnh lòa,
Ba cõi như không hoa,
Nghe đã xoay về cõi,
Bệnh lòa liền dứt trừ,
Trần giới cũng tiêu tan,
Tánh Giác tròn hiển lộ.

Tánh Giác cực thanh tịnh,
Tâm sáng cực viên mãn,
Tịch chiếu trùm hư không.
Xem trở lại thế gian,
Toàn là việc trong mộng.
Ma Đãng Già là mộng,
Thì ai giữ được thầy?

Như ta thấy ở đời,
Người làm trò ảo thuật,
Khéo làm hình trai, gái,
Tuy người xem thấy rõ
Các căn đều cử động,
Nhưng sự thật là do

*Một cái máy điều khiển;
Máy ngừng, hình đứng yên,
Trò huyền trở thành không.
Sáu căn cũng như vậy,
Vốn nương một tinh minh,
Phân thành sáu hòa hợp,
Một căn đã quay về,
Sáu căn đều tịch tĩnh.
Một niệm trần cấu tiêu,
Thành viên minh tịnh diệu.
Còn trần là hữu học,
Sáng tốt tức Như Lai.*

*Thừa Đại Chúng hiện tiền,
Cùng với thầy A Nan!
Hãy trừ bỏ cái nghe
Bám thanh trần điên đảo,
Hãy xoay lại cái nghe
Quay về nghe tự tánh,
Tánh thành Đạo Vô Thượng.
Đó thật là pháp môn
Kẻ sơ tâm nương vào
Để tu chứng viên thông.
Đó là con đường thẳng
Mà chư Phật mười phương*

Tiến vào cửa niết bàn.
Chư Phật đời quá khứ
Đã thành tựu pháp này;
Chư Bồ-tát hiện tại
Cũng nương pháp môn này
Nhập cảnh giới viên minh;
Và ở đời vị lai,
Những người tu học Phật
Cũng theo pháp môn ấy.
Chẳng riêng Quán Thế Âm,
Tôi cũng trong pháp ấy
Mà tu chứng viên thông.

Thật như lời Thế Tôn
Hỏi con các phương tiện
Dùng để cứu chúng sinh
Ở thời kì mạt pháp,
Người muốn cầu xuất thế,
Thành tựu tâm niết bàn,
Thì phương tiện “nhĩ căn”
Của Bồ Tát Quán Âm
Là siêu việt hơn hết;
Còn các phương tiện khác,
Đều nhờ oai thần Phật,
Khiến gặp được cơ duyên

*Mà thoát bỏ trần lao,
Không phải là pháp tu
Lâu dài cho mọi người,
Cũng không thể cùng lúc
Nói cho người căn cơ
Sâu, cạn không đồng nhau.*

*Đảnh lễ Như Lai Tạng
Vô lậu, không nghĩ bàn,
Gia hộ đời vị lai
Người tu pháp môn này
Tỏ ngộ, không mê hoặc.
Phương tiện kẻ sơ tâm
Tu dễ dàng thành tựu!
Đây quả là pháp môn
Hợp cơ thầy A Nan
Cùng chúng sinh đời sau,
Chỉ cần tu “**nhĩ căn**”,
Mau chứng được Viên Thông,
Hơn các pháp môn khác.
Yếu quyết tu Chân Tâm,
Chỉ như vậy mà thôi!*

Lúc bấy giờ, đại đức A Nan cùng cả đại chúng, nhận được sự khai thị quý báu của Bồ Tát Văn Thù,

thân tâm hoát nhiên rộng suốt, thấy rõ quả Bồ Đề và cảnh giới Đại Niết Bàn của Phật, cũng giống như có người có việc đi xa, chưa đến lúc trở về, mà con đường dẫn về nhà thì đã biết rõ. Tất cả chúng hội, trong đó có tám bộ Trời Rồng, hàng Nhị-thừa hữu học, và tất cả các vị Bồ-tát mới phát tâm, số lượng nhiều bằng mười lần số cát sông Hằng, đều chứng ngộ chân tâm vốn có, xa lìa hết trần cấu, đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Tì kheo ni Ma Đăng Già vừa nghe xong bài kệ trên, liền chứng quả A-la-hán. Vô lượng chúng sinh đều phát tâm vô thượng bồ đề.

Đại đức A Nan sửa áo chỉnh tề, ở trong đại chúng, chấp tay đánh lễ Phật. Chân tâm sáng tỏ, buồn vui lẫn lộn, vì muốn lợi ích cho chúng sinh đời vị lai, đại đức cúi đầu bạch Phật:

– Bạch đức Thế Tôn đại bi! Con nay đã tỏ ngộ pháp môn thành Phật, nương theo đó mà tu hành, không còn nghi hoặc. Con thường nghe đức Thế Tôn dạy rằng: “Tự mình chưa được độ mà trước đã độ người, đó là sự phát tâm của chư vị Bồ-tát; tự mình đã giác ngộ viên mãn, rồi độ cho chúng sinh giác ngộ, đó là sự ứng thế của các đức Như Lai.” Con tuy chưa được độ, nhưng nguyện cứu độ tất cả chúng sinh đời mạt pháp. Bạch đức Thế Tôn! Các chúng sinh ấy cách Phật ngày càng xa, tà sư thuyết pháp

nhiều như cát sông Hằng. Vậy, nếu muốn những kẻ sơ tâm tu học nhiếp tâm vào tam-ma-địa, thì làm sao khiến họ an lập đạo tràng, xa lìa ma sự, tâm bồ đề không bị thổi chuyễn?

Lúc bấy giờ, ở giữa chúng hội, đức Phật khen ngợi đại đức A Nan rằng:

– Lành thay! Lành thay! Như thầy vừa hỏi về việc an lập đạo tràng, cứu hộ chúng sinh trầm luân trong đời mạt pháp, thì đây, thầy hãy lắng nghe, Như Lai sẽ nói rõ.

Đại đức A Nan và đại chúng đồng vâng dạ. Phật dạy:

– A Nan! Thầy thường nghe trong giới luật, Như Lai từng tuyên nói ba nghĩa quyết định của sự tu hành, đó là: Nhiếp tâm gọi là GIỚI, nhân Giới mà sinh ĐỊNH, nhân Định mà phát TUỆ; ấy gọi là **“ba pháp học vô lậu”**.

Thầy A Nan! Vì sao nhiếp tâm mà gọi là **“Giới”**?

Chúng sinh trong sáu đường ở khắp các thế giới, nếu tâm họ không dâm dục, thì họ không còn tiếp tục trôi lăn trong sinh tử. Thầy tu pháp tam muội cốt để thoát khỏi trần lao, nếu tâm dâm dục không đoạn trừ thì không thể thoát khỏi trần lao được. Dù có nhiều trí, thiên định hiện tiền, nhưng tâm dâm dục không đoạn dứt, chắc chắn sẽ lạc vào ma đạo: hạng

cao thì thành ma vương; hạng vừa thì thành ma dân; hạng thấp thì thành ma nữ. Các loại ma kia cũng có đồ chúng, và đều tự xưng mình là thành đạo vô thượng! Sau khi Như Lai diệt độ, ở trong đời mạt pháp, những loài ma này vô cùng đông đúc, uy thế lừng lẫy thế gian, đầy dẫy những hành vi tham dâm, lại giả làm thiện tri thức, khiến cho chúng sinh sa xuống hố ái nhiễm, bỏ mất con đường bồ đề.

Thầy dạy người đời tu pháp chánh định, trước hết phải dứt bỏ tâm dâm dục. Đó là lời dạy sáng rõ, thanh tịnh, quyết định thứ nhất của Như Lai và chư Phật quá khứ.

Vì vậy cho nên, này A Nan! Người tu thiền định mà không đoạn tuyệt lòng dâm dục, thì cũng giống như nấu cát đá mà muốn thành cơm, trải qua trăm nghìn kiếp, vẫn chỉ là cát đá nóng mà thôi. Vì sao vậy? Vì giống gốc của nó là cát đá, không phải là cơm. Thầy dùng cái thân dâm dục mà cầu quả Phật vi diệu, giả sử trải qua nhiều kiếp tu tập mà được khai ngộ, cũng chỉ là gốc dâm dục. Giống gốc đã là dâm dục thì chắc chắn phải trôi lăn trong ba ác đạo, không thể thoát ra khỏi; đâu có con đường nào để tu chứng niết bàn của chư Phật? Chắc chắn là phải làm cho cái nguồn gốc phát động dâm dục, ở cả tâm lẫn thân, đều bị đoạn trừ; cho đến chính cái tánh đoạn

trừ cũng không còn nữa, thì mới trông mong chúng quả Bồ đề của Phật. Đúng như lời Như Lai nói đây, tức là *lời của Phật*; không đúng như lời nói này, tức là *lời của ma Ba-tuần*.

Lại nữa, này A Nan! Chúng sinh trong sáu đường ở khắp các thế giới, nếu tâm họ không giết hại, thì họ không còn tiếp tục trôi lăn trong sinh tử. Thầy tu pháp tam muội cốt để thoát khỏi trần lao, nếu tâm giết hại không đoạn trừ thì không thể thoát khỏi trần lao được. Dù có nhiều trí, thiên định hiện tiền, nhưng tâm giết hại không đoạn dứt, chắc chắn sẽ lạc vào thần đạo: hạng cao thì thành quỷ đại lực; hạng vừa thì thành dạ xoa phi hành hoặc quỷ thống soái; hạng thấp thì thành quỷ la sát đi trên mặt đất. Các loại quỷ thần kia cũng có đồ chúng, và đều tự xưng mình là thành đạo vô thượng! Sau khi Như Lai diệt độ, ở trong đời mạt pháp, những loài quỷ thần này vô cùng đông đúc, uy thế lừng lẫy thế gian. Chúng tự nói rằng, ăn thịt cũng đạt được đạo bồ đề.

Này A Nan! Như Lai bảo các thầy tỳ kheo ăn năm thứ tịnh nhục⁽¹⁹⁹⁾, thịt ấy đều do thần lực của Như Lai hóa sinh, vốn không có mạng căn⁽²⁰⁰⁾. Xứ sở của bà-la-môn, đất đai phần nhiều nóng ẩm, lại thêm nhiều cát đá, rau cỏ không sinh sản được. Như Lai dùng sức đại bi gia bị; nhân tâm đại từ bi mà giả gọi

là thịt, và quý thầy cũng cảm nhận được cái vị “như thịt” ấy. Làm sao sau khi Như Lai diệt độ, những người thật sự ăn thịt chúng sinh mà gọi là Phật tử! Quý thầy nên biết, những người ăn thịt, dù tâm có được khai ngộ, cũng chẳng qua chỉ tương tự như chánh định mà thôi, thực sự đều là đại la sát, sau khi hết báo thân ấy, chắc chắn sẽ chìm đắm trong biển khổ sinh tử, chẳng phải là đệ tử Phật. Những người như thế, giết nhau, ăn nhau không dứt, thì làm sao thoát ra khỏi ba cõi!

Thầy dạy người đời tu pháp chánh định, trước hết phải dứt bỏ tâm dâm dục; thứ đến là phải dứt bỏ tâm sát sinh. Đó là lời dạy sáng rõ, thanh tịnh, quyết định thứ nhì của Như Lai và chư Phật quá khứ.

Vì vậy cho nên, này A Nan! Người tu thiền định mà không đoạn tuyệt tâm giết hại, thì cũng giống như người tự bịt tai mình, cất tiếng kêu lớn mà mong người khác đừng nghe; đó gọi là càng muốn ẩn thì càng lộ. Hàng tì kheo thanh tịnh và các vị Bồ-tát, đi trên đường mòn còn không dẫm cỏ non, huống nữa là lấy tay nhổ cỏ! Làm sao người có tâm đại bi mà lại lấy máu thịt của chúng sinh làm thức ăn? Nếu các thầy tì kheo không mặc các thứ vải bằng tơ lụa lượt là, không dùng các thứ giày da áo lông của phương Đông, cũng như không ăn các thứ sữa, bơ, phó-mát,

những thầy tì kheo ấy đối với thế gian thật là giải thoát, đã trả hết oan trái đời trước, không còn trở lại trong ba cõi nữa. Vì sao thế? Dùng các bộ phận của thân thể chúng sinh thì phải kết duyên nợ với chúng sinh; như con người ăn trăm thứ mẽ cốc lấy từ đất, thì chân không rời khỏi đất. Những người nhất quyết làm cho cả thân và tâm mình, không ăn các thứ làm từ xương thịt chúng sinh, không dùng các thứ làm bằng các bộ phận của thân thể chúng sinh, Như Lai nói đó là những người chân thật giải thoát. Đúng như lời Như Lai nói đây, tức là *lời của Phật*; không đúng như lời nói này, tức là *lời của ma Ba-tuần*.

Lại nữa, này A Nan! Chúng sinh trong sáu đường ở khắp các thế giới, nếu tâm họ không trộm cắp, thì họ không còn tiếp tục trôi lăn trong sinh tử. Thầy tu pháp tam muội cốt để thoát khỏi trần lao, nếu tâm trộm cắp không đoạn trừ thì không thể thoát khỏi trần lao được. Dù có nhiều trí, thiên định hiện tiền, nhưng tâm trộm cắp không đoạn dứt, chắc chắn sẽ lạc vào tà đạo: hạng cao thì thành tinh linh; hạng vừa thì thành yêu mị; hạng thấp thì thành người tà, bị các loài yêu mị nhập vào mê hoặc. Các loại tà mị kia cũng có đồ chúng, và đều tự xưng mình là thành đạo vô thượng! Sau khi Như Lai diệt độ, ở trong đời mạt pháp, những loài tà mị này vô cùng đông đúc, uy thế

lùng lấy thể gian, núp lén gian dối, xưng là thiện tri thức, tự nói mình là bậc đã đạt được đạo pháp cao siêu, lừa bịp người không biết, dọa dẫm khiến cho người mất tâm chánh tín, theo cung phụng chúng đến nỗi cửa nhà hao tán.

Như lai dạy các thầy tì kheo pháp khát thực theo thứ lớp để dứt bỏ lòng tham, thành đạo Bồ đề. Các thầy tì kheo không tự nấu ăn, gửi kiếp sống thừa tạm nương nơi ba cõi, thị hiện chỉ một phen đi về, đi rồi thì không bao giờ trở lại nữa. Làm sao bọn giặc lại mượn y phục Như Lai để buôn bán Như Lai, tạo đủ thứ tội nghiệp mà cứ nói là Phật Pháp! Lại còn hủy báng các vị xuất gia chân chánh, giữ tròn giới luật tì kheo, nói đó là đạo tiểu thừa! Do sự hủy báng này làm cho vô lượng chúng sinh mê lầm, nên bọn chúng phải đọa vào địa ngục vô gián.

Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có tì kheo phát tâm quyết định tu pháp chánh định như huyễn, có thể ở trước hình tượng Như Lai, dùng thân thấp một ngọn đèn, đốt một lóng ngón tay, hay ở trên thân đốt một nén hương, Như Lai nói thầy tì kheo ấy, tức trái từ vô thi, chỉ trong một lúc là đã trả hết, vĩnh viễn từ bỏ thể gian, thoát hết các lậu hoặc. Tuy chưa thấy rõ ngay lập tức con đường vô thượng giác, nhưng vị ấy đối với Phật Pháp thì tâm đã quyết định. Nếu không

làm được cái nhân xả thân nhỏ mọn như thế, dù có thành được cái đạo vô vi, cũng phải sinh lại làm người để trả hết nợ cũ, như chuyện ăn cám ngựa của Như Lai(201), chẳng khác tí nào.

Thầy dạy người đời tu pháp chánh định, sau khi đã dứt bỏ tâm dâm dục, tâm giết hại, còn phải dứt bỏ tâm trộm cắp. Đó là lời dạy sáng rõ, thanh tịnh, quyết định thứ ba của Như Lai và chư Phật quá khứ.

Vì vậy cho nên, này A Nan! Người tu thiền định mà không đoạn tuyệt tâm trộm cắp, thì cũng giống như người rót nước vào cái chén lủng đáy mà mong cho chén đầy, thì dù trải qua số kiếp nhiều như vi trần, chén ấy cũng không bao giờ đầy nước được. Nếu các thầy tài khéo, ngoài ba y một bát ra, một mảy may gì cũng không chứa giữ; xin ăn có chút dư thừa thì bố thí cho chúng sinh đói khát; đến nơi đại chúng tập họp thì chấp tay vái chào; có ai mắng chửi thì hoan hỉ coi như lời khen ngợi; cả thân và tâm đều quyết buông bỏ, coi thân xác máu thịt là sở hữu chung của chúng sinh; không đem những lời dạy phương tiện của Như Lai làm chỗ hiểu biết của riêng mình, khiến cho kẻ sơ học phải lầm lạc; thì các vị ấy sẽ được Như Lai ấn chứng là người thật sự đạt được chân chánh tam muội. Đúng như lời Như Lai nói

đây, tức là *lời của Phật*; không đúng như lời nói này, tức là *lời của ma Ba-tuần*.

Này A Nan! Chúng sinh trong sáu đường ở khắp các thế giới như thế, tuy cả thân và tâm đều đoạn dứt trọn vẹn các nghiệp giết hại, trộm cắp, dâm dục, nhưng nếu còn phạm lỗi đại vọng ngữ, thì chánh định vẫn không thanh tịnh, thành ma ái kiến⁽²⁰²⁾, mất hạt giống Phật. Đó là những người chưa được mà nói là đã được, chưa chứng mà nói là đã chứng; hoặc có người muốn được mọi người tôn mình là bậc nhất thế gian, bèn bảo rằng: “Ta nay đã chứng quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích-chi Phật, Bồ-tát Địa-tiền hay Địa-thượng”, nói thế để mong cho người ta lễ bái, cúng dường. Đó là những kẻ đoạn thiện căn, tiêu diệt hạt giống Phật; như người dùng dao chặt cây đa-la⁽²⁰³⁾. Như Lai nói người ấy đã mất hẳn căn lành, vĩnh viễn không còn chánh tri kiến, chìm đắm mãi trong biển khổ, không bao giờ thành tựu chánh định.

Như Lai bảo các hàng Bồ-tát và A-la-hán, sau khi Như Lai diệt độ, hãy ứng thân dưới mọi hình tướng, sinh vào đời mạt pháp để hóa độ cho chúng sinh chìm đắm; hoặc làm sa môn, hoặc làm cư sĩ, vua chúa, quan lại, đồng nam, đồng nữ, thậm chí cùng đồng sự với các hạng dâm nữ, quả phụ, gian dối,

trộm cắp, đồ tể, thương buôn, để khen ngợi Phật thừa, khiến cho thân tâm họ được vào tam-ma-địa. Nhưng, trong lúc làm như vậy, tuyệt nhiên không được nói rằng: “Ta chính thật là Bồ-tát, ta chính thật là A-la-hán”; không được khinh suất tiết lộ lời dạy bí mật của Như Lai cho những người chưa tu học Phật; chỉ trừ đến lúc lâm chung, có thể âm thầm phó chúc. Làm sao hạng người ma ái kiến kia lại dối gạt chúng sinh để mang tội đại vọng ngữ!

Thầy dạy người đời tu pháp chánh định, sau khi đã dứt bỏ tâm dâm dục, tâm giết hại, tâm trộm cắp, còn phải dứt bỏ tâm đại vọng ngữ. Đó là lời dạy sáng rõ, thanh tịnh, quyết định thứ tư của Như Lai và chư Phật quá khứ.

Vì vậy cho nên, này A Nan! Nếu không đoạn trừ tâm đại vọng ngữ thì cũng giống như lấy phân người đắp thành hình cây chiên đàn, rồi mong cho nó có mùi thơm hương chiên đàn, thật không bao giờ có chuyện ấy.

Như Lai dạy hàng tì kheo: *Trực tâm chính là đạo tràng*. Trong tất cả hành vi, đi đứng ngồi nằm, đều phải giữ tâm chánh trực, không được có chút giả dối, sao lại có thể tự tôn xưng mình đã đạt được diệu pháp của bậc thượng nhân? Người dân thường ngu muội, tự xưng đế vương, còn bị họa tru diệt; huống

nữa là ngôi vị Pháp Vương, làm sao dám dối trá xung càn? Nhân đã không chân thật thì quả tất quanh co. Người như thế mà cầu quả Bồ đề của Phật, thì cũng như dùng miệng cắn rốn, làm sao cắn tới được!

Nếu các thầy tì kheo, tâm như dây đàn căng thẳng, tất cả oai nghi đều chân thật, chắc chắn sẽ trực nhập chánh định, vĩnh viễn không bị ma sự quấy nhiễu; và Như Lai ấn chứng cho các vị ấy, thành tựu Tri giác Vô thượng của hàng Bồ-tát. Đúng như lời Như Lai nói đây, tức là *lời của Phật*; không đúng như lời nói này, tức là *lời của ma Ba-tuần*.

KINH ĐẠI PHẬT ĐÁNH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 7

- *Thần Chú “Thủ Lăng Nghiêm”*
- *Nguyên Nhân Diên Đảo*
của Mười Hai Loài Chúng Sinh

– Này A Nan! Thầy hỏi về cách nhiếp tâm thì Như Lai vừa nói đó: Người muốn vào chánh định, tu học pháp môn vi diệu, cầu đạo Bồ-tát, trước hết phải giữ gìn bốn giới luật căn bản, trong sáng như giá như sương, thì tự nhiên tất cả những cành lá như ba lỗi của ý, bốn lỗi của miệng, sẽ không có nguyên nhân để phát sinh. A Nan! Nếu giữ gìn thật nghiêm cẩn bốn giới trọng kia, thì tâm người ấy còn không duyên theo các trần sắc, hương, vị, xúc, huống chỉ tất cả ma sự, làm sao phát sinh được! Nếu những tập khí đời trước không thể diệt trừ, thầy nên dạy người ấy hãy nhất tâm trì tụng thần chú vô thượng “*Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra*” (204), do đức hóa Phật ngồi trên tòa sen báu, hiện ra từ ánh sáng trong nhục kế

trên đỉnh đầu của Như Lai, đã tuyên thuyết trong lúc Như Lai nhập định.

Riêng về thầy, trải từ nhiều kiếp trước đã có nhân duyên cùng với nàng Ma Đăng Già, ái ân đã thành tập khí, không phải chỉ một đời một kiếp này đâu. Thế mà, chỉ một phen Như Lai tuyên dương thần chú, Ma Đăng Già liền vĩnh viễn lìa thoát tâm ái dục, chứng thành A-la-hán. Khi còn là dâm nữ, nàng không có tâm tu hành, chỉ nhờ thần lực không lường của thần chú trợ giúp mà mau chóng chứng quả vị Vô-học! Huống chi quý thầy là hàng Thanh-văn trong chúng hội, đang hướng tâm cầu đạo Tối thượng thừa, thì quyết định sẽ thành Phật, giống như tung bụi thuận theo chiều gió, nào có khó khăn gì!

Trong đời mạt pháp, nếu có người phát tâm tu hành, trước hết phải giữ bốn cấm giới căn bản của tì kheo thật thanh tịnh. Khi thọ giới, cần chọn lựa vị sa môn giới hạnh thanh tịnh bậc nhất để làm thầy mình. Nếu không gặp được đại tăng chân thật thanh tịnh, chắc chắn giới thể không thành tựu được.

Sau khi giới đã được thành tựu, vị ấy đắp y mới, sạch sẽ, thắp hương trong phòng vắng vẻ, tụng thần chú do tâm Phật nói ra này, một trăm lễ tám biến; sau đó mới kiết giới, dựng lập đạo tràng, cầu xin các

đức Như Lai hiện ở các quốc độ khắp mười phương, phóng ánh sáng đại bi đến rọi nơi đỉnh đầu mình.

Này A Nan! Vào đời mạt pháp, nếu có tì kheo, tì kheo ni thanh tịnh, hoặc cư sĩ áo trắng, tâm đã dứt tham si dâm ái, nghiêm trì tịnh giới của Phật, ở trong đạo tràng phát nguyện Bồ-tát, ra vào tắm rửa, suốt ngày hành đạo, tâm ý tỉnh thức; như thế trải qua hai mươi một ngày, Như Lai sẽ tự hiện thân đến trước người ấy, xoa đầu ủy lạo, khiến cho khai ngộ.

Đại đức A Nan bạch Phật rằng:

– Bạch đức Thế Tôn! Con nhờ lời dạy bảo từ bi vô thượng của đức Thế Tôn mà tâm đã được khai ngộ, tự biết con đường tu chứng để thành tựu đạo quả Vô-học. Nhưng, những người tu hành trong đời mạt pháp, muốn dựng lập đạo tràng, họ phải kết giới như thế nào cho phù hợp với pháp tắc thanh tịnh của Chư Phật Thế Tôn?

Đức Phật dạy đại đức A Nan:

– Nếu người ở đời mạt pháp muốn lập đạo tràng, trước tiên hãy tìm loài trâu trắng sức mạnh ở núi Tuyết, loài trâu này chỉ ăn cỏ thơm ngon mượt và uống nước trong trên núi Tuyết, phân của nó mịn màng; nên lấy phân ấy trộn với bột hương chiên đàn để tráng lên mặt đất làm nền. Nếu không phải trâu trắng ở núi Tuyết thì phân hôi hám, không thể dùng

tráng nền được. Riêng ở vùng đồng bằng, hãy đào sâu xuống đất hơn năm thước, bỏ lớp đất trên mặt ấy, lấy lớp đất vàng sạch ở phía dưới; lại dùng mười thứ hương là chiên đàn, trầm thủy, tô hợp, huân lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, cam tùng, và kê thiết, đem rây nhuyễn thành bột, rồi trộn với đất vàng ấy thành bùn để đắp nền, kiến tạo đàn tràng hình bát giác, mỗi bề dài một trượng sáu. Ở trung tâm của đàn tràng, đặt một hoa sen làm bằng vàng, bạc, đồng, hay gỗ; giữa hoa đặt một cái bát, trong bát đựng nước mù sương tháng Tám, trong nước tùy ý cắm các hoa lá hiện có. Dùng tám chiếc gương tròn, mỗi chiếc để theo mỗi hướng, chung quanh hoa sen đựng bát nước. Bên ngoài tám chiếc gương ấy, đặt mười sáu hoa sen và mười sáu lư hương xen kẽ nhau. Lư hương trang hoàng đẹp đẽ, đốt thuần hương trầm thủy, không cho cháy thành ngọn lửa. Lấy sữa trâu trắng để trong mười sáu cái chén. Nấu sữa làm bánh, cùng các thứ đường cát, bánh rán, cháo sữa, tô hợp, mút gừng, bơ, mật, mỗi thứ đều mười sáu chén, đặt phía ngoài vòng quanh các hoa sen, cúng dường chư Phật và chư đại Bồ-tát. Vào giờ Ngọ và lúc nửa đêm, lấy nửa thặng mật hòa với thặng rươi bơ, đặt một lò lửa nhỏ ở trước đàn, dùng cỏ thơm nấu lấy nước thơm để rửa than cho sạch; rồi

đốt than cho đỏ hừng, bỏ mật bơ vào, đốt cho hết khói, cúng dường chư Phật và Bồ-tát.

Bên ngoài đàn tràng, treo phướn, giăng hoa khắp bốn phía; trên bốn bức vách phía trong đàn, treo hình tượng của các đức Như Lai và Bồ-tát mười phương. Ở chánh vị, tôn trí các hình tượng của Phật Lô Xá Na, Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Phật A Súc, Phật A Di Đà; hai bên tả hữu là các hình tượng đại biến hóa của Bồ Tát Quán Thế Âm, và cả Bồ Tát Kim Cang Tạng. Hai bên cửa thì treo hình tượng Đê Thích, Phạm Vương, Hỏa Đầu Kim Cang, Thanh Diện Kim Cang, các thần Kim Cang khác, cùng thần Tì Câu Chi, bốn vị Thiên Vương, Trư Đầu Sứ Giả, Tượng Tị Sứ Giả. Lại dùng tám chiếc gương treo úp trên không rọi xuống, đối chiếu với tám chiếc gương đã có sẵn trong đàn tràng, làm cho hình ảnh chư Phật và Bồ-tát lồng nhập vào nhau, ảnh hiện trùng trùng nhiều lớp.

Trong bảy ngày đầu, hành giả chí thành đánh lễ danh hiệu chư Phật, chư đại Bồ-tát, chư A-la-hán. Thường trong sáu thời, chí tâm hành trì, đi quanh đàn tụng chú *Lăng Nghiêm*, mỗi thời một trăm lễ tám biến⁽²⁰⁵⁾.

Trong bảy ngày thứ hai, một mực chuyên tâm, phát nguyện Bồ-tát, tâm không gián đoạn. Trong

Luật Nghi của Như Lai đã có dạy về những hạnh nguyện như thế.

Trong bảy ngày thứ ba, trong cả mười hai giờ, chuyên nhất trì tụng thần chú “*Bát Đát Ra*” của Phật. Đến ngày thứ bảy, mười phương Như Lai cùng lúc xuất hiện trong đàn tràng, nơi ánh sáng của các chiếc gương giao nhau. Hành giả được Phật xoa đầu, bèn ở nơi đạo tràng tu pháp chánh định. Tuy ở trong đời mạt pháp, mà tu trì được như thế, hành giả vẫn được thân tâm thanh tịnh, trong sáng như ngọc lưu li.

Này A Nan! Vị tì kheo đang tu trì ấy, nếu vị bốn sư truyền giới và những vị tì kheo đồng tu, nếu một trong các vị ấy không thanh tịnh, đạo tràng như thế phần nhiều là không thành tựu.

Ba thất đầu đã mãn, từ đó trở đi, tĩnh tọa an cư, trải qua một trăm ngày, người có lợi căn, không rời chỗ ngồi mà chứng được quả Tu-đà-hoàn. Dù thân tâm vị ấy chưa trọn thành thánh quả, nhưng nhất định tự biết quả Phật sẽ thành, không còn nghi ngờ gì nữa!

Thầy hỏi về đạo tràng, thì cách kiến lập là như thế.

Đại đức A Nan đánh lễ chân Phật, bạch rằng:

– Bạch đức Thế Tôn! Từ khi con xuất gia, cứ ý lại vào lòng thương yêu của đức Thế Tôn; và vì câu sự đa văn mà chưa chứng thánh quả Vô-học, phải bị tà thuật Phạm-thiên trói giam, tâm tuy vẫn sáng suốt nhưng sức chẳng tự do, phải nhờ Bồ Tát Văn Thù mà con mới được giải thoát. Tuy con được thần chú *Như Lai Phật Đảnh* ngâm giúp sức, nhưng chính mình thì chưa được nghe. Cúi xin đức Đại Từ tuyên thuyết trở lại thần chú ấy, trước là thương xót cứu độ cho bọn đang tu hành chúng con trong pháp hội này; sau nữa, các chúng sinh trong kiếp luân hồi ở đời mạt pháp sau này, cũng nương nhờ mật âm của Phật mà thân tâm được giải thoát.

Khi ấy, tất cả đại chúng trong pháp hội đều đánh lễ, chờ nghe những câu chú bí mật của Phật.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn, từ nơi đỉnh nhục kế phóng ra ánh sáng trăm báu. Trong ánh sáng hiện ra hoa sen ngàn cánh, có đức Như Lai hóa thân ngồi trong hoa sen ấy, trên đỉnh phóng ra mười vàng sáng bách bảo. Trong mỗi vàng sáng đều hiện ra mười Hằng sa thần Kim Cang Mật Tích, nhắc núi cầm xử, khắp cõi hư không. Đại chúng ngửa lên xem, vừa sợ vừa quý kính, cầu Phật thương xót che chở, một lòng chăm chú nghe đức Như Lai hóa thân ở nơi đỉnh nhục kế của Phật, tuyên nói thần chú:

Nam mô tát đát tha tô già đā da a ra ha đē tam miệu tam bồ đā tả. Tát đát tha phật đā câu tri sắc ni sam. Nam mô tát bà bột đā bột địa tát đā bệ tệ. Nam mô tát đā nẫm tam miệu tam bồ đā câu tri nẫm. Ta xá ra bà ca tăng già nẫm. Nam mô lô kê a la hán đā nẫm. Nam mô tô lô đā ba na nẫm. Nam mô ta yết rị đā già di nẫm. Nam mô lô kê tam miệu già đā nẫm. Tam miệu già ba ra đē ba đā na nẫm. Nam mô đē bà li sắt nỏa. Nam mô tát đā da tì địa đā đā ra li sắt nỏa. Xá ba noa yết ra ha ta ha ta ra ma tha nẫm. Nam mô bạt ra ha ma ni. Nam mô nhân đā ra da. Nam mô bà già bà đē. Lô đā ra da. Ô ma bát đē. Ta hê dạ da. Nam mô bà già bà đē. Na ra đā noa da. Bàn giá ma ha tam mộ đā ra. Nam mô tát yết rị đā da. Nam mô bà già bà đē. Ma ha ca ra da. Địa rị bát lạt na già ra. Tì đā ra ba noa ca ra da. A địa mục đē. Thi ma xá na nê bà tát nê. Ma đát rị già noa. Nam mô tát yết rị đā da. Nam mô bà già bà đē. Đā tha già đā câu ra da. Nam mô bát đầu ma câu ra da. Nam mô bạt xà ra câu ra da. Nam mô ma ni câu ra da. Nam mô già xà câu ra da. Nam mô bà già bà đē. Đē rị trà du ra tây na. Ba ra ha ra noa ra xà da. Đā tha già đā da. Nam mô bà già bà đē. Nam mô

a di đa bà da. Đa tha già đa da. A ra ha đế. Tam miệu tam bồ đà da. Nam mô bà già bà đế. A sô bệ da. Đa tha già đa da. A ra ha đế. Tam miệu tam bồ đà da. Nam mô bà già bà đế. Bệ sa xà da câu lô phệ trụ rị da. Bát ra bà ra xà da. Đa tha già đa da. Nam mô bà già bà đế. Tam bồ sư bí đa. Tát lân nại ra lạt xà da. Đa tha già đa da. A ra ha đế. Tam miệu tam bồ đà da. Nam mô bà già bà đế. Xá kê dã mẫu na duệ. Đa tha già đa da. A ra ha đế. Tam miệu tam bồ đà da. Nam mô bà già bà đế. Lạt đát na kê đô ra xà da. Đa tha già đa da. A ra ha đế. Tam miệu tam bồ đà da. Đế biểu nam mô tát yết rị đa. Ế đàm bà già bà đa. Tát đát tha già đô sắt ni sam. Tát đát đa bát đát lam. Nam mô a bà ra thị đām. Bát ra đế dương kì ra. Tát đa bà bộ đa yết ra ha. Ni yết ra ha yết ca ra ha ni. Bạt ra sắt địa da sắt đà nễ. A ca ra mật rị trụ. Bát rị đát ra da nảnh yết rị. Tát ra bà bàn đà na mục xoa ni. Tát ra bà đột sắt tra. Đột tất phạp bát na nễ phạt ra ni. Giả đô ra thất đế năm. Yết ra ha ta ha tát ra nhã xà. Tì đa băng ta na yết rị. A sắt tra băng xá đế năm. Na xoa sát đát ra nhã xà. Ba ra tát đà na yết rị. A sắt tra năm. Ma ha yết ra ha nhã xà. Tì đa băng tát na yết rị. Tát bà xá đô lô nễ bà ra nhã xà. Hô lam đột tất phạp nan giá na

xá ni. Bí sa xá tất đát ra. A kiết ni ô ðà ca ra nhã
xà. A bát ra thị ða cụ ra. Ma ha bát ra chiến trì.
Ma ha điệp ða. Ma ha ðế xà. Ma ha thuế ða xà bà
ra. Ma ha bạt ra bàn ðà ra bà tất nễ. A rị da ða
ra. Tì rị câu trì. Thệ bà tì xà da. Bạt xà ra ma lễ
để. Tì xá lô ða. Bột ðằng võng ca. Bạt xà ra chế
hát na a giá. Ma ra chế bà bát ra chất ða. Bạt xà
ra thiện trì. Tì xá ra giá. Phiến ða xá bộ ðề bà bồ
thị ða. Tô ma lô ba. Ma ha thuế ða. A rị da ða ra.
Ma ha bà ra a bát ra. Bạt xà ra thương yết ra chế
bà. Bạt xà ra câu ma rị. Câu lam ðà rị. Bạt xà ra
hát tất ða giá. Tì ðịa da càn giá na ma rị ca.
Khuất tô mẫu bà yết ra ðá na. Bộ lô giá na câu rị
da. Dạ ra thổ sắt ni sam. Tì chiết lam bà ma ni
giá. Bạt xà ra ca na ca ba ra bà. Lô xà na bạt xà
ra ðôn trĩ giá. Thuế ða giá ca ma ra. Sát xa thi ba
ra bà. Ế ðế di ðế. Mẫu ðà ra yết noa. Ta bộ ra
sám. Quật phạm ðô. Ấn thổ na mạ mạ tả.

Ô hồng. Rị sắt yết noa. Bát lạt xá tất ða. Tất
đát tha già ðô sắt ni sam. Hổ hồng. ðô lô ung.
Chiêm bà na. Hổ hồng. ðô lô ung. Tất ðam bà na.
Hổ hồng. ðô lô ung. Ba ra sắt ðịa da tam bát xoa
noa yết ra. Hổ hồng. ðô lô ung. Tất bà dược xoa
hát ra sát ta. Yết ra ha nhã xà. Tì ðằng băng tất

na yết ra. Hồ hồng. Đô lô ung. Giả đô ra thi đề
nằm. Yết ra ha ta ha tát ra nằm. Tì đằng băng tát
na ra. Hồ hồng. Đô lô ung. Ra xoa. Bà già phạm.
Tát đất tha già đô sắt ni sam. Ba ra điếm xà kiết
rị. Ma ha ta ha tát ra. Bột thọ ta ha tát ra thất rị
sa. Câu tri ta ha tát nê đế lệ. A tộ đề thị bà rị đa.
Tra tra anh ca. Ma ha bạt xà lô đa ra. Đế rị bò bà
na. Mạn trà ra. Ô hồng. Ta tát đế bạc bà đô. Mạ
mạ. Ân thố na mạ mạ tả.

Ra xà bà dạ. Chủ ra bạt dạ. A kì ni bà dạ. Ô
đa ca bà dạ. Tì sa bà dạ. Xá tát đa ra bà dạ. Bà ra
chước yết ra bà dạ. Đột sắt xoa bà dạ. A xá nễ bà
dạ. A ca ra mật rị trụ bà dạ. Đa ra ni bộ di kiếm
ba già ba đa bà dạ. Ô ra ca bà đa bà dạ. Lạt xà
đàn trà bà dạ. Na già bà dạ. Tì điều đất bà dạ. Tô
ba ra noa bà dạ. Dược xoa yết ra ha. Ra xoa tư
yết ra ha. Tát rị đa yết ra ha. Tì xá giá yết ra ha.
Bộ đa yết ra ha. Cưu bàn trà yết ra ha. Bồ đơn na
yết ra ha. Ca tra bồ đơn na yết ra ha. Tát càn độ
yết ra ha. A bá tát ma ra yết ra ha. Ô đàn ma đa
yết ra ha. Xa dạ yết ra ha. Hê rị bà đế yết ra ha.
Xả đa ha rị nằm. Yết bà ha rị nằm. Lô địa ra ha
rị nằm. Mang ta ha rị nằm. Mê đa ha rị nằm. Ma
xà ha rị nằm. Xả đa ha rị nữ. Thị tử đa ha rị nằm.

Tì ða ha rị nẵm. Bà ða ha rị nẵm. A du giá ha rị
nữ. Chát ða ha rị nữ. Đé sam tát bệ sam. Tát bà
yết ra ha nẵm. Tì ðà dạ xà sần ðà dạ di. Kê ra dạ
di. Ba rị bặt ra giả ca hát rị đẳm. Tì ðà dạ xà sần
ðà dạ di. Kê ra dạ di. Trà diễn ni hát rị đẳm. Tì
ðà dạ xà sần ðà dạ di. Kê ra dạ di. Ma ha bát du
bát đát dạ. Lô ðà ra hát rị đẳm. Tì ðà dạ xà sần
ðà dạ di. Kê ra dạ di. Na ra dạ noa hát rị đẳm. Tì
ðà dạ xà sần ðà dạ di. Kê ra dạ di. Đát đỏa già lô
trà tây hát rị đẳm. Tì ðà dạ xà sần ðà dạ di. Kê ra
dạ di. Ma ha ca ra ma đát rị già noa hát rị đẳm.
Tì ðà dạ xà sần ðà dạ di. Kê ra dạ di. Ca ba rị ca
hát rị đẳm. Tì ðà dạ xà sần ðà dạ di. Kê ra dạ di.
Xà da yết ra ma độ yết ra. Tát bà ra tha ta đạt na
hát rị đẳm. Tì ðà dạ xà sần ðà dạ di. Kê ra dạ di.
Giả đót ra bà kì nễ hát rị đẳm. Tì ðà dạ xà sần ðà
dạ di. Kê ra dạ di. Tì rị dương hát rị tri. Nan ðà
kê sa ra già noa bát đé. Sách hê dạ hát rị đẳm. Tì
ðà dạ xà sần ðà dạ di. Kê ra dạ di. Na yết na xá
ra bà noa hát rị đẳm. Tì ðà dạ xà sần ðà dạ di. Kê
ra dạ di. A la hán hát rị đẳm tì ðà dạ xà sần ðà dạ
di. Kê ra dạ di. Tì ða ra già hát rị đẳm. Tì ðà dạ
xà sần ðà dạ di. Kê ra dạ di. Bặt xà ra ba nễ cụ hê
dạ cụ hê dạ. Ca ðịa bát đé hát rị đẳm. Tì ðà dạ xà

sân đà dạ di. Kê ra dạ di. Ra xoa vông. Bà già phạm. Ân thổ na mạ mạ tả.

Bà già phạm. Tát đất đa bát đất ra. Nam mô túy đô đê. A tát đa na ra lật ca. Ba ra bà tát phổ tra. Tì ca tát đất đa bát đế rị. Thập phạt ra thập phạt ra. Đà ra đà ra. Tần đà ra tần đà ra sân đà sân đà. Hồ hồng. Hồ hồng. Phấn tra. Phấn tra phấn tra phấn tra phấn tra. Ta ha. Hê hê phấn. A mâu ca da phấn. A ba ra đề ha đa phấn. Bà ra ba ra đà phấn. A tổ ra tì đà ra ba ca phấn. Tát bà đề bệ tộ phấn. Tát bà na già tộ phấn. Tát bà được xoa tộ phấn. Tát bà cần thất bà tộ phấn. Tát bà bỏ đơn na tộ phấn. Ca tra bỏ đơn na tộ phấn. Tát bà đột lang chỉ đế tộ phấn. Tát bà đột sáp tử lê hát sắt đế tộ phấn. Tát bà thập bà lê tộ phấn. Tát bà a bá tát ma lê tộ phấn. Tát bà xá ra bà noa tộ phấn. Tát bà địa đế kê tộ phấn. Tát bà đất ma đà kế tộ phấn. Tát bà tì đà da ra thệ giá lê tộ phấn. Xà dạ yết ra ma độ yết ra. Tát bà ra tha ta đà kê tộ phấn. Tì địa dạ giá lê tộ phấn. Giả đô ra phược kì nễ tộ phấn. Bạt xà ra câu ma rị. Tì đà dạ ra thệ tộ phấn. Ma ha ba ra đình dương xoa kì rị tộ phấn. Bạt xà ra thương yết ra dạ. Ba ra trượng kì ra xà da phấn. Ma ha ca ra dạ. Ma ha mặt đất rị ca

noa. Nam mô ta yết rị đa dạ phần. Bí sắt noa tì
duệ phần. Bột ra ha mâu ni duệ phần. A kì ni duệ
phần. Ma ha yết rị duệ phần. Yết ra đàn trì duệ
phần. Miệt đất rị duệ phần. Lạo đất rị duệ phần.
Giá văn trà duệ phần. Yết la ra đất rị duệ phần.
Ca bát rị duệ phần. A địa mục chất đa ca thi ma
xá na. Bà tư nễ duệ phần. Diển kiết chất. Tát đỏa
bà tả. Mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tả.

Đột sắt tra chất đa. A mặt đất rị chất đa. Ô xà
ha ra. Già bà ha ra. Lô địa ra ha ra. Bà ta ha ra.
Ma xà ha ra. Xà đa ha ra. Thị bí đa ha ra. Bạt
lược dạ ha ra. Càn đà ha ra. Bồ sử ba ha ra. Phả
ra ha ra. Bà tả ha ra. Bát ba chất đa. Đột sắt tra
chất đa. Lạo đà ra chất đa. Dược xoa yết ra ha.
Ra sát ta yết ra ha. Bế lệ đa yết ra ha. Tì xá giá
yết ra ha. Bộ đa yết ra ha. Cưu bàn trà yết ra ha.
Tát càn đà yết ra ha. Ô đất ma đà yết ra ha. Xa
dạ yết ra ha. A bá tát ma ra yết ra ha. Trạch khư
cách trà kì ni yết ra ha. Rị phạt đế yết ra ha. Xà
di ca yết ra ha. Xá câu ni yết ra ha. Lạo đà ra nan
địa ca yết ra ha. A lam bà yết ra ha. Càn độ ba ni
yết ra ha. Thập phạt ra yên ca hê ca. Truy đế
dược ca. Đất lệ đế dược ca. Giả đột thác ca. Ni đề
thập phạt ra bí sam ma thập phạt ra. Bạc đế ca.

Tị đễ ca. Thất lệ sắt mật ca. Ta nễ bát đễ ca. Tát bà thập phạt ra. Thất lô kiết đễ. Mạt đà bệ đạt lô chế kiếm. A ỷ lô kiếm. Mục khô lô kiếm. Yết rị đột lô kiếm. Yết ra ha yết lam. Yết noa du lam. Đản đa du lam. Ngật rị dạ du lam. Mạt mạ du lam. Bạt rị thất bà du lam. Bí lật sắt tra du lam. Ô đà ra du lam. Yết tri du lam. Bạt tát đễ du lam. Ô lô du lam. Thường già du lam. Hát tát đa du lam. Bạt đà du lam. Ta phòng áng già bát ra trượng già du lam. Bộ đa bí đa trà. Trà kì ni thập bà ra. Đà đột lô ca kiến đột lô kiết tri bà lộ đa tì. Tát bát lô ha lẳng già. Du sa đát ra ta na yết ra. Tì sa dụ ca. A kì ni ô đà ca. Mạt ra bệ ra kiến đá ra. A ca ra mật rị đột đát liếm bộ ca. Địa lật lật tra. Bí rị sắt chất ca. Tát bà na câu ra. Tứ dẫn già tộ yết ra rị dục xoa đát ra xô. Mạt ra thị phệ đễ sam ta bệ sam. Tát đát đa bát đát ra. Ma ha bạt xà lô sắt ni sam. Ma ha bát lạc trượng kì lam. Dạ ba đột đà xá du xà na. Biện đát lệ noa. Tì đà da bàn đàm ca lô di. Đễ thù bàn đàm ca lô di. Bát ra tì đà bàn đàm ca lô di. Đát diệt tha.

Án. A na lệ. Tì xá đễ. Bệ ra bạt xà ra đà rị. Bàn đà bàn đà nễ. Bạt xà ra bán ni phần. Hồ hồng đô lô ung phần. Ta bà ha.

Này A Nan! Đó là tâm chú “*Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra*”, là những bài tụng bí mật, những chương cú nhiệm mầu do đức Hóa Phật từ trong hào quang trên đỉnh đầu Như Lai nói ra, có công năng sinh ra tất cả chư Phật mười phương.

Các đức Như Lai trong mười phương nhân nơi tâm chú này mà đắc thành Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác.

Các đức Như Lai trong mười phương nắm vững tâm chú này mà hàng phục chúng ma, chế ngự ngoại đạo.

Các đức Như Lai trong mười phương nương nơi tâm chú này mà ngồi tòa sen báu, ứng hiện vào vô số cõi nước.

Các đức Như Lai trong mười phương ngậm tâm chú này mà chuyển đại pháp luân ở vi trần quốc độ.

Các đức Như Lai trong mười phương gìn giữ tâm chú này mà ở khắp mười phương xoa đầu thọ kí, giả sử tự mình quả vị chưa thành, cũng ở nơi mười phương mong nhờ Phật thọ kí.

Các đức Như Lai trong mười phương y nơi tâm chú này mà có thể ở khắp mười phương, cứu vớt mọi thứ khổ cho chúng sinh, như các khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đui, điếc, ngọng, câm; các khổ oán

thù gặp nhau, thương yêu nhau mà phải chia lìa, cầu mong mà không được toại nguyện, năm âm lũy lừng; các sự ngang trái lớn nhỏ đều được giải thoát; các khổ nạn như giặc cướp, đao binh, bạo vương, lao ngục, gió bão, hỏa hoạn, nước lụt, đói khát, nghèo cùng, đều bị tiêu tan.

Các đức Như Lai trong mười phương theo tâm chú này mà phụng sự thiện tri thức trong mười phương; trong tất cả các lúc đi, đứng, ngồi, nằm đều được các vật cúng dường như ý; trong pháp hội của hàng sa Như Lai được tôn xưng là bậc Đại Pháp Vương Tử.

Các đức Như Lai trong mười phương hành trì tâm chú này mà nhiếp thọ hộ niệm các hành giả thân cận ở khắp mười phương, dù ở trong hàng tiểu thừa cũng nghe được tạng bí mật mà không kinh sợ nghi hoặc.

Các đức Như Lai trong mười phương tụng tâm chú này mà chứng thành Vô Thượng Giác, ngồi cõi Bồ Đề, vào Đại Niết Bàn.

Các đức Như Lai trong mười phương truyền tâm chú này mà sau khi diệt độ, phó chúc Phật Pháp cửu trụ, truyền trì giới luật, thân thể trang nghiêm, tâm ý thanh tịnh.

Thần chú *Thủ Lăng Nghiêm* này cũng gọi tên là “*Như Lai Đảnh*”. Về công dụng của nó, nếu Như

Lai nói từ sáng đến tối, âm thanh liên tục không ngừng, câu chữ không trùng điệp, như thể trải qua số kiếp như cát sông Hằng, cũng không thể nói cho cùng tận.

Quý thầy hàng hữu học, chưa thoát luân hồi, phát tâm chí thành cầu quả vị A-la-hán, nếu không hành trì thần chú này thì không thể nào ngồi đạo tràng tu tập, khiến cho thân tâm xa lìa ma sự.

Này A Nan! Nếu chúng sinh ở các thế giới, tùy theo sản vật có sẵn ở nước mình, hoặc là vỏ cây bạch-hoa, lá bổi, lụa bạch-điệp, hay giấy trắng, dùng những thứ ấy để viết thần chú này, đựng trong túi thơm, thì người ấy, dù tâm trí còn tối tăm, chưa nhớ để tụng, nhưng đeo túi thơm ấy trên mình, hoặc viết thần chú này lên trên vách nhà, trọn đời người này không bị tất cả các thứ độc làm hại.

Này A Nan! Nay Như Lai vì thầy mà tuyên lại thần chú này, để cứu hộ thế gian, khiến cho chúng sinh được tâm đại vô úy, thành tựu trí tuệ xuất thế gian. Sau khi Như Lai diệt độ, ở đời mạt pháp, nếu có người nào đối với thần chú này, hoặc tự mình trì tụng, hoặc dạy người khác trì tụng, thì người ấy, lửa không thể thiêu đốt, nước không thể nhận chìm, tất cả những thứ độc nặng nhẹ đều không thể làm hại; dù cho những loài như trời, rồng, quỷ thần, hay ma

mị, muốn dùng ác chú để ám hại cũng không làm gì được. Tâm người đó đã được chánh định thì tất cả bùa chú, trùng độc, thuốc độc, hóa chất độc, cây cỏ độc, côn trùng độc, rắn độc, tất cả muôn thứ độc như thế, khi vào miệng người đó liền trở thành vị cam lồ. Tất cả ác tinh cùng ác quỷ, ác thần, thường ô nhiễm tâm độc ám hại người, nhưng đối với người ấy thì không thể khởi niệm ác được. Các quỷ vương ác độc như Tần-na, Dạ-ca, cùng quyến thuộc của chúng, vì từng mong nhờ thâm ân giáo hóa của Phật, nên thường ủng hộ, che chở cho người trì tụng thần chú này.

A Nan! Thầy nên biết, thần chú này thường có tám vạn bốn ngàn na-do-tha hằng-sa câu-chi chủng tộc Bồ-tát Kim-cang-tạng, mỗi mỗi đều có các chúng Kim-cang quyến thuộc, ngày đêm theo hộ vệ. Giả sử có người chưa vào chánh định, trong lúc tâm đang tán loạn mà còn nhớ tụng trì chú này, người đó vẫn được các thần Kim-cang tùy tùng ủng hộ; huống nữa là người đã quyết chí phát tâm bồ đề, thì nhất định được chư vị Bồ-tát Kim-cang-tạng đem tâm tinh thành âm thầm khai phát thần thức, khiến cho người này tức thời nhớ lại tám vạn bốn ngàn hằng sa kiếp, biết khắp mọi việc, không có gì nghi hoặc. Từ kiếp đầu tiên phát tâm cho đến thân sau cùng, đời đời không sinh làm các loài như dục-xoa, la-sát,

phú-đan-na, ca-tra-phú-đan-na, cưu-bàn-trà, tì-xá-già, vân vân..., cùng các loài ngạ quỷ có hình hoặc không có hình, có tư tưởng hoặc không có tư tưởng; đó toàn là những nơi xấu ác. Người thiện nam ấy, đối với thần chú này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc sao chép, hoặc đeo, hoặc cất giữ, hoặc dùng nhiều cách để cúng dường, thì kiếp kiếp không sinh vào những chốn khổ đau, những nơi bần cùng hạ tiện. Những người như thế, dù cho chính mình không làm việc phước, nhưng nhờ công đức trì chú này, các đức Như Lai trong mười phương, có bao nhiêu công đức đều cho họ hết. Do đó, trong vô số hàng sa kiếp không thể tính đếm, họ thường được sinh cùng một chỗ với chư Phật, vô lượng công đức nhóm tụ, đồng chỗ huân tu, như chùm trái ác-xoa, vĩnh viễn không phân lìa.

Vì vậy cho nên, thần chú này có thể khiến cho người phá giới mà giới căn vẫn thanh tịnh; người chưa đắc giới khiến cho đắc giới; người chưa tinh tấn khiến cho tinh tấn; người không có trí tuệ khiến được trí tuệ; người không thanh tịnh thì chóng được thanh tịnh; người không trì trai giữ giới thì tự thành trai giới.

Này A Nan! Người thiện nam ấy thọ trì thần chú này, giả sử lúc trước chưa thọ trì mà có phạm cấm

giới, thì sau khi đã thọ trì, các cấm giới đã phạm, dù nặng dù nhẹ, nhất thời đều tiêu diệt; giả sử lúc trước đã từng uống rượu, ăn năm loại rau cay hôi, các thứ bất tịnh, bây giờ thọ trì chú này, chư Phật và chư Bồ-tát, thần Kim-cang, trời, tiên, quỷ thần đều không coi đó là lỗi lầm; dù mặc y phục rách nát, không sạch, thì mỗi cử chỉ đi đứng cũng đều trong sạch; dù không lập đàn, không vào đạo tràng, cũng không hành đạo, mà thọ trì chú này, vẫn có công đức giống như người vào đàn hành đạo. Người tạo trọng tội ngũ-nghịch⁽²⁰⁶⁾ phải đọa địa ngục vô-gián, tội kheo phạm trọng tội tứ-khí⁽²⁰⁷⁾, tội kheo ni phạm trọng tội bát-khí⁽²⁰⁸⁾, khi tụng trì thần chú này rồi, các nghiệp nặng kia đều bị tiêu trừ hết, giống như trận gió mạnh thổi tan đồng cát, không còn sót lại một chút gì.

Này A Nan! Giả sử có chúng sinh từ vô lượng kiếp đã tạo bao nhiêu tội chướng nặng nhẹ mà trong đời trước chưa kịp sám hối, nếu nay được đọc tụng sao chép thần chú này, đeo giữ trên mình, hay để nơi chỗ ở như nhà, trại, vườn, quán, thì bao nhiêu nghiệp tích chứa lâu đời kia đều bị tiêu sạch, như nước sôi làm tan tuyết, chẳng bao lâu sẽ chứng ngộ vô sinh nhẫn.

Lại nữa, này A Nan! Giả sử có người nữ chưa sinh con, nay mong cầu có thai, nếu chí tâm nhớ

ngũ đến thần chú này, hoặc đeo giữ thần chú này trên người, thì sẽ sinh được con trai hoặc con gái có đầy đủ phước đức trí tuệ. Người cầu sống lâu tức được sống lâu; cầu phước báo sẽ chóng được viên mãn; cho đến cầu thân thể kiện khang, hình mạo đoan chánh, sức lực cường tráng, cũng đều được viên mãn. Sau khi mạng chung, tùy theo ý nguyện, sẽ được vãng sinh về các Phật độ trong mười phương; chắc chắn không sinh về những nơi biên địa hạ tiện, huống nữa là các chốn địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh!

Này A Nan! Nếu ở quốc độ nào, mà trong đó, các châu huyện thôn ấp bị nạn đói khát dịch lệ hoành hành, hoặc bị chiến tranh giặc cướp nhiều hại, nói chung là tất cả các nơi nào bị ách nạn, nếu chép thần chú này treo trên bốn cửa thành, ở những nơi thờ phượng, trên các lá phướn, tất cả dân chúng đều đối trước thần chú cung kính lễ bái, nhất tâm cúng dường; mỗi người đều đeo thần chú trên mình, hoặc treo nơi nhà ở, thì tất cả tai ách đều được tiêu trừ hết.

Này A Nan! Bất cứ nơi chốn nào có thần chú này thì trời rông hoan hỉ, mưa thuận gió hòa, ngũ cốc sung túc, muôn dân an cư lạc nghiệp. Thần chú này cũng có công năng trấn áp tất cả ác tinh, dù chúng hiện ra các điềm quái dị ở phương nào, cũng không

thể khởi lên tai chướng được; dân chúng không bị chết oan, chết yếu, xiềng xích gông cùm không đụng vào thân, giấc ngủ an lành, không có ác mộng.

Này A Nan! Thế giới Ta-bà này có tám vạn bốn ngàn ác tinh tai biến, trong đó có hai mươi tám đại ác tinh đứng hàng đầu; lại có tám đại ác tinh làm chủ toàn thể ác tinh, xuất hiện trong đời bằng nhiều hình trạng, gây nhiều tai họa dị thường cho chúng sinh. Vậy mà, bất cứ nơi chốn nào có thần chú này, tất cả những tai họa ấy đều bị tiêu diệt, trong vòng rộng mười hai do tuần, tất cả các tai ách hung dữ vĩnh viễn không thể xâm nhập.

Vì vậy cho nên Như Lai tuyên dạy thần chú này để bảo hộ những người mới phát tâm tu học ở đời vị lai, được vào chánh định, thân tâm thư thái, vô cùng an ổn, không bị tất cả ma quân quỷ thần và những oan khiên nghiệp họa tích chứa từ lâu đời đến khuấy phá làm hại. Thầy và những vị hữu học trong pháp hội này, cùng những người tu hành ở đời vị lai, hãy y theo cách thức lập đàn tràng Như Lai đã dạy, trì giới đúng như pháp, tỉnh được thanh tịnh tăng chủ trì việc thọ giới, chí thành hành trì tâm chú này, không sinh lòng nghi hối. Những người thiện nam tu trì đúng như thế, mà ngay nơi cái thân cha mẹ sinh ra này, nếu tâm địa không được khai thông, thì

những lời dạy của các đức Như Lai trong mười phương đều là vọng ngữ!

Đức Phật dạy những lời ấy rồi, vô lượng trăm ngàn thần Kim-cang trong pháp hội, cùng đứng lên ở trước Phật, chấp tay đánh lễ, bạch rằng: “Như đức Thế Tôn đã dạy, chúng con sẽ thành tâm bảo hộ những người tu hành để đạt đến chánh định như thế.”

Các vị trời Phạm Vương, Đế Thích và Tứ Vương cũng đồng đánh lễ đức Phật, bạch rằng: “Nếu thật có những người tu học đúng như vậy, chúng con sẽ tận tâm chí thành bảo hộ họ, khiến cho trong một đời đạt được chí nguyện.”

Lại có vô lượng đại tướng dục-xoa; vua các loài la-sát, phú-đan-na, cư-bàn-trà, tì-xá-già; các đại quỷ vương như tân-na, dạ-ca, cùng các quỷ soái, cũng ở trước Phật, chấp tay đánh lễ, bạch rằng: “Chúng con cũng xin nguyện hộ trì những người tu hành ấy, khiến cho họ chóng được viên mãn tâm bồ đề.”

Lại có vô lượng thiên tử nhật, nguyệt, thần mưa, thần mây, thần sấm, thần điện, thần tuần tra các việc thiện ác hằng năm, chư tinh tú và quyền thuộc, cũng đánh lễ chân Phật, bạch rằng: “Chúng con cũng xin bảo hộ những người tu hành như thế, làm cho đạo

tràng được an ổn, không để xảy ra những điều sợ sệt.”

Lại có vô lượng thần núi, thần biển, thổ địa; các thần lội dưới nước, đi trên đất, bay trên không; các thần cây, rừng, cỏ, lúa, vân vân...; thần chủ về gió; chư thiên cõi Vô-sắc, cũng cùng lúc cúi đầu trước đức Phật, bạch rằng: “Chúng con cũng nguyện bảo hộ những người tu hành như thế, cho đến khi thành đạo bồ đề, không bao giờ gặp phải ma sự.”

Lúc bấy giờ, tám vạn bốn ngàn na-do-tha hằng-sa câu-chi Bồ-tát Kim-cang-tạng ở trong pháp hội, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, bạch rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Như bọn chúng con, công nghiệp tu tập đã thành đạo Bồ đề từ lâu, nhưng không nhập niết bàn, mà vẫn thường theo theo thần chú này để cứu hộ những người chân chánh tu hành pháp chánh định trong đời mạt pháp. Bạch đức Thế Tôn! Những người tu tâm cầu chánh định như thế, dù ngồi ở đạo tràng, hay đi kinh hành ở chỗ khác, cho đến tán tâm dạo chơi nơi xóm làng, thì đồ chúng của chúng con vẫn luôn theo bên cạnh để hộ vệ họ; dù cho Ma vương hay trời Đại Tự Tại muốn tìm cách khuấy phá họ, cũng không thể được; các loại quỷ thần kém cõi phải tránh xa họ ngoài mười do tuần, trừ phi chúng phát tâm bồ đề, muốn thân cận họ để

tu học. Bạch đức Thế Tôn! Những loài ác ma và quyền thuộc của chúng, muốn đến nhiều hại những người tu hành ấy, chúng con sẽ dùng chày búa đánh chúng nát như tro bụi, khiến cho họ tu hành được thành tựu như nguyện.”

Đại đức A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, bạch rằng:

– Bọn chúng con ngu độn, chỉ ham nghe nhiều, nhưng cái tâm lậu hoặc thì chưa cầu lìa khỏi. Nay nhờ đức Thế Tôn từ bi dạy dỗ mà được sự huân tu chân chánh, thân tâm thư thái an nhiên, được lợi ích lớn lao.

Bạch đức Thế Tôn! Trên đường tu chúng Chánh Định của chư Phật, trước khi đạt đến Niết Bàn, thế nào gọi là Càn-tuệ-địa? Đối với bốn mươi bốn tâm⁽²⁰⁹⁾, thứ lớp đến đâu thì có được đạo-nhãn? Đến cấp bậc nào thì gọi là Bồ-tát Đẳng-địa? Và thế nào là Bồ-tát Đẳng-giác?

Đại đức A Nan bạch mấy lời ấy xong, liền gieo năm vóc xuống đất; tất cả đại chúng cũng nhất tâm chiêm ngưỡng và chờ lắng nghe từ âm của Phật.

Lúc bấy giờ, đức Phật khen ngợi đại đức A Nan rằng:

– Lành thay! Lành thay! Thầy đã được sự huân tu chân chánh, lại phát lòng vị tha vì đại chúng và tất

cả chúng sinh đời mạt pháp, thỉnh cầu Như Lai chỉ bày con đường tu hành chân chánh tối thượng cho người tu *Lãng Nghiêm Chánh Định*, từ địa vị phàm-phu cho đến Đại Niết Bàn theo Bồ-tát thừa; bây giờ Như Lai sẽ nói rõ, thầy và đại chúng hãy lắng nghe!

Đại đức A Nan cùng khắp đại chúng đều chấp tay, lắng đọng tâm tư, yên lặng thọ giáo. Đức Phật dạy:

– A Nan! Thầy nên biết, diệu tánh Chân-như vốn tròn đầy sáng chiếu, xa lìa mọi danh tướng, bản lai không từng có thế giới và chúng sinh. Nhân một niệm tối sơ vô minh vọng động mà thấy có sinh, rồi nhân sinh mà thấy có diệt, cho nên cả sinh và diệt đều gọi là **vọng**; diệt vọng gọi là **chân**. Đó tức là Vô Thượng Bồ Đề và Đại Niết Bàn, là hai quả chuyên-y⁽²¹⁰⁾ của chư Phật vậy.

Này A Nan! Nay thầy muốn tu pháp chân tam-ma-đề để đến thẳng Đại Niết Bàn của chư Phật, thì trước hết phải biết rõ hai nguyên nhân điên đảo về *thế giới* và *chúng sinh*. Nếu điên đảo không sinh thì đó là chân tam-ma-đề của chư Phật vậy.

Thế nào là điên đảo về chúng sinh? Này A Nan! Bản tánh của chân tâm vốn tự sáng. Cái bản tánh vốn tự sáng ấy chiếu khắp viên mãn; nhưng bởi một niệm vọng động mà phát sinh ra vọng thức, từ đó mà

vọng kiến sinh ra; rốt cuộc, từ chỗ **“rốt ráo không”** đã trở thành **“rốt ráo có”**! Cái có và các pháp được cho là có này, nguyên nhân của chúng là không tự thể; cho nên các tướng năng trụ và sở trụ hoàn toàn không có gốc rễ. Chỉ có cái chân tâm vô trụ là cội gốc kiến lập thế giới và chúng sinh. Vì mê muội không nhận ra tánh viên minh vốn sẵn có, nên sinh ra hư vọng. Nhưng tánh hư vọng không có tự thể, không có chỗ nương tựa; cho nên muốn lìa vọng để trở về chân, thì cái chân đó đã trở thành hư vọng, không phải là tánh chân như chân thật. Đối với cái không phải chân mà mong cầu trở về lại, thì tất cả đều hiện thành tướng hư vọng: không phải sinh mà gọi là sinh, không phải trụ mà gọi là trụ, không phải tâm mà gọi là tâm, không phải pháp mà gọi là pháp; vọng vọng xoay vần phát sinh, sinh lực ngày càng phát huy rõ rệt, huân tập thành nghiệp; đồng nghiệp thì cảm nhau. Nhân có nghiệp cảm mà sinh diệt nối tiếp không ngừng. Đó gọi là **“điên đảo về chúng sinh”**.

Thế nào là điên đảo về thế giới? Này A Nan! Đã cho là có pháp sở hữu thì những khái niệm hư vọng về phần, về đoạn, về giới vực phát sinh; vì thế mà khái niệm **“không gian”** được thành lập. Do cái nhân không phải là nhân chân thật, nên không có

năng trụ và sở trụ, mọi hiện tượng đều trôi chảy đời đời, không bao giờ đứng yên; vì thế mà khái niệm “*thời gian*” được thành lập. Bốn phương và ba đời giao hòa tác động lẫn nhau mà biến hóa, hình thành mười hai loài chúng sinh. Cho nên trong thế giới, nhân động mà có tiếng, nhân tiếng có sắc, nhân sắc có mùi, nhân mùi có xúc, nhân xúc có vị, nhân vị biết pháp; sáu vọng tưởng quay lộn rồi ren kết thành nghiệp tánh, khu biệt thành mười hai loài, cứ thế mà luân chuyển. Bởi vậy trong thế gian, sáu trần sắc thanh hương vị xúc pháp, biến đổi cùng tột đến mười hai lần là giáp một vòng, bèn xoay trở lại. Dựa theo các tướng điên đảo xoay vần đó mà hữu tình thế giới có các loài noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh; các loài có hình sắc, không hình sắc, có tư tưởng, không tư tưởng; hoặc các loài chẳng phải có hình sắc, chẳng phải không hình sắc, chẳng phải có tư tưởng, chẳng phải không tư tưởng.

Này A Nan! Do vì trong thế giới có **tướng hu vọng** luân chuyển, thiên nặng về **động**, hòa hợp với **khí** mà thành tám vạn bốn ngàn loạn tướng, loại bay loại lặn; vì vậy mà có **mầm trướng** lưu chuyển trong các quốc độ, sinh ra đầy dẫy các loài cá, chim, rùa, rắn, vân vân...

Do vì trong thế giới có **tình tạp nhiễm** luân chuyển, thiên nặng về **đục**, hòa hợp với **tinh** mà thành tám vạn bốn ngàn loạn tướng, loại đứng thẳng loại nằm ngang; vì vậy mà có **bào thai** lưu chuyển trong các quốc độ, sinh ra đầy dẫy các loài người, súc vật, rồng, tiên, vân vân...

Do vì trong thế giới có **tánh chấp trước** luân chuyển, thiên nặng về **thú hướng**, hòa hợp với **hơi ấm** mà thành tám vạn bốn ngàn loạn tướng, loại nghiêng loại ngửa; vì vậy mà có **giống tế bào thịt mềm ướt** lưu chuyển trong các quốc độ, sinh ra đầy dẫy các loài ngo ngoe lúc nhúc cựa quậy.

Do vì trong thế giới có **tánh biến dịch** luân chuyển, thiên nặng về **giả**, hòa hợp với **xúc** mà thành tám vạn bốn ngàn loạn tướng thay cũ đổi mới; vì vậy mà có **giống tế bào thịt cứng** lưu chuyển trong các quốc độ, sinh ra đầy dẫy các loài lột vỏ, thoát xác, chuyển bò thành bay, vân vân...

Do vì trong thế giới có **tánh chất ngại** luân chuyển, thiên nặng về **chướng**, hòa hợp với **hiển trứ** mà thành tám vạn bốn ngàn loạn tướng tinh diệu; vì vậy mà có **giống tế bào sắc tướng** lưu chuyển trong các quốc độ, sinh ra đầy dẫy các thiện thần, ác thần, tinh hoa của trời trăng, vẻ sáng rực rỡ của tinh tú,

hoặc lửa nơi đom đóm, ngọc trai nơi động vật, vân vân...

Do vì trong thế giới có **tánh tiêu tán** luân chuyển, thiên nặng về **hoặc**, hòa hợp với **ám động** mà thành tám vạn bốn ngàn loạn tướng thâm ẩn; vì vậy mà có **giống tế bào vô sắc** lưu chuyển trong các quốc độ, sinh ra đầy dẫy các loài trời Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi phi tướng xứ, cùng các loại thần hư không, thần gió, thần hạn hán, vân vân...

Do vì trong thế giới có **ảo tượng** luân chuyển, thiên nặng về **ảnh tượng**, hòa hợp với **nhớ tưởng** mà thành tám vạn bốn ngàn loạn tướng tiềm kết; vì vậy mà có **giống tế bào hữu tướng** lưu chuyển trong các quốc độ, sinh ra đầy dẫy các loài thần, quý, tinh linh.

Do vì trong thế giới có **tánh ngu động** luân chuyển, thiên nặng về **si**, hòa hợp với **ương ngạnh** mà thành tám vạn bốn ngàn loạn tướng khô cằn; vì vậy mà có **giống tế bào vô tướng** lưu chuyển trong các quốc độ, tinh thần hóa thành đầy dẫy các loại đất, cây, vàng, đá, vân vân...

Do vì trong thế giới có **tánh đối đãi nhau** luân chuyển, thiên nặng về **giả ngụy**, hòa hợp với **đắm nhiễm** mà thành tám vạn bốn ngàn loạn tướng nương y; vì vậy mà có **giống tế bào không phải hữu**

sắc mà thành hữu sắc lưu chuyển trong các quốc độ, sinh ra đầy dẫy các loài như sứa ở dưới biển, lầy bọ nước làm thân, nhờ tôm làm mắt, vân vân...

Do vì trong thế giới có **tánh hấp dẫn nhau** luân chuyển, thiên nặng về **tánh**, hòa hợp với **chú thuật** mà thành tám vạn bốn ngàn loạn tướng hú gọi; vì vậy mà có *giống tế bào không phải vô sắc mà thành vô sắc* lưu chuyển trong các quốc độ, sinh ra đầy dẫy các loại bùa chú trừ ếm.

Do vì trong thế giới có **tánh hợp vọng** luân chuyển, thiên nặng về **hôn muội**, hòa hợp với **dị loại** mà thành tám vạn bốn ngàn loạn tướng tráo trở; vì vậy mà có *giống tế bào không phải có tướng mà thành có tướng* lưu chuyển trong các quốc độ, sinh ra đầy dẫy những loài như tò vò, mượn chất khác làm thành thân mình.

Do vì trong thế giới có **tánh kết oán mưu hại** luân chuyển, thiên nặng về **sát**, hòa hợp với **quái dị** mà thành tám vạn bốn ngàn loạn tướng ăn thịt cha mẹ; vì vậy mà có *giống tế bào không phải vô tướng mà thành vô tướng* lưu chuyển trong các quốc độ, sinh ra đầy dẫy những loài như chim cú ấp đất cục làm con, hay chim phá-kính ấp trái cây độc làm con, con lớn lên trở lại ăn thịt cha mẹ.

Đó là mười hai loài chúng sinh.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 8

*- Các Địa Vị Tu Chứng
- Nguyên Nhân và Quả Báo
của Chúng Sinh Ba Cõi*

– Này A Nan! Mười hai loài chúng sinh đó, trong mỗi loài cũng đều đầy đủ mười hai thứ điên đảo, cũng như bụi con mắt thì thấy đủ thứ hoa đốm phát sinh ra. Chân tâm vốn trong sạch, sáng suốt, tròn đầy, màu nhiệm, nhưng bởi một niệm vọng động điên đảo mà đầy đủ những loạn tướng hư vọng như thế. Nay thầy muốn tu chứng chánh định thành Phật, đối với cái nguyên nhân gốc rễ làm phát sinh bao loạn tướng điên đảo, phải lập ra **ba bước tiệm thứ**, y theo đó mà tu hành, mới diệt trừ được; cũng như chiếc bình đựng nước, phải trừ bỏ những bọt dơ chất độc ở trong, dùng nước nóng, tro và chất thơm rửa thật sạch, rồi mới đựng nước cam lồ.

Thế nào là ba bước tiệm thứ? Một là tu tập, dứt trừ “*trợ nhân*”; hai là chân tu, nạo sạch “*chánh tánh*”; ba là tăng tiến, ngược dòng “*hiện nghiệp*”.

Thế nào *trợ nhân*? Này A Nan! Mười hai loài chúng sinh trong thế giới không thể tự bảo toàn mạng sống, mà phải nhờ bốn loại thức ăn để được sinh tồn; đó là đoàn thực, xúc thực, tư thực và thức thực. Vì vậy Như Lai nói: Tất cả chúng sinh nhờ ăn mà sống còn. A Nan! Chúng sinh ăn các thứ bổ ích cho thân tâm thì sống; ăn các thứ độc hại cho thân tâm thì chết. Cho nên những chúng sinh cầu chánh định thì phải trừ bỏ năm loại rau cay nồng ở thế gian. Năm loại rau cay nồng này, ăn chín thì khởi lòng dâm, ăn sống thì tăng lòng giận. Ở thế giới này, những người ăn rau cay nồng ấy, dù có tài giảng thuyết mười hai bộ kinh, chư thiên trong mười phương cũng chê là hôi hám, không muốn tới gần; những loài quỷ đói thấy người ăn những thứ đó thì đến liếm môi liếm mép, thành ra người đó thường ở chung với quỷ, phước đức ngày càng hao tổn, lâu ngày không còn chút lợi ích gì. Người tu chánh định mà ăn năm thứ rau cay nồng ấy, chư vị Bồ-tát, thiên tiên, thiện thần trong mười phương không đến ủng hộ; thiên ma Ba-tuần lại được thế, hiện ra thân Phật đến thuyết pháp cho họ nghe, hủy báng sự chấp trì

cấm giới, tán thán ba nghiệp độc dâm dục, sân hận, si mê, khi chết tự trở thành quyến thuộc của ma vương, hưởng hết phước ma thì đọa địa ngục vô gián. Này A Nan! Người tu đạo Bồ đề, hãy vĩnh viễn trừ bỏ năm loại rau cay nồng. Đó là bước tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ nhất.

Thế nào là *chánh tánh*? Này A Nan! Chúng sinh muốn vào chánh định, trước tiên cần phải nghiêm trì giới luật thanh tịnh, vĩnh viễn đoạn trừ tâm dâm, không ăn thịt uống rượu, chỉ ăn thức ăn trong sạch nấu chín, không ăn đồ sống. Này A Nan! Người tu hành đó, nếu không đoạn trừ dâm dục và sát sinh mà giải thoát khỏi ba cõi, là điều không thể có được. Phải quán sát sự dâm dục như là rắn độc, như gặp giặc thù. Trước hết phải giữ giới “*tứ khí, bát khí*” thuộc giới luật Thanh-văn, giữ thân miệng vững vàng, không lay động; sau đó hành trì luật nghi thanh tịnh của hàng Bồ-tát, giữ tâm vững vàng, không khởi vọng niệm. Cấm giới đã thành tựu thì ở thế gian không còn nghiệp sinh nhau, giết nhau. Đã không trộm cắp thì không còn mắc nợ nhau, và cũng khỏi phải trả nợ đời trước ở thế gian. Người thanh tịnh ấy tu pháp chánh định, thì chính ngay nơi nhục thân do cha mẹ sinh ra, không cần thiên nhãn mà tự nhiên nhìn thấy mười phương thế giới, thấy Phật

nghe pháp, chính mình vâng lãnh ý chỉ của Phật, được thần thông lớn, du hành mười phương thế giới, túc mạng thanh tịnh, không đọa vào các nơi gian nan hiểm trở. Đó là bước tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ nhì.

Thế nào là *hiện nghiệp*? Này A Nan! Người trì giới thanh tịnh như thế, tâm không tham dâm, không buông lung giống ruồi theo sáu trần ở bên ngoài. Do không buông lung giống ruồi nên tự quay về tánh bản nguyên. Trần đã không duyên thì căn không có đối tượng, ngược dòng về lại chỗ toàn-nhất, cả sáu công dụng thấy nghe ngửi nếm xúc biết đều không hiện hành. Mười phương quốc độ rộng suốt trong sạch, như mặt trăng sáng treo trong đèn lưu li. Thân tâm thư thái, diệu viên, bình đẳng, vô cùng tự tại; tất cả cảnh giới bí áo, viên dung, thanh tịnh, nhiệm màu của chư Phật đều hiển hiện trong đó. Người đó liền chứng vô sinh pháp nhẫn; từ đó lần nữa tu tập, tùy mức độ giác ngộ mà an lập địa vị thánh nhân. Đó là bước tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ ba.

Này A Nan! Vị hành giả ấy ái dục đã cạn khô, căn cảnh không còn phối hợp, hiện tiền là thân tối hậu, không còn tiếp tục thọ thân quả báo ở đời sau. Vị ấy trụ tâm ở nơi rộng sáng, thuần là trí tuệ; tuệ tánh sáng suốt tròn đầy, soi tỏ mười phương thế giới.

Nhưng ở giai đoạn này, vị ấy mới khô cạn các tập khí tham dục, chưa tiếp thông được với dòng nước pháp của Phật; vì chỉ mới có thứ trí tuệ khô khan ấy, nên gọi là *Càn-tuệ-địa*.

Từ địa vị Càn-tuệ ấy, dùng diệu trí trung tâm quán diệu lí trung đạo mà vào biển diệu giác, diệu tánh viên thông mở bày. Tánh chân viên diệu từ đây lại càng phát triển chân viên diệu, tất cả vọng tưởng diệt hết không còn, lòng tin kiên cố hướng về lí trung đạo chân thuần; gọi là *Tín-tâm-trụ*.

Đã có lòng tin chân thật, trí tuệ sáng rõ, cho nên tất cả đều viên thông, ba thứ âm, xứ, giới không còn làm chướng ngại. Đối với những việc bỏ thân, thọ thân, những tập khí phải đoạn trừ, trong vô số kiếp quá khứ vị lai, vị hành giả này nhớ rõ hết, tất cả đều như hiện ra trước mắt, không quên mất việc gì; gọi là *Niệm-tâm-trụ*.

Từ chân diệu viên và trung đạo thuần chân, mà chân tinh phát hóa ra. Các tập khí từ vô thủy đến đây đều bị đồng hóa vào trí thể tinh minh; giữ vững tánh tinh minh này mà tiến đến khế hợp với lí thể chân tịnh; gọi là *Tinh-tán-tâm*.

Tâm tinh minh thường xuyên hiện tiền, thuần dùng trí tuệ trong đời sống; gọi là *Tuệ-tâm-trụ*.

Duy trì trí tuệ tinh minh, lặng trong cùng khắp, thường trực lắng đọng trong cảnh giới tịch diệu; gọi là *Định-tâm-trụ*.

Định lực phát ra trí sáng, trí càng sáng thì định càng sâu, chỉ có tiến tới chứ không thối lui; gọi là *Bất-thối-tâm*.

Tâm an nhiên tiến tới, giữ gìn mạng mạch của chư Phật không để mất, giao tiếp từng phần với pháp thân Như Lai mười phương; gọi là *Hộ-pháp-tâm*.

Giữ gìn tánh giác sáng suốt, có thể dùng diệu lực xoay từ quang của Phật hướng về an trụ trong ánh sáng của Phật nơi mình, giống như hai tấm gương sáng đối nhau, trong đó các hình ảnh nhiệm màu lớp lớp lồng vào nhau; gọi là *Hồi-hướng-tâm*.

Tâm sáng của mình và trí sáng của Phật kín nhiệm thông ứng, được an trụ nơi cảnh giới lắng đọng, vô vi, vô thượng diệu tịnh của Phật, không một niệm hữu vi còn mất; gọi là *Giới-tâm-trụ*.

Đã an trụ nơi giới một cách tự tại, hành giả có thể du hóa mười phương, đến đâu tùy nguyện; gọi là *Nguyện-tâm-trụ*.

Này A Nan! Vị hành giả kia dùng phương tiện chân thật phát mười tín tâm ấy, tâm tinh thuần trong sáng phát huy, mười công dụng hòa nhập lẫn nhau, thành một tâm viên mãn; gọi là *Phát-tâm-trụ*.

Trong tâm kia phát ra ánh sáng, như trong khối ngọc lưu li trong sạch chói màu vàng ròng. Dùng mười tâm mẫu nhiệm trước kia mà trải làm nền tảng vững vàng như đất; gọi là *Tri-địa-tâm*.

Tâm địa biết khắp, tất cả đều tỏ rõ, du hóa mười phương không bị ngăn ngại; gọi là *Tu-hành-trụ*.

Hạnh đồng với Phật, được thọ nhận từng phần khí lực của Phật, như thân trung ấm tự tìm cha mẹ. Âm tín đã thâm thông nhập vào dòng giống Như Lai; gọi là *Sinh-quí-trụ*.

Đã vào đạo thai thì chính mình được tánh giác nuôi dưỡng, như bào thai đã tượng thành hình người đầy đủ; gọi là *Phương-tiện-cụ-túc-trụ*.

Dung mạo như Phật, tâm tướng cũng đồng; gọi là *Chánh-tâm-trụ*.

Thân tâm như nhất, đạo thai ngày càng tăng trưởng; gọi là *Bất-thối-trụ*.

Mười thân⁽²¹¹⁾ cùng lúc đầy đủ; gọi là *Đồng-chân-trụ*.

Ví như hình vóc đã thành và đã ra khỏi bào thai, chính mình đã trở thành con của đấng Pháp-vương; gọi là *Pháp-vương-tử-trụ*.

Như vị thái tử đã trưởng thành, được nhà vua dùng nghi lễ Quán-đảnh để phân nhiệm trao cho một số việc nước; gọi là *Quán-đảnh-trụ*.

Này A Nan! Vị hành giả kia đã trở thành Phật tử, có đầy đủ vô lượng đức tánh nhiệm mầu của Như Lai, có thể tùy thuận mười phương chúng sinh; gọi là *Hoan-hỉ-hạnh*.

Khéo biết làm lợi ích cho tất cả chúng sinh; gọi là *Nhiêu-ích-hạnh*.

Tự mình đã giác ngộ, lại giáo hóa cho người được giác ngộ, thường tu pháp nhẫn, được đức không chống trái; gọi là *Vô-sân-hận-hạnh*.

Tùy loại chúng sinh mà ứng thân hóa độ, ba đời bình đẳng, mười phương thông suốt, cho đến cùng tốt đời vị lai; gọi là *Vô-tận-hạnh*.

Nhận biết tất cả các pháp môn đều dung hợp, đồng là một thể tánh, cho nên tùy cơ dạy bảo, không có sai lầm; gọi là *Li-si-loạn-hạnh*.

Ở trong cái lí thể đồng nhất hiển hiện vô vàn sự tướng dị biệt; ở nơi mỗi mỗi sự tướng dị biệt đều thấy rõ cái lí thể đồng nhất; gọi là *Thiện-hiện-hạnh*.

Như thế, cho đến mười phương hư không đầy đầy vi trần, trong mỗi mỗi vi trần đều hiển hiện mười phương thế giới; thế giới hiện vi trần, vi trần hiện thế giới, đều không ngăn ngại nhau; gọi là *Vô-trước-hạnh*.

Tất cả mọi sự vật hiện tượng ở trước mắt đều là đệ nhất ba-la-mật; gọi là *Tôn-trọng-hạnh*.

Đã viên dung vô ngại như thế, thì một lời nói một việc làm đều phù hợp với qui phạm phép tắc của chư Phật mười phương; gọi là *Thiện-pháp-hạnh*.

Tất cả các hạnh đều là thanh tịnh vô lậu, nhất chân vô vi, vì tánh bản nhiên là như thế; gọi là *Chân-thật-hạnh*.

Này A Nan! Vị hành giả ấy đã xa hết lỗi lầm, tinh chân thuần khiết, đầy đủ thần thông, thành tựu Phật sự, bây giờ, trong lúc hóa độ chúng sinh thì diệt trừ cả ý niệm năng độ sở độ, xoay tâm vô vi hướng về con đường niết bàn; gọi là *Cứu hộ nhất thiết chúng sinh, li chúng sinh tướng hồi-hướng*.

Hoại diệt cái đáng hoại diệt, dứt bỏ cả các ý niệm năng-li sở-li; gọi là *Bất hoại hồi-hướng*.

Tánh bản giác lặng trong sáng tỏ ngang bằng như Phật; gọi là *Đẳng nhất thiết Phật hồi-hướng*.

Tinh chân phát sáng tỏ rõ, tâm địa như tâm Phật, bao hàm vô biên cõi nước; gọi là *Chí nhất thiết xứ hồi-hướng*.

Thế giới và Như Lai dung hợp lẫn nhau không chướng ngại; gọi là *Vô tận công đức tạng hồi-hướng*.

Tâm địa đồng với Phật, trong đó sinh ra các nhân thanh tịnh, nương nhân đó mà phát huy để thủ đắc

niết bàn; gọi là *Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi-hướng*.

Chân căn đã thành, mười phương chúng sinh đều là bản tánh của mình. Bản tánh thành tựu viên mãn, không bỏ mất một chúng sinh nào; gọi là *Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh hồi-hướng*.

Tức tất cả pháp, li tất cả tướng, cả *tức* và *li* đều không dính mắc; gọi là *Chân như tướng hồi-hướng*.

Thể nhập chân như, mười phương không chướng ngại; gọi là *Vô phược giải thoát hồi-hướng*.

Tánh đức thành tựu viên mãn, pháp giới không còn ranh giới cách ngăn; gọi là *Pháp giới vô lượng hồi-hướng*.

Này A Nan! Vị hành giả ấy đã tu tập trải qua hết bốn mươi một tâm thanh tịnh như trên rồi, tiếp đến phải thành tựu bốn bậc Gia-hạnh diệu viên:

Lấy tánh giác của Phật dùng làm tâm mình, nhưng chỉ mới gần như hiển lộ chứ chưa hiển lộ; ví như giùi gỗ cho ra lửa mà đốt gỗ; gọi là *Noãn-địa*.

Lại lấy tâm mình làm chỗ nương để phát huy tuệ giác Phật; nhưng nương mà không phải nương, giống như lên núi cao, tuy thân đã nhập vào hư không mà chân vẫn còn bám vào đỉnh núi; gọi là *Đánh-địa*.

Tâm mình và tâm Phật, cả hai đồng nhất, thấy được lí trung đạo; ví như người biết nhẫn nhịn, không phải ôm giữ mà cũng không phải nói ra; gọi là *Nhẫn-địa*.

Một hay nhiều, tất cả số lượng đều tiêu vong; mê trung đạo hay giác trung đạo, cả hai đều không có gì; gọi là *Thế-đệ-nhất-địa*.

Này A Nan! Vị hành giả ấy từng phần thân chứng đạo Vô thượng Bồ đề, tuệ giác cùng với Phật dung thông, suốt cùng cảnh giới chư Phật; gọi là *Hoan-hỉ-địa*.

Chủng tánh khác nhau của muôn loài chúng sinh đều nhập vào đồng một tánh bình đẳng, và ngay cả cái tánh đồng này cũng tiêu mất; gọi là *Li-cấu-địa*.

Tâm thanh tịnh đến tột cùng thì tuệ giác tự nhiên phát sáng; gọi là *Phát-quang-địa*.

Sáng suốt tột cùng, tuệ giác viên mãn; gọi là *Diễm-tuệ-địa*.

Tất cả những ý niệm đồng dị đối đãi đều không còn nữa; gọi là *Nan-thắng-địa*.

Bản tánh chân như vô vi thanh tịnh hiển lộ tỏ rõ; gọi là *Hiện-tiền-địa*.

Đạt đến tột cùng bờ cõi chân như; gọi là *Viễn-hành-địa*.

Một tâm chân như; gọi là *Bất-động-địa*.

Vận dụng chân như phát sinh diệu dụng; gọi là *Thiện-tuệ-địa*.

Này A Nan! Vị Bồ-tát ấy, tới đây thì công hạnh tu tập đã xong, công đức viên mãn, nên đến địa này thì được gọi là *Tu-tập-vị*.

Bóng từ mây diệu trùm biển niết bàn; gọi là *Pháp-vân-địa*.

Như Lai ngược dòng trở lại, còn vị Bồ-tát ấy thì thuận dòng tiến tới, giới tuyến của hai dòng tuệ giác giao hòa; gọi là *Đẳng-giác*.

Này A Nan! Tu tập từ sơ tâm Càn-tuệ cho đến bậc Đẳng-giác, thì chính ở bậc Đẳng-giác này đây, vị Bồ-tát ấy mới đạt được bậc *Sơ-càn-tuệ-địa* trong Tâm Kim Cương. Công phu tu tập như vậy, trải qua lớp lớp mười hai tầng bậc vừa đơn vừa kép⁽²¹²⁾, mới đạt đến quả vị tột cùng *Diệu-giác*, thành tựu *Đạo Vô-thượng*.

Các địa vị ấy đều dùng trí kim cương quán sát mười thí dụ⁽²¹³⁾ như huyền sâu xa, ở trong chánh định, dùng trí quán của chư Phật mà thanh tịnh tu chứng, lần lượt thâm nhập.

Này A Nan! Như thế đều dựa vào ba tiệm thứ mà tu hành tăng tiến, trải qua năm mươi lăm địa vị⁽²¹⁴⁾ ấy để cuối cùng thành tựu con đường Bồ đề Vô

thượng. Quán như thế gọi là chánh quán; còn quán theo cách nào khác đều là tà quán.

Lúc bảy giờ, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, bạch rằng:

– Kinh này gọi tên là gì? Con và chúng sinh phải phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi:

– Kinh này tên là “*Đại Phật Đảnh Tát Đát Đa Bát Đát Ra Vô Thượng Bảo Ấn Thập Phương Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhân*”; hoặc gọi tên là “*Cứu Hộ Thân Nhân Độ Thoát A Nan Cập Thủ Hội Trung Tánh Trì Kheo Ni Đắc Bồ Đề Tâm Nhập Biến Trì Hải*”; hoặc gọi là “*Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa*”; hoặc gọi là “*Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương Thập Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú*”; cũng gọi là “*Quán Đảnh Chương Cú Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm*”. Ông nên theo đó mà phụng trì.

Đức Phật dạy lời ấy xong, tức thì, đại đức A Nan cùng cả đại chúng, nhờ được Phật khai thị cho ý nghĩa mật ấn “*Đại Bạch Tán Cái*”, lại nghe được các tên gọi liễu nghĩa của kinh này, liền đôn ngộ lí thể huyền diệu thù thắng, tu chứng tiến lên Thánh vị trong cảnh giới định tuệ. Tâm rộng không, lắng

động, đoạn trừ sáu phẩm vi tế phiền não thuộc tư hoặc ba cõi⁽²¹⁵⁾. Đại đức từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, chấp tay cung kính bạch rằng:

– Bạch đức Thế Tôn, đấng đại uy đức, từ âm bình đẳng, khéo dùng phương tiện khai ngộ những lỗi lầm vi tế lâu đời của chúng sinh, khiến cho con hôm nay thân tâm thư thái an nhiên, được lợi ích lớn.

Bạch Thế Tôn! Theo lời dạy của đức Thế Tôn, cái chân tâm trong sạch sáng suốt nhiệm màu này xưa nay vốn viên mãn biến khắp, cho đến đất đá cỏ cây, các loài động vật hữu tình, cũng vốn đủ bản tánh chân như, tức là chân thể thành Phật của các đức Như Lai; Phật thể vốn đã chân thật như thế, tại sao lại có các nẻo Địa-ngục, Ngạ-qui, Súc-sinh, A-tu-la, Trời, và Người? Bạch Thế Tôn! Các nẻo đó là bản lai tự có, hay do tập khí hư vọng của chúng sinh mà phát sinh ra? Bạch Thế Tôn! Như tì kheo ni Bảo Liên Hương hành trì giới Bồ-tát mà lén lút làm việc dâm dục, rồi lại lí luận sai lầm rằng, hành dâm chẳng phải sát sinh, chẳng phải trộm cắp, nên không có nghiệp báo! Nói lời ấy xong thì trước hết nơi nữ căn phát ra ngọn lửa lớn, rồi từ từ lửa đốt đến từng đốt xương, và đọa địa ngục vô gián! Còn như vua Lưu Li⁽²¹⁶⁾ và tì kheo Thiện Tinh⁽²¹⁷⁾, Lưu Li thì tận diệt tộc Cô-đàm, Thiện Tinh thì vì tà kiến mà nói càn

rằng tất cả các pháp đều không có; vì vậy mà cả hai đều phải đọa địa ngục vô gián ngay lúc còn sinh tiền. Các địa ngục như thế là có chỗ nơi nhất định, hay một cách tự nhiên, khi mỗi người kia tạo nghiệp thì mỗi người riêng chịu quả báo? Xin đức Thế Tôn rủ lòng đại từ, khai mở trí kiến cho kẻ non dại mê mờ, khiến cho tất cả những người hành trì giới luật, nghe được nghĩa lý chắc thật mà tâm sinh vui mừng, đội giới trên đầu, cẩn trọng giữ gìn không để sai phạm.

Phật dạy đại đức A Nan:

– Câu hỏi của thầy thật sâu sắc, khiến cho chúng sinh không rơi vào tà kiến. Như Lai sẽ giải bày sau đây, thầy hãy lắng nghe!

Này A Nan! Tất cả chúng sinh vốn thật chân tịnh, nhân vì vọng kiến mà có tập khí hư vọng phát sinh; rồi lại nhân đó mà phân chia ra có *trong phận* và *ngoài phận*.

Này A Nan! ***Trong phận*** tức là ở bên trong thân phận con người. Nhân vì ái nhiễm mà phát khởi vọng **tinh**; tình tích chứa mãi không ngừng mà tụ thành dòng nước tham ái. Vì thế, hễ tâm nhớ tới thức ăn ngon thì trong miệng chảy nước miếng; tâm nhớ đến người xưa, hoặc thương hoặc giận, thì nước mắt trào tuôn; tham cầu của báu thì nước dãi thêm khát

tiết ra, toàn thân trơn sáng; tâm nghĩ tới sự hành dâm thì hai căn nam nữ tự nhiên tiết ra dịch khí.

Này A Nan! Tâm ái tuy là khác nhau ở sáu căn, nhưng sự lưu xuất ra ngoài hay kết tụ bên trong thì giống nhau, đều đồng một tánh nhuận ướt. Nhuận ướt thì không thể chảy lên, tự nhiên phải theo chỗ thấp mà chảy xuống. Đó gọi là *trong phận*.

Này A Nan! ***Ngoài phận*** tức là ở bên ngoài thân phận con người. Do tâm khát ngưỡng mong cầu mà phát sinh các niệm **tưởng** thanh hư, tưởng tích chứa mãi không ngừng thì sinh ra khí lực thù thắng. Vì thế chúng sinh, hễ tâm giữ giới hạnh thì toàn thân thanh tịnh nhẹ nhàng; tâm trì ấn chú thì mắt ngó sáng ngời nghị lực; tâm muốn sinh lên cõi trời thì trong chiêm bao thấy mình bay bổng nhẹ nhàng; tâm hướng về cõi Phật thì thánh cảnh kín đáo hiện bày; tâm phụng sự thiện tri thức thì coi nhẹ thân mạng mình.

Này A Nan! Các loại niệm tưởng tuy khác nhau, nhưng sự nhẹ nhàng và cất bổng lên thì giống nhau, đều đồng một tánh bay lên. Bay lên thì không chìm xuống, tự nhiên phải vượt lên cao. Đó gọi là *ngoài phận*.

Này A Nan! Tất cả thế gian, sống chết nối tiếp nhau không dứt. Sống thì thuận theo tập khí mà tạo

nghiệp; chết thì theo dòng biến đổi mà thọ báo. Lúc gần mạng chung, chỉ còn chút hơi ấm mong manh, bao nhiêu việc thiện việc ác đã làm trong suốt một đời, đều vụt hiện ra; trốn chết và cầu sống, hai tập khí ấy cùng lúc tranh giành.

Nếu thuần là *tướng* thì bay lên, ắt sinh lên các cõi Trời. Nếu trong cái tâm bay lên đó mà có bao gồm phước đức, trí tuệ và chí nguyện thanh tịnh, thì tự nhiên tâm được sáng suốt, thấy được tất cả cõi Phật thanh tịnh khắp mười phương, rồi tùy ý nguyện muốn về cõi nào thì được vãng sinh về cõi đó.

Nếu *tướng* nhiều mà *tình* ít, thì cũng bay lên được, nhưng không xa, thành các loài như tiên, đại lực quỷ vương, quỷ dạ xoa bay trên hư không, quỷ la sát đi trên mặt đất; họ có thể đi khắp cõi trời Tứ-vương, không gặp trở ngại. Trong số đó, nếu có ai có thiện tâm và phát nguyện lành, hộ trì Phật pháp, hoặc hộ trì giới cấm và bảo vệ người trì giới, hoặc hộ trì thần chú và bảo vệ người trì chú, hoặc hộ trì người tu thiền định, giữ yên pháp nhẫn, thì những vị ấy, chính mình được ở dưới pháp tòa của Như Lai.

Nếu tướng và tình bằng nhau, không bay lên cũng không đọa xuống, mà sinh vào cõi nhân gian; vì có tướng nên có phần thông minh, và vì có tình nên cũng có lẫn phần ngu độn.

Nếu tình nhiều tướng ít thì sinh vào cõi bàng sinh, thân thể nặng nề thì vào các giống thú có lông ma, thân thể nhẹ nhàng thì vào các loài cầm có lông vũ.

Bảy phần tình ba phần tướng thì chìm dưới thủy-luân, sinh nơi mé hỏa-luân, chịu hơi nóng của lửa mạnh, làm thân ngạ quỷ, thường bị thiêu đốt; thấy nước thì thành lửa, lửa cháy hại mình, nên trải trăm ngàn kiếp không ăn uống được.

Chín phần tình một phần tướng thì sa xuống suốt tầng hỏa-luân, đến tận vùng ranh giới giữa hỏa-luân và phong-luân; nhẹ thì sinh vào hữu-gián, nặng thì sinh vào vô-gián, đó là hai loại địa ngục.

Thuần là tình thì sa vào địa ngục A-tì⁽²¹⁸⁾. Nếu có thêm cái tâm hủy báng đại thừa, phá hoại cấm giới của Phật, nói pháp cuồng vọng để tham cầu của tín thí, lạm nhận sự cung kính, hoặc phạm các trọng tội ngũ nghịch, thập ác, thì sẽ bị luân chuyển đọa vào từ địa ngục A-tì này sang địa ngục A-tì khác ở khắp mười phương.

Tùy theo ác nghiệp đã tạo mà mỗi chúng sinh tự chịu lấy quả báo của riêng mình. Tuy nhiên, vì chúng sinh tạo ác nghiệp có giống nhau, nên cùng chịu quả báo địa ngục giống nhau, tuồng như địa ngục vốn có chỗ nơi nhất định sẵn.

Này A Nan! Tất cả các quả báo như thế đều do nghiệp của chúng sinh chiêu cảm; vì tạo **mười tập-nhân**⁽²¹⁹⁾ **bất thiện** mà nhận chịu **sáu giao-báo**⁽²²⁰⁾ đau khổ.

Thế nào là *mười tập nhân bất thiện*?

Một là thói quen dâm dục. Nam nữ giao tiếp, cọ xát nhau tìm cầu dục lạc. Cọ xát không ngừng, tâm dâm tích tụ, ngọn lửa lớn mạnh từ đó mà phát động lên; ví như người dùng hai bàn tay xoa mạnh vào nhau thì phát sinh cảm giác nóng. Tập khí chủng tử vẫn còn mà lại chồng thêm tập khí hiện tại, làm cho lửa dâm dục càng mạnh, cho nên mới có những quả báo giường sắt nóng, cột đồng nung ở địa ngục. Vì vậy, tất cả các đức Như Lai trong mười phương, xem thấy sự hành dâm của chúng sinh, đều gọi đó là lửa dục; còn chư vị Bồ-tát thì tránh cảnh dâm dục như tránh xa hầm lửa.

Hai là thói quen tham lam, so đo tính toán, phát sinh nơi sự thu hút lẫn nhau. Tham cầu không ngừng nghỉ, tích tụ hơi lạnh, đóng cứng thành băng; ví như người hút hơi gió vào miệng thì sinh cảm giác lạnh. Tập khí chủng tử vẫn còn mà lại chồng thêm tập khí hiện tại, làm cho tâm tham cầu thu hút càng mạnh, cho nên mới có quả báo ở các cảnh địa ngục lạnh giá như Tra-tra, Ba-ba, La-la, Thanh-liên, Xích-liên,

Bạch-liên. Vì vậy, tất cả các đức Như Lai trong mười phương, xem thấy sự tham cầu của chúng sinh, đều gọi đó là nước tham; còn chư vị Bồ-tát thì tránh lòng tham như tránh xa biển độc.

Ba là thói quen kiêu mạn, lấn lướt lẫn nhau, phát sinh từ tâm trọng mình khinh người. Tâm cao ngạo dâng lên không ngừng, vì thế mà sôi nổi phóng túng, chứa sóng thành nước; ví như miệng lưỡi chạm vị thì nước miếng tự chảy ra. Tập khí chủng tử vẫn còn mà lại chồng thêm tập khí hiện tại, làm cho tâm kiêu mạn càng mạnh, cho nên mới có quả báo ở các địa ngục sông máu, sông tro, cát nóng, biển độc, nước đồng sôi rót vào miệng. Vì vậy, tất cả các đức Như Lai trong mười phương, xem thấy tâm kiêu mạn của chúng sinh, đều gọi đó là uống nước si; còn chư vị Bồ-tát thì tránh lòng kiêu mạn như tránh xa vực thẳm.

Bốn là thói quen nóng giận, xung đột, phát sinh từ sự chống đối lẫn nhau. Chống đối không ngừng nghỉ, tâm nóng phát ra lửa, nung nấu khí lực thành ra kim khí, cho nên mới có núi đao, gậy sắt, kiếm dài, kiếm tròn, búa, rìu, thương, cưa; ví như người bị hàm oan thì sát khí nổi ùng ùng. Tập khí chủng tử vẫn còn mà lại chồng thêm tập khí hiện tại, làm cho tâm nóng giận càng mạnh, cho nên mới có các quả

báo thiên, cắt, chém, chặt, dùi, đâm, đập, đánh. Vì vậy, tất cả các đức Như Lai trong mười phương, xem thấy tâm nóng giận của chúng sinh, đều gọi đó là dao kiếm bén; còn chư vị Bồ-tát thì tránh lòng nóng giận như tránh xa chỗ chém giết.

Năm là thói quen dối trá, gạt gẫm, phát sinh từ tâm dụ hoặc lẫn nhau. Giả dối mãi không ngừng, cho nên có dây thòng lọng, trụ căng nọc; ví như nước thấm vào ruộng đất thì cỏ cây sinh trưởng. Tập khí chúng tử vẫn còn mà lại chồng thêm tập khí hiện tại, làm cho tâm dối trá càng mạnh, cho nên mới có các quả báo còng, xiềng, gông, cùm, roi, gậy, mác, bổng. Vì vậy, tất cả các đức Như Lai trong mười phương, xem thấy sự dối ngụy của chúng sinh, đều gọi đó là giặc lừa dối; còn chư vị Bồ-tát thì tránh sự dối trá như tránh xa beo sói.

Sáu là thói quen lừa đảo, bịp bợm, phát sinh từ tâm vu khống lẫn nhau. Lừa đảo vu khống không ngừng nghỉ, tâm luôn tự đắc bày nhiều gian kế, cho nên trong tâm hiện khởi những thứ ô uế bất tịnh, như bụi, đất, phân, nước tiểu; như gió cuốn bụi mịn mù trời đất, khiến người đối diện không thấy được nhau. Tập khí chúng tử vẫn còn mà lại chồng thêm tập khí hiện tại, làm cho tâm lừa đảo vu khống càng mạnh, cho nên mới bị nhận chìm trong địa ngục phân tiểu,

bị quăng ném trong địa ngục cát đen, bị gió thổi bay lên rớt xuống, bị nước trôi dập lúc nổi lúc chìm. Vì vậy, tất cả các đức Như Lai trong mười phương, xem thấy tâm lừa đảo gian dối của chúng sinh, đều gọi đó là kẻ cướp của giết người; còn chư vị Bồ-tát thì coi sự lừa đảo như giẫm lên rắn độc.

Bảy là thói quen thù oán, hiềm khích, phát sinh nơi tâm ôm ấp hận thù, cho nên mới có các hình ảnh quăng đá, ném gạch, cũi giam, xe tù, lu nhốt, bịch bao; như người hiềm độc ôm giữ điều ác. Tập khí chủng tử vẫn còn mà lại chồng thêm tập khí hiện tại, làm cho tâm hận thù càng mạnh, cho nên mới có các quả báo ném đá, quăng gạch, bắt bớ giam cầm, đánh, bắn, ném, trói. Vì vậy, tất cả các đức Như Lai trong mười phương, xem thấy người ôm lòng thù hận, đều gọi đó là quỷ trái đạo hại người; còn chư vị Bồ-tát thì coi lòng hận thù như rượu độc.

Tám là thói quen ác kiến, chấp thủ ý kiến của mình, như các nghiệp ngã kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến, tà kiến, sinh ra chống đối, phản kích nhau, cho nên có quan lại chúng chấp giấy tờ; như người đi đường, kẻ qua người lại ai cũng trông thấy nhau. Tập khí chủng tử vẫn còn mà lại chồng thêm tập khí hiện tại, làm cho nghiệp ác kiến càng mạnh, cho nên mới có các nghiệp quả như bị xét hỏi, mưu

trá, tra khảo, vặn vẹo, gạn hỏi, cứu xét lí lịch đôi chiếu rõ ràng; bấy giờ có đồng tử cầm sổ sách giấy tờ, những lời biện bạch được ghi chép đầy đủ. Vì vậy, tất cả các đức Như Lai trong mười phương, xem thấy nghiệp ác kiến của chúng sinh, đều gọi đó là hố sâu kiến chấp; còn chư vị Bồ-tát nhìn các thiên chấp hư vọng như nhìn xuống hố độc.

Chín là thói quen vu vạ, phát sinh từ tâm vu oan giá họa để hại nhau, cảm ra các cảnh tượng ghê rợn như núi khếp, đá kẹp, bánh xe sắt cán, cối xay nghiền, cày lưỡi; như kẻ gièm pha độc hại, vu cáo áp bức người lương thiện. Tập khí chủng tử vẫn còn mà lại chồng thêm tập khí hiện tại, làm cho tâm vu hại tiếp nối không ngừng, cho nên mới có các quả báo đau khổ như bắt nhốt, đè ép, vồ đập, ép máu, lóc thịt. Vì vậy, tất cả các đức Như Lai trong mười phương, xem thấy tâm vu vạ của chúng sinh, đều gọi đó là cọp độc hại; còn chư vị Bồ-tát thì sợ sự vu vạ như sợ bị sấm sét.

Mười là thói quen tranh tụng, tố cáo lẫn nhau, phát sinh từ sự che giấu lỗi mình, cho nên mới có gương soi đuốc chiếu; như ở giữa ban ngày không thể giấu bóng được. Tập khí chủng tử vẫn còn mà lại chồng thêm tập khí hiện tại, làm cho nghiệp tranh tụng, che giấu càng mạnh, cho nên mới có nhân sự

và các dụng cụ đối nghiệm như bạn ác, gương soi nghiệp, ngọc rọi tâm để phơi bày rõ những nghiệp đời trước. Vì vậy, tất cả các đức Như Lai trong mười phương, xem thấy tâm che giấu lỗi của chúng sinh, đều gọi đó là giấc ngâm; còn chư vị Bồ-tát thì coi sự che giấu lỗi như đội núi cao lợi trong biển lớn.

Thế nào là *sáu giao báo*? Này A Nan! Tất cả chúng sinh, sáu thức tạo nghiệp mà phải nhận chịu ác báo, đều do từ sáu căn mà ra. Thế nào là ác báo do từ sáu căn ra?

Một là quả báo của mắt thấy. Vì nhãn thức tạo nghiệp nên chiêu dẫn ác quả. Nghiệp thấy này cùng với các nghiệp khác (*nghe, ngửi, nếm, chạm xúc, suy nghĩ*) giao tác, cho nên trong lúc lâm chung, trước hết thấy lửa mạnh cháy rực đầy khắp mười phương; thân thức người chết bay lên rơi xuống, theo khói mà vào thẳng địa ngục vô gián. Tại đây chỉ có hai cảnh tượng: một là thấy sáng, thì thấy khắp nơi toàn là vật dữ, sinh ra khiếp đảm vô cùng; hai là thấy tối, thì khắp nơi hoàn toàn tối tăm, không thấy gì, sinh ra sợ hãi vô hạn. Lửa của cái thấy như thế, giờ đây thiêu đốt cái thấy, khiến cho trong mắt chỉ thấy toàn hình sắc của giường sắt nóng, cột đồng nung; thiêu đốt cái nghe, khiến cho trong tai chỉ nghe âm thanh của vạc dầu sôi, nước đồng chảy; thiêu đốt cái ngửi,

khiến cho trong mũi chỉ ngửi mùi của khói đen, lửa nóng; thiêu đốt cái nếm, khiến cho trong lưỡi chỉ nếm vị của viên nóng, cơm sứt; thiêu đốt cái xúc, khiến cho trong thân chỉ nhận cảm giác của tro nóng, lò than; thiêu đốt cái suy nghĩ, khiến cho trong ý sinh ra lửa đóm như sao, bắn tung tóe khắp cõi hư không.

Hai là quả báo của tai nghe. Vì nhĩ thức tạo nghiệp nên chiêu dẫn ác quả. Nghiệp nghe này cùng với các nghiệp khác (*thấy, ngửi, nếm, chạm xúc, suy nghĩ*) giao tác, cho nên trong lúc lâm chung, trước hết thấy sóng cuộn ngập chìm trời đất; thân thức người chết bị cuốn trôi theo dòng nước mà vào thẳng địa ngục vô gián. Tại đây chỉ có hai cảnh tượng: một là nghe rõ, thì nghe hết mọi thứ náo động, làm cho tinh thần hôn loạn; hai là nghe điếc, thì hoàn toàn lạng lẽ, không nghe gì, tinh thần chìm lịm. Sóng của cái nghe như thế, giờ đây ụp vào cái nghe, khiến tạo thành những lời trách mắng, tra hỏi; ụp vào cái thấy, khiến tạo thành sấm sét, miệng rống, khói hơi độc; ụp vào mũi thở, khiến thành mưa, thành mù, phì hơi độc khắp toàn thân thể; ụp vào cái nếm, khiến cho trong lưỡi chỉ nếm toàn mủ, máu, đủ thứ dơ bẩn; ụp vào cái xúc, khiến cho trong thân đụng chạm toàn

với súc sinh, ác quỷ, phân, nước tiểu; ụp vào ý nghĩ thì hóa thành sấm chớp, mưa đá, đập nát tâm thần.

Ba là quả báo của mũi người. Vì tị thức tạo nghiệp nên chiêu dẫn ác quả. Nghiệp mũi này cùng với các nghiệp khác (*thấy, nghe, ném, chạm xúc, suy nghĩ*) giao tác, cho nên trong lúc lâm chung, trước hết thấy hơi độc đầy nghẹt gần xa; thân thức người chết tự thấy mình từ dưới đất vọt lên, rồi lại rớt thẳng vào địa ngục vô gián. Tại đây chỉ có hai cảnh tượng: một là mũi thông, thì bị hơi độc xông lên tột bực, làm cho tâm thần rối loạn; hai là nghẹt thở, hơi thở bị tắt nghẽn, nằm chết giắc trên mặt đất. Hơi của cái mũi như thế, giờ đây xông vào hơi thở, làm thành thông, thành nghẹt; xông vào cái thấy thì thành lửa, thành đuốc; xông vào cái nghe thì làm ra chìm ngập nơi biển lớn, chết thảm trong nước sôi; xông vào cái ném, khiến cho vị thành thiu, thành uơn thối; xông vào cái xúc thì thành nứt nẻ, rách nát, thành núi thịt lớn có trăm ngàn con mắt, vô số giò bọ rúc ăn; xông vào ý nghĩ, khiến thành ra tro, chường khí, gạch đá bay nhảy đánh đập thân thể nát nhừ.

Bốn là quả báo của lưỡi ném. Vì thiệt thức tạo nghiệp nên chiêu dẫn ác quả. Nghiệp ném này cùng với các nghiệp khác (*thấy, nghe, mũi, chạm xúc, suy nghĩ*) giao tác, cho nên trong lúc lâm chung, trước

hết thấy lưới sắt cháy đỏ rực bao trùm thế giới; thần thức người chết muốn chui xuyên qua, nhưng bị mắc vào lưới, đầu lộn ngược xuống, rơi thẳng xuống địa ngục vô gián. Tại đây chỉ có hai cảnh tượng: một là nuốt hơi vào, thì hơi đóng thành băng lạnh, làm nứt nẻ thân thể; hai là nhả hơi ra, thì hơi bay lên thành lửa dữ, đốt rụi xương tủy. Ném vị như thế, giờ đây trải qua cái ném, thì lưới tự thú nhận, chịu tội; trải qua cái thấy, thì mắt chỉ thấy toàn đá gạch, kim khí đang nung cháy; trải qua cái nghe, thì tai chỉ nghe âm thanh của binh đao sắc bén; trải qua cái ngửi, thì mũi chỉ ngửi toàn hơi của lòng sắt nung nóng trùm khắp cõi nước; trải qua cái xúc, thì thân chỉ đụng chạm với cung tên nổ bắn; trải qua ý nghĩ, thì sinh ra sắt nóng bay, từ trên không rơi xuống như mưa.

Năm là quả báo của thân chạm xúc. Vì thân thức tạo nghiệp nên chiêu dẫn ác quả. Nghiệp chạm xúc này cùng với các nghiệp khác (*thấy, nghe, ngửi, ném, suy nghĩ*) giao tác, cho nên trong lúc lâm chung, trước hết thấy núi lớn từ bốn phía áp lại, không có lối ra; thần thức người chết thấy thành sắt lớn, rắn lửa, chó lửa, cọp, sói, sư tử, cai ngục đầu trâu, la sát đầu ngựa, tay cầm đao thương lùa vô công thành, hướng thẳng vào địa ngục vô gián. Tại đây chỉ có hai cảnh tượng: một là cảm xúc hợp vào,

thì thấy núi ép thân thể, xương thịt nát như trộn máu; hai là cảm xúc lìa ra, thì thấy gươm dao đâm mình, tim gan bị cắt lìa. Cảm xúc như thế, giờ đây trải qua cái xúc, khiến cho thân chỉ xúc chạm với xô, đập, đâm, bắn; trải qua cái thấy, thì mắt thấy toàn cảnh tượng nóng, đốt; trải qua cái nghe, thì tai chỉ nghe tiếng kêu khổ ở hai bên đường, tiếng hô hoán của chủ ngục, tiếng xử phạt nơi sảnh đường, tiếng hài tội nơi tòa án; trải qua hơi thở, thì các thứ như vải trùm kín, dây nhốt cột chặt, tra khảo, trói buộc làm ngộp thở; trải qua cái ném, thì lưỡi bị cào, bị kẹp, bị giật, bị cắt; trải qua ý nghĩ, thì vụt lên, vụt xuống, lúc nấu, lúc nướng.

Sáu là quả báo của ý nghĩ. Vì ý thức tạo nghiệp nên chiêu dẫn ác quả. Nghiệp suy nghĩ này cùng với các nghiệp khác (*thấy, nghe, nghĩ, ném, chạm xúc*) giao tác, cho nên trong lúc lâm chung, trước hết thấy gió dữ thổi tan tành quốc độ; thần thức người chết bị thổi bay lên hư không, rồi lại bị xoáy theo lốc mà rơi xuống, vào thẳng địa ngục vô gián. Tại đây chỉ có hai cảnh tượng: một là không biết, mê sảng tột cùng, thì hoang mang kinh sợ, rong chạy không dừng; hai là tỉnh biết, thì bị cảnh khổ nung đốt không cùng, đau đớn không chịu nổi. Quả báo của ý nghĩ tà vạy như thế, giờ đây kết nơi ý căn, thành ra nơi nơi chốn

chôn thọt tội; kết nơi nhĩ căn, thành ra gương soi nghiệp, bợn ác làm chứng để xác nhận tội; kết nơi nhĩ căn, thành ra tảng đá to, thành băng, thành sương, thành đất, thành hơi mù; kết nơi tị căn, thành ra xe lửa, thuyền lửa, lòng lửa; kết nơi thiệt căn, thành ra tiếng kêu la, gào khóc; kết nơi thân căn, thành ra thân lớn, thân nhỏ, té sấp, té ngửa, trong một ngày trải qua vạn lần sống vạn lần chết.

Này A Nan! Đó là mười tập nhân và sáu quả báo của **địa ngục**. Nhân quả như thế, đều do chúng sinh mê vọng tạo ra. Nếu các chúng sinh, cả sáu căn đồng thời tạo hết các nghiệp ác như thế, sẽ đọa vào địa ngục A-tì, chịu đau khổ cùng cực, trải vô lượng kiếp. Nếu mỗi căn tạo đủ mười nghiệp nhân nhưng không đồng thời với các căn khác, lại gồm thêm mười nghiệp nhân của các căn khác, người đó sẽ đọa vào tám địa ngục vô gián. Nếu thân, khẩu, ý tạo ba nghiệp sát, đạo, dâm, người đó sẽ đọa vào mười tám địa ngục. Nếu không tạo đủ ba nghiệp, trong đó chỉ có hoặc một nghiệp sát một nghiệp đạo, hoặc một nghiệp sát một nghiệp dâm, vân vân, người ấy sẽ đọa vào ba mươi sáu địa ngục. Nếu chỉ một căn tạo một nghiệp, người ấy sẽ đọa vào một trăm lẻ tám địa ngục. Do đó chúng sinh, mỗi mỗi tự mình tạo nghiệp riêng biệt, nhưng ở trong thế giới, những tội danh và

tội trạng trùng hợp giống nhau, nên chịu quả báo thì đồng phận với nhau ở một chỗ. Thật ra thì cảnh giới ấy chỉ do vọng tưởng phát sinh, không phải bản lai tự có.

Lại nữa, này A Nan! Những người phá hủy luật nghi, phạm giới Bồ-tát, hủy báng niết bàn Phật quả, thì vĩnh viễn sống trong địa ngục; còn chỉ phạm các tạp nghiệp khác, sau nhiều kiếp chịu khổ thiêu đốt ở địa ngục mãn rồi, sẽ tiếp tục chịu khổ báo nhẹ hơn nơi chốn **ngạ quỷ**. Nếu nơi nghiệp nhân căn bản, do tham vật mà gây tội, sau khi thọ tội ở địa ngục xong, người đó gặp vật thì gá theo mà thành hình, gọi là *Quái-quỷ*; nếu tham sắc mà gây tội, sau khi thọ tội ở địa ngục xong, người đó gặp gió thì gá theo mà thành hình, gọi là *Bạt-quỷ*; nếu tham dối trá mà gây tội, sau khi thọ tội ở địa ngục xong, người đó gặp súc vật thì gá theo mà thành hình, gọi là *Mị-quỷ*; nếu tham sân hận mà gây tội, sau khi thọ tội ở địa ngục xong, người đó gặp sâu bọ thì gá theo mà thành hình, gọi là *Cổ-độc-quỷ*; nếu tham nhớ oán thù mà gây tội, sau khi thọ tội ở địa ngục xong, người đó gặp sự suy bại của kẻ thù thì gá theo mà thành hình, gọi là *Lệ-quỷ*; nếu tham ngạo mạn mà gây tội, sau khi thọ tội ở địa ngục xong, người đó gặp hơi thì gá theo mà thành hình, gọi là *Ngạ-quỷ*; nếu tham lừa

đảo mà gây tội, sau khi thọ tội ở địa ngục xong, người đó gặp điều u ản ám muội thì gá theo mà thành hình, gọi là *Yểm-qui*; nếu tham tà kiến mà gây tội, sau khi thọ tội ở địa ngục xong, người đó gặp tinh hoa thì gá theo mà thành hình, gọi là *Vọng-lượng-qui*; nếu tham vu vạ mà gây tội, sau khi thọ tội ở địa ngục xong, người đó gặp chú thuật thì gá theo mà thành hình, gọi là *Dịch-sử-qui*; nếu tham bè đảng mà gây tội, sau khi thọ tội ở địa ngục xong, người đó gặp người thì gá theo mà thành hình, gọi là *Truyền-tóng qui*. Này A Nan! Những người đó đều do thuận tình mà đọa lạc, khi lửa nghiệp thiêu đốt khô hết ở địa ngục rồi, thì lên làm qui. Tất cả những cảnh đau khổ đó đều do nghiệp vọng tưởng của tự mình chiêu dẫn. Nếu được duyên lành tỏ ngộ bồ đề, thì trong cái tánh sáng tròn vẹn nhiệm mầu, vốn không hề có những cảnh khổ ấy.

Lại nữa, này A Nan! Khi nghiệp qui đã hết thì hai thứ tình và tướng thành không, mới ở thế gian, cùng với người mình từng mang nợ khi xưa, oan gia đối đầu, thân phải làm **súc sinh** để đền trả nợ cũ. Loài Quái-qui gá theo vật mà thành hình, nay vật đã tiêu, báo đã hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim cú vọ; loài Bạt-qui gá theo gió mà thành hình, nay gió đã tiêu, báo đã hết, sinh nơi thế gian, phần

nhiều làm loài báo điềm hung dữ, hoặc các loài cầm thú kì dị khác; loài Mị-qui gá theo súc vật mà thành hình, nay súc vật đã tiêu, báo đã hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chồn; loài Cỏ-độc-qui gá theo sâu bọ mà thành hình, nay sâu bọ đã tiêu, báo đã hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm các loài có nọc độc; loài Lệ-qui gá theo vận suy mà thành hình, nay vận suy đã cùng, báo đã hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài giun; loài Nga-qui gá theo hơi mà thành hình, nay hơi đã tiêu, báo đã hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm các loài cho người ta ăn thịt; loài Yểm-qui gá theo u ẩn ám muội mà thành hình, nay u ẩn ám muội đã tiêu, báo đã hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm các loài để người ta lấy da hoặc lông làm y phục; loài Vọng-lượng-qui gá theo tinh hoa mà thành hình, nay tinh hoa đã tiêu, báo đã hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm các loài chim xuất hiện theo mùa; loài Dịch-sử-qui gá theo chú thuật mà thành hình, nay chú thuật đã mất, báo đã hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài báo điềm lành, hoặc các loài tinh khôn khác; loài Truyền-tổng-qui gá theo người mà thành hình, nay người đã chết, báo đã hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm các loài gia súc quần quít bên người. Nay A Nan! Những loài như thế đều là lửa nghiệp đốt xong, sinh vào các loài

bàng sinh để trả nợ cũ. Những cảnh khổ đó cũng đều do từ nghiệp hư vọng của chính mình chiêu dẫn, nếu được duyên lành tỏ ngộ bồ đề, thì những vọng duyên ấy vốn không tự có.

Này A Nan! Như lời thầy nói về các nghiệp ác của tì kheo ni Bảo Liên Hương, vua Tì Lưu Li và tì kheo Thiện Tinh, đều vốn do họ tự tạo ra, không phải do từ trên trời sa xuống, không phải do từ dưới đất phát lên, cũng không phải do người nào đem cho, mà chính do vọng tưởng của họ chiêu dẫn, rồi tự nhận chịu quả báo. Đối với tâm bồ đề, chúng đều là phù vân hư huyễn, chỉ là sự kết đọng của vọng tưởng mà thôi.

Lại nữa, này A Nan! Các loài súc sinh đền trả nợ trước; nhưng trong lúc trả nợ mà trả quá mức, thì những chúng sinh ấy sẽ trở lại làm người để đòi lại chỗ dư thừa. Nếu người bị đòi kia có nghiệp lành và có phước đức thì vẫn ở trong loài người, không cần phải bỏ thân người mà trả lại chỗ dư thừa đó; còn nếu không có phước đức thì phải làm thân súc sinh để đền trả chỗ dư thừa.

A Nan! Thầy nên biết, dù đang làm người mà dùng tiền vật trả nợ, hoặc làm thân súc sinh dùng sức trả nợ, thì khi trả đủ là xong; còn như ở trong ấy có giết thân mạng, hoặc ăn thịt chúng sinh, như vậy

phải trải qua nhiều kiếp giết nhau, ăn thịt nhau, giống như bánh xe xoay vòng, chỗ cao chỗ thấp thay đổi nhau, không hề ngừng nghỉ; trừ ra tu được pháp xa-ma-tha, hay gặp được Phật ra đời, nếu không thì không có cách nào chấm dứt được.

Thầy nên biết: Loài cú vọ kia khi trả nợ đã đủ thì được trở lại thân người, sinh vào **nhân đạo**, nhập bọn với hạng người ngoan cố; loài báo điềm hung dữ kia, khi trả nợ đã đủ thì được trở lại thân người, sinh vào nhân đạo, nhập bọn với hạng người quái dị; loài chồn khi trả nợ đã đủ thì được trở lại thân người, sinh vào nhân đạo, nhập bọn với hạng người tầm thường; những loài có độc kia khi trả nợ đã đủ thì được trở lại thân người, sinh vào nhân đạo, nhập bọn với hạng người hiểm độc; loài giun khi trả nợ đã đủ thì được trở lại thân người, sinh vào nhân đạo, nhập bọn với hạng người thấp hèn; những loài cung cấp thịt ăn, khi trả nợ đã đủ thì được trở lại thân người, sinh vào nhân đạo, nhập bọn với hạng người nhu nhược; những loài cung cấp da hoặc lông làm đồ mặc kia, khi trả nợ đã đủ thì được trở lại thân người, sinh vào nhân đạo, nhập bọn với hạng người lao khổ không ngừng; loài chim mùa kia khi trả nợ đã đủ thì được trở lại thân người, sinh vào nhân đạo, nhập bọn với hạng người có chút ít văn hóa; những loài báo

trước điềm lành, khi trả nợ đã đủ thì được trở lại thân người, sinh vào nhân đạo, nhập bọn với hạng người thông minh; những loài gia súc, khi trả nợ đã đủ thì được trở lại thân người, sinh vào nhân đạo, nhập bọn với hạng người hiểu biết việc đời. Này A Nan! Các chúng sinh đó đều do trả hết nợ cũ, được trở lại thân người trong nhân đạo. Họ từ vô thí đến nay, điên đảo tạo nghiệp, sinh sát lẫn nhau, không gặp Phật, không nghe chánh pháp, mãi mãi xoay vần trong chôn trần lao, thật là đáng thương xót!

Này A Nan! Lại trong nhân đạo, có những người không nương theo chánh giác để tu tập chánh định, mà đi vào rừng núi thâm u hẻo lánh, chỗ không có người tới lui, tu theo vọng niệm riêng, tư tưởng chuyên chú, kiên cố hình hài, cốt để thành **tiên**, gồm mười hạng như sau: Hạng người chuyên tìm các thứ bổ dưỡng để ăn, bèn bĩ luyện như thế mãi, cho đến khi *đạo ăn* thành tựu, gọi là Địa-hành tiên; hạng người chuyên ăn các thứ cỏ cây, bèn bĩ luyện như thế mãi, cho đến khi *đạo thuốc* thành tựu, gọi là Phi-hành tiên; hạng người chuyên luyện vàng, đá, bèn bĩ luyện như thế mãi, cho đến khi *đạo hóa chất* thành tựu, gọi là Du-hành tiên; hạng người chuyên vận khí dưỡng tinh, bèn bĩ luyện như thế mãi, cho đến khi *đạo khí tinh* thành tựu, gọi là Không-hành tiên; hạng

người chuyên nhai nuốt nước miếng, bền bỉ luyện như thế mãi, cho đến khi *nhuận đức* thành tựu, gọi là Thiên-hành tiên; hạng người chuyên hút tinh hoa nhật nguyệt, bền bỉ luyện như thế mãi, cho đến khi *hút khí tinh túy* thành tựu, gọi là Thông-hành tiên; hạng người chuyên luyện bùa chú, bền bỉ luyện như thế mãi, cho đến khi *thuật pháp* thành tựu, gọi là Đạo-hành tiên; hạng người chuyên luyện về trầm tư tĩnh niệm, bền bỉ luyện như thế mãi, cho đến khi *công phu tư niệm* thành tựu, gọi là Chiếu-hành tiên; hạng người chuyên luyện về thủy hỏa giao cấu, bền bỉ luyện như thế mãi, cho đến khi *đạo cảm ứng* thành tựu, gọi là Tinh-hành tiên; hạng người chuyên luyện về biến hóa, bền bỉ luyện như thế mãi, cho đến khi *tâm tĩnh giác* thành tựu, gọi là Tuyệt-hành tiên. Này A Nan! Những hạng tiên nhân đó đều ở trong nhân đạo mà tu vọng niệm, chẳng tu chánh giác, chỉ đạt công hiệu về sức sống, thọ ngàn vạn tuổi, ở ẩn trong núi rừng sâu thẳm, hoặc trên đảo giữa biển khơi, cách tuyệt với người đời. Tuy vậy, vì không tu chánh định, vẫn đầy dẫy vọng tưởng, họ vẫn trôi lăn trong luân hồi, khi quả báo hết rồi, lại lưu lạc vào các nẻo.

Này A Nan! Những người ở thế gian không cầu đạo quả thường trụ, chưa có thể bỏ sự ân ái vợ

chồng, nhưng không buông lung phạm giới tà dâm, tâm được chút ít định tĩnh, sáng suốt, sau khi mạng chung sinh về một cõi ở gần mặt trời mặt trăng, gọi là cõi **trời Tứ-vương**. Những người, trong đời sống vợ chồng, tâm dâm ái ít ỏi, nhưng trong những lúc tĩnh cư, thỉnh thoảng niệm dâm dục còn sinh khởi, chưa hoàn toàn thanh tịnh, thì sau khi mạng chung, vượt khỏi ánh sáng mặt trời mặt trăng, sinh trên đỉnh cao tột của cõi nhân gian, gọi là cõi trời *Đao-lợi*(221). Những người gặp cảnh dâm dục thì tạm thời thuận theo, nhưng qua rồi thì không nghĩ tới nữa; ở trong nhân gian mà tâm không bị đắm nhiễm sâu nặng, thì sau khi mạng chung, sáng rõ an trú một cõi trên hư không, ánh sáng mặt trời mặt trăng không chiếu đến được; những chúng sinh ấy tự có ánh sáng, đó là cõi trời *Tu-diệm-ma*(222). Những người luôn luôn tĩnh lặng, nhưng có khi vẫn bị những cảm xúc bức ép, chưa có thể chống cự hẳn được, thì sau khi mạng chung, sinh lên cõi tinh vi, không tiếp xúc với các cõi trời, người ở dưới; cho đến thời kiếp Hoại, tam tai cũng không hủy hoại tới cõi này, đó là cõi trời *Đâu-suất-đà*(223). Những người không có tâm dâm dục, nhưng có lúc, chỉ vì đáp ứng người khác mà hành sự, và trong lúc hành sự thì cảm thấy vô vị như nhai sáp, thì sau khi mạng chung, sinh vượt lên trên

nữa, vào cõi biến hóa, đó là cõi trời *Lạc-biến-hóa*⁽²²⁴⁾. Những người không có tâm thế gian, chỉ hòa đồng với thế gian mà hành sự dục lạc, và ngay trong lúc hành sự, tâm hoàn toàn siêu thoát, không có mảy may ý tưởng dục lạc, thì sau khi mạng chung, sinh vượt lên trên nữa, khỏi tất cả cõi *Lạc-biến-hóa* và bốn cõi trời ở dưới, gọi là cõi trời *Tha-hóa-tự-tại*⁽²²⁵⁾. Này A Nan! Sáu cõi trời đó, về thân xác tuy có tiết chế dần dần hành động dâm dục, nhưng tâm ý vẫn chưa hoàn toàn dứt hết ái dục, cho nên, từ sáu cõi trời này cho đến hết các cõi dưới, đều gọi chung là **DỤC GIỚI**.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 9

Ma Chương trên Đường Tu Tập

– Này A Nan! Những người tu tâm trong thế gian, vì không tu thiền định vô lậu nên không có được trí tuệ xuất thế gian. Họ chỉ giữ thân thanh tịnh, không hành động dâm dục, đi đứng ngồi nằm đều không nghĩ tưởng tới dâm dục. Niệm ái nhiễm không sinh thì họ vượt thoát lên khỏi cõi Dục; bản thân họ đã là bạn bè của hàng phạm hạnh, gọi đó là trời *Phạm-chúng*.

Trời Phạm-chúng, khi đã dứt trừ tập khí ngũ dục, tâm li dục hiển hiện, đối với các luật nghi đều vui vẻ tùy thuận; ngay lúc đó họ vượt khỏi trời Phạm-chúng, hoằng dương tịnh đức phạm hạnh, gọi đó là trời *Phạm-phụ*.

Trời Phạm-phụ, khi thân tâm viên mãn vi diệu, bốn oai nghi đi đứng ngồi nằm không còn khiếm khuyết, các cảm giới hoàn toàn thanh tịnh, lại có trí

tuệ sáng suốt, thì liền lúc đó, họ có đầy đủ tư cách của một vị đại phạm vương, có khả năng thống lãnh toàn thể phạm chúng, gọi đó là trời *Đại-phạm*.

Này A Nan! Ba hạng thiên chúng vượt trội trên đây không còn bị mọi thứ khổ não bức nhiễu; tuy họ không tu tập theo chánh định của Phật pháp, nhưng trong tâm đã giữ giới trong sạch, các lậu hoặc của cõi Dục không lay động được, nên gọi đó là trời **So-thiền**⁽²²⁶⁾.

Này A Nan! Thứ đến, trời Đại-phạm khi thống lãnh phạm chúng, được phạm hạnh viên mãn, lắng tâm không giao động; do sự lặng trong mà bắt đầu phát ra ánh sáng, gọi đó là trời *Thiếu-quang*.

Ánh sáng nơi thân và ánh sáng nơi tâm cùng chiếu rọi nhau, rức rở vô tận, soi thấu mười phương thế giới; nội thân ngoại cảnh trong suốt, khắp nơi trở thành lưu li, gọi đó là trời *Vô-lượng-quang*.

Giữ lấy ánh sáng toàn vẹn, lấy đó làm âm thanh thanh tịnh để giáo hóa thiên chúng, ứng dụng không cùng, gọi đó là trời *Quang-âm*.

Này A Nan! Ba hạng thiên chúng vượt trội trên đây không còn bị các thứ lo buồn bức nhiễu; tuy họ không tu tập theo chánh định của Phật pháp, nhưng trong tâm đã thanh tịnh, các lậu hoặc thô trọng đã được điều phục, nên gọi đó là trời **Nhị-thiền**⁽²²⁷⁾.

Này A Nan! Thiên nhân cõi trời Quang-âm kia phát huy ánh sáng viên mãn để thành tựu âm thanh làm phương tiện giáo hóa, hiển lộ diệu lí mà phát ra hạnh tinh thuần, xa lìa cái động của nỗi mừng mà bắt đầu hòa nhập vào niềm vui tĩnh lặng, gọi đó là trời *Thiếu-tịnh*.

Tịnh cảnh bây giờ cũng trống không, dẫn phát bao la không bờ bến, thân tâm nhẹ nhàng trong niềm vui tĩnh lặng, gọi đó là trời *Vô-lượng-tịnh*.

Thế giới và thân tâm, tất cả đều hoàn toàn thanh tịnh; đức tánh thuần tịnh thành tựu viên mãn, chỗ qui thác thù thắng hiện tiền, trở về cõi vui tĩnh lặng, gọi đó là trời *Biến-tịnh*.

Này A Nan! Ba hạng thiên chúng vượt trội trên đây, đầy đủ công năng tùy thuận, thân tâm an ổn, được niềm vui cực diệu vô lượng; tuy không có được chánh định của Phật pháp, nhưng trong tâm an ổn, hoan hỉ trọn vẹn, nên gọi đó là trời **Tam-thiên**⁽²²⁸⁾.

Lại nữa, này A Nan! Thiên chúng ở cõi Tam-thiên kia, thân tâm không còn bị bức nhiễu, không còn những nguyên nhân gây đau khổ thì cái vui phát sinh; nhưng họ xét thấy cái vui cũng không thường còn vĩnh viễn, lâu rồi cũng phải hoại diệt, cho nên liền xả bỏ cùng lúc cả hai tâm vui khổ. Các tướng

thô trọng đã diệt thì tánh phúc đức thanh tịnh phát sinh, gọi là trời *Phúc-sinh*.

Khi tâm xả bỏ đi đến chỗ viên dung, cái thấy về năng-xả sở-xả cũng không còn, hoàn toàn thanh tịnh; ở trong cái tịnh phúc không giới hạn đó, họ được tâm tùy thuận nhiệm màu, cho đến cùng tột đời vị lai, gọi đó là trời *Phúc-ái*.

Này A Nan! Từ cõi trời Phúc-ái đi tiếp lên nữa thì có hai ngã rẽ: Nếu ở nơi cái tâm tùy thuận nhiệm màu trước kia, nay nhờ sức thiên định thâm sâu mà phát ra ánh sáng thanh tịnh vô lượng, lại tiếp tục huân tu phúc đức cho đến chỗ tròn đầy sáng suốt, và an trụ nơi đó, gọi là trời *Quảng-quả*. Nếu ở nơi cái tâm nhằm chán cả khổ vui trước kia, nay lại nghiền ngẫm tăng tiến tu tâm phóng xả, liên tục không gián đoạn, cho đến lúc tròn vẹn cùng tột sự buông bỏ, thân tâm đều diệt, dứt bật tư duy, trải 500 kiếp. Thiên nhân này đã lấy cái sinh diệt làm nhân tu tập, nên không thể phát minh cái tánh không sinh diệt, vì vậy, trong nửa kiếp đầu thì tu tập để đạt được sự diệt tư tưởng, đến nửa kiếp chót, lúc thọ mạng sắp hết, thì tâm tưởng tự sinh trở lại. Đó là trời *Vô-tướng*.

Này A Nan! Bốn hạng thiên chúng vượt trội trên đây, tất cả các cảnh khổ vui trong thế gian đều không lay động được; tuy không phải là địa vị bất

động vô vi chân thật của Phật pháp, nhưng trong tâm cũng đã có chỗ sở đắc về định buông xả, công dụng đã đến mức thuần thực, cho nên gọi là trời **Tứ-thiên**⁽²²⁹⁾.

Này A Nan! Ở trong tầng trời Tứ-thiên này, lại còn có năm cõi trời *Bát-hoàn*. Các vị thánh ở năm cõi trời này, trước kia ở Dục giới đã đoạn trừ hết chín phẩm tập khí tư hoặc, cái khổ ở cõi Dục đã tiêu, mà cái vui ở các cõi Sơ, Nhị và Tam-thiên cũng không hưởng thọ; những cõi dưới đó không phải là chỗ ở của quý vị ấy nữa, nên an lập chỗ ở nơi đây, đồng phạm trong **tâm xả** với thiên chúng Tứ-thiên.

Này A Nan! Khổ vui đều đoạn diệt, tâm chán khổ và tâm thích vui không còn giao tranh nhau, đó là trời *Vô-phiền*.

Phóng ra hay thu vào, cũng chỉ duy nhất một niệm xả; và niệm xả ấy cực kì vi tế, không thể nào suy cứu hay giao tiếp được, đó là trời *Vô-nhiệt*.

Chúng đắc thiên nhãn thông, thấy rõ trọn vẹn mười phương thế giới, không bị ngoại cảnh chướng ngại; tâm niệm lắng trong, không còn tí vết của cấu nhiễm, đó là trời *Thiện-kiến*.

Cái thấy tinh diệu đã hiện tiền, sức định tuệ tùy tâm vận dụng vô ngại, đó là trời *Thiện-hiện*.

Suy cứu cùng cực, từ nhiều niệm tiên đến chỉ còn một niệm; từ sắc thể thô trọng tiên đến chỗ cực vi tế, nhập vào cảnh giới toàn không, giáp giới cõi Không-vô-biên-xứ, đó là trời *Sắc-cứu-cánh*.

Này A Nan! Năm cõi trời Bất-hoàn⁽²³⁰⁾ này, chỉ riêng bốn vị thiên vương của bốn cõi trời Tứ-thiên ngay phía dưới được nghe tên và kính ngưỡng, nhưng không thể biết sự thọ dụng thế nào, không thể thấy y chánh báo ra sao; cũng như hiện tại ở thế gian, đạo tràng của thánh nhân ở những chốn rừng sâu núi thẳm, đều là nơi các bậc A-la-hán trụ trì, mà người phàm phu thô lậu đâu có thể thấy biết được!

Này A Nan! Mười tám cõi trời trên đây, sống trong thiên định thanh tịnh tĩnh lặng, không giao tiếp bạn bè như ở nhân gian, nhưng vẫn chưa thoát khỏi hết cái hệ lụy của thân hình. Từ cõi trời *Sắc-cứu-cánh* đây, xuống cho đến cõi trời Phạm-chúng, gọi là cõi **SẮC GIỚI**.

Lại nữa, này A Nan! Từ cõi trời cao nhất của Sắc giới này đi lên, trong khoảng giữa sắc và vô sắc, lại có hai đường tẽ:

Nếu ở nơi tâm xả mà phát huy trí tuệ vô lậu đến mức sáng suốt viên mãn, thì vượt thoát trần gian, thành A-la-hán, tiến vào Bồ-tát thừa, đó gọi là bậc *Hồi-tâm Đại A-la-hán*.

Nếu ở nơi tâm xả mà thành tựu niệm chán bỏ, biết rằng còn có thân là còn có chướng ngại, bèn tiêu trừ cái sắc thân chướng ngại ấy để nhập vào hư không, đó gọi là cõi trời *Không-xứ*.

Các chướng ngại đã tiêu trừ, mà cái hư không vô ngại cũng diệt, chỉ lưu lại thức a-lại-da và phần vi tế của thức mặt-na, đó là cõi trời *Thức-xứ*.

Sắc không đã tiêu mất, phần vi tế của thức mặt-na cũng tiềm phục không hiện hành, mười phương vắng lặng, hoàn toàn không có chỗ đi về, đó là cõi trời *Vô-sở-hữu-xứ*.

Thức tánh vốn bất động, dùng sức diệt tận định để nghiệm xét cùng cực. Ở trong cái thức tánh vô tận mà miễn cưỡng tuyên bày cái tánh tận, cho nên hình như còn mà không phải còn, giống như hết mà không phải hết, đó là cõi *Phi-tướng-phi-phi-tướng xứ*.

Bốn cõi trời Không đó, muốn khiến cho tâm cảnh đều không, nhưng không hoàn toàn đạt được lí không. Nếu từ năm cõi trời Bất-hoàn lên đây mà tu tập thánh đạo, đến chỗ chứng nhập lí ngã không, gọi đó là bậc *Bất-hồi-tâm độn A-la-hán*. Nếu từ các cõi trời Vô-tướng và Quảng-quả lên đây mà tu tập thiền định hữu lậu, mê trời hữu lậu, không nghe biết chánh pháp, cái đạt được chỉ là không tướng, không

có chỗ quay về, cho nên phải vào lại trong vòng lưu chuyển luân hồi. Này A Nan! Bốn cõi trời Không đó, thân tâm diệt hết, chỉ có định tánh hiện tiền, không có các nghiệp quả bằng sắc pháp; từ cõi Không-xứ cho đến cõi Phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ, gọi là cõi **VÔ SẮC GIỚI**.

Này A Nan! Thiên chúng ở các cõi trời trên đây (*ngoại trừ ở năm cõi Bất-hoàn*), đều là người phạm phu được hưởng thọ phước báo; khi hưởng phước hết rồi thì trở lại luân hồi. Riêng các vị thiên vương của các cõi trời kia thì đều là Bồ-tát, luôn trụ trong chánh định, dần dà tiến lên trên đường tu tập hướng tới Phật đạo.

Tất cả thiên chúng đó đều do không rõ biết tánh giác sáng suốt nhiệm màu vốn có nơi mình, cho nên vọng niệm tích tụ, rồi vọng sinh ba cõi; trong đó, các loài hữu tình, mỗi mỗi lại tùy theo vọng nghiệp mà chìm đắm trong bảy nẻo, thọ báo theo loại của mình.

Lại nữa, này A Nan! Trong ba cõi ấy còn có bốn loài **A-tu-la**: Có loài nguyên từ loài Quỷ, do phước lực hộ trì Phật pháp mà có được thần thông, nhập vào hư không; loài A-tu-la này sinh ra từ trứng, thuộc về loài *Quỉ*. Có loài nguyên từ loài Trời, vì kém phước đức mà bị đọa lạc, ở gần mặt trời mặt trăng; loài A-tu-la này sinh ra từ bào thai, thuộc về

loài *Người*. Có A-tu-la vương nắm giữ thế giới, sức mạnh suốt khắp chư thiên, không hề sợ ai, hay tranh quyền mà gây chiến với các trời Phạm Vương, Đê Thích và Tứ Thiên Vương; loại A-tu-la này do biến hóa mà sinh ra, thuộc về loài *Trời*. Nay A Nan! Lại có loài A-tu-la thấp kém, sinh trong lòng biển cả, lặn dưới vực sâu, ban ngày dạo đi trên hư không, tối về ngủ dưới nước; loại A-tu-la này do thấp khí sinh ra, thuộc về loài *Súc-sinh*.

Nay A Nan! Xét cho cùng thì cả bảy nẻo: Địa-ngục, Ngạ-qui, Súc-sinh, Người, Tiên, A-tu-la, và Trời, đều là những tướng hữu vi, chìm đắm trong các cảnh giới tối tăm, do vọng tưởng mà thọ sinh, rồi cũng theo vọng tưởng mà tạo nghiệp; ở trong bản tâm vô tác, mâu nhiệm, sáng suốt, tròn đầy, chúng đều như hoa đóm giữa hư không, chẳng có chút gì dính dáng, tuyệt không gốc rễ mối manh, chỉ thuần là hư vọng.

Nay A Nan! Các loài chúng sinh đó, vì không nhận rõ bản tâm mà phải thọ khổ trong bảy nẻo luân hồi này. Trái vô lượng kiếp, chúng không hề có được sự thanh tịnh chân thật, cũng bởi do buông lung theo các nghiệp sát, đạo, dâm, hoặc ngược lại ba nghiệp trên thì sinh ra không-sát, không-đạo, không-dâm; có sát đạo dâm thì đọa vào ba đường ác,

không sát đạo dâm thì vào bốn cõi lành; có và không cứ đắp đổi thay nhau, khởi tánh luân hồi không dứt.

Nếu khéo phát huy được đại định thì tâm tánh trở nên thường hằng, tĩnh lặng, nhiệm mầu, có và không đều không, không-có và không-không cũng diệt; lúc đó, niệm không-sát, không-đạo, không-dâm còn không có, thì lấy gì mà buông lung theo các việc sát, đạo, dâm?

Này A Nan! Vì không đoạn dứt ba ác nghiệp nên mỗi mỗi chúng sinh đều tự mình tạo nghiệp riêng. Từ những nghiệp riêng ấy nhóm chung lại thành nghiệp đồng phận, cho nên nơi thọ báo không phải là không có chỗ nhất định. Tất cả đều do một niệm vọng động phát sinh; mà vọng tánh thì không có thật thể, không thể truy tìm nguồn gốc từ đâu được.

Người tu hành, muốn đạt đạo Vô-thượng Bồ-đề, cần phải dứt trừ ba hoặc⁽²³¹⁾. Ba hoặc chưa trừ hết thì dù có được thần thông, cũng chỉ là những công dụng hữu vi của thế gian. Tập khí mê lầm chẳng tận diệt thì cuối cùng cũng rơi vào đường ma; tuy muốn trừ cái vọng, nhưng lại chồng chất cái vọng nhiều thêm. Như Lai nói đó là người rất đáng thương xót!

Cái vọng đó là do tự tâm mình tạo ra, không phải là lỗi ở tánh bồ đề. Nói như thế tức là lời nói chân

chánh; nếu nói khác đi thì đó là lời nói của ma vương.

Lúc đó đức Phật sắp chấm dứt thời pháp, ở nơi tòa sư tử, Ngài vịn ghế thất bảo, xoay thân sắc vàng sáng rõ, không đợi thỉnh hỏi, Ngài bảo khắp đại chúng và đại đức A Nan rằng:

– Quý thầy là hàng hữu học Thanh-văn, Duyên-giác, đã hồi tâm hướng về quả Vô-thượng Diệu-giác Đại-bồ-đề. Nay Như Lai đã vì quý thầy mà chỉ dạy pháp tu hành chân thật; nhưng vẫn còn một việc mà quý thầy chưa biết, đó là **những ma sự phức tạp có thể gặp phải trong lúc tu tập thiền định**. Nếu cảnh ma hiện ra mà không nhận biết, thì việc tẩy trừ tâm cấu nhiễm sẽ không làm đúng cách, lại còn rơi vào tà kiến. Hoặc là ma ngũ âm nơi chính mình, hoặc là thiên ma, hoặc là các loại quỷ thần, li mị, những thứ ấy hiện khởi mà trong tâm nếu không biết rõ ràng, thì chắc chắn sẽ nhận giặc làm con. Mặt khác, trong lúc tu tập, mới được chút ít đã cho là đầy đủ. Như tì kheo Vô Văn, vừa được định Tứ-thiền bèn nói dối là chứng Thánh quả. Đến khi phước báo chur thiên hết rồi, tướng suy hiện ra, lại hủy báng rằng: “*Đã chứng quả A-la-hán mà còn thọ thân sau!*”, liền bị đọa xuống địa ngục A-tì. Vậy giờ đây quý thầy hãy lắng

nghe cho kĩ, Như Lai sẽ vì quý thầy mà phân biệt rành rẽ.

Đại đức A Nan cùng hàng hữu học trong chúng hội đồng đứng dậy, vui mừng đánh lễ, thành tâm kính nghe Phật từ bi chỉ dạy.

Đức Phật bảo đại đức A Nan cùng đại chúng:

– Quý thầy nên biết, mười hai loài chúng sinh trong thế giới hữu lậu, tâm thể vốn tròn đầy, sáng suốt nhiệm mầu, cùng với chư Phật mười phương không hai, không khác. Do vì vọng tưởng mà mê muội chân lí, rồi thành ra lỗi lầm, si ái phát sinh, đối với chân tâm bản giác hoàn toàn mê vọng, không thấy chân giác mà chỉ thấy có hư không. Mê vọng biến hóa không ngừng, nên từ hư không mà có thế giới sinh ra. Vậy thì các quốc độ nhiều như vi trần trong mười phương này đều không phải là vô lậu, mà đều do vọng tưởng mê lầm kiến lập.

Quý thầy nên biết, hư không vô biên sinh từ trong tâm quý thầy, chỉ như một làn mây mỏng điểm trên bầu trời xanh bao la, hướng chỉ là các thế giới ở trong hư không ấy! Nếu trong số quý thầy, một vị nào đó tâm bỗng bừng sáng, quay về cội nguồn chân thật, thì mười phương hư không kia thấy đều tiêu mất; làm sao các quốc độ trong cõi hư không ấy lại được bảo toàn mà không bị rung đổ? Quý thầy tu

thiên, tập định, ngay trong sự đi đứng ngồi nằm mà tâm thường tinh tường trong lặng, thì được cùng thông hợp với chư vị Bồ-tát và vô lậu đại A-la-hán trong mười phương. Trong khi đó thì tất cả ma vương, quỷ thần, chư thiên phàm phu, đều thấy cung điện của mình không có có gì, bỗng nhiên bị sụp đổ; đại địa rung động; các loài bay trên không, đi trên đất, bơi lội dưới nước, đều hoảng kinh sợ sệt; hạng người phàm phu hôn muội không biết có người tu hành sắp chứng quả, thấy vô có mà cảnh vật rung chuyển xô dịch thì nói ngoa rằng: do âm dương mất điều hòa.

Những loài thiên ma, quỷ thần kia đều có được năm thứ thần thông (*chỉ trừ lậu tận thông là không có*), còn luyện tiếc chôn trần lao này, đâu chịu để cho chỗ ở của họ bị phá đổ! Vì vậy, trong lúc quý thầy đang ở trong định thì quỷ thần, thiên ma, vọng lượng, yêu tinh, đến quấy phá. Nhưng các loài ma mị kia, dù có giận dữ thế nào đi nữa, chúng vẫn ở trong chôn trần lao sinh diệt, còn quý thầy thì ở trong cảnh giới diệu giác chân thường; cái sinh diệt muốn phá hoại cái chân thường thì cũng giống như gió thổi ánh sáng, như dao chém nước, chẳng hề hấn gì. Người tu chánh định như nước sôi, bọn tà ma như cục nước đá; nước đá gần hơi nóng thì chẳng mấy

chốc liền tiêu tan. Các loài quỷ thần yêu ma kia tuy cậy có sức thần thông, nhưng cũng chỉ như khách trọ qua đêm. Chúng quấy phá được chăng, chính là do người chủ năm ám ở trong tâm quý thầy; người chủ nếu mất chánh niệm thì khách mới được dịp quấy phá.

Lúc đang nhập định, nếu trí tuệ sáng tỏ, không chút mê lầm, thì các ma chướng kia không làm gì được. Năm ám tiêu tan, nhập vào kho tàng ánh sáng, thì bọn tà ma kia đều phải chịu phạt tội tã. Lấy trí tuệ sáng suốt để phá trừ u tối, ánh sáng đi tới đâu thì bóng tối tự tiêu mất tới đó. Như thế thì yêu ma làm sao dám ở lại để quấy nhiễu người tu thiền định?

Nếu bị năm ám mê hoặc, không thấy rõ cảnh ma, thì này A Nan, ngay chính thầy là con của ma, và kết quả tu tập cũng chỉ trở thành ma quân mà thôi! Như cô Ma Đãng Già, sức hỷ còn yếu ớt, nhưng chỉ dùng một câu chú mà bắt thầy phải phá luật nghi của Phật, trong tám muôn hạnh chỉ phá một giới; may mà tâm thầy còn thanh tịnh nên chưa bị chìm đắm. Còn bọn ma năm ám đây, chúng muốn phá hoại pháp thân huệ mạng của thầy, như ông quan tể tướng, một hôm phạm tội, nhà cửa gia sản liền bị tịch biên, long đong phiêu bạt, không ai thương xót cứu giúp được.

Này A Nan! Thầy nên biết, thầy ngồi nơi đạo tràng, các niệm đều tiêu mất. Các niệm đã tiêu hết, thì trong tâm li-niệm, tất cả đều thuần nhất sáng tỏ, động tĩnh không đối dôi, nhớ quên như một. Ngay ở trạng thái đó mà nhập vào chánh định thì như người sáng mắt ngồi ở chỗ tối tăm, tánh tinh thuần tuy vẫn thanh tịnh nhiệm mầu, nhưng tâm chưa phát sáng; đó là bởi vì căn tánh vẫn còn bị *sắc ám* hạn chế ngăn che. Khi nào con mắt sáng tỏ, mười phương rộng suốt, không còn tối tăm, thì đó là lúc sắc ám đã hết, người tu hành bấy giờ mới đạt được kết quả đầu tiên là vượt khỏi *kiếp trước*. Như vậy, xét kỹ lại nguyên do của sắc ám, thì gốc rễ chính là vọng tưởng kiên cố.

Này A Nan! Đang trong lúc tu định mà sắc ám chưa phá trừ, suy xét tinh tường tánh sáng suốt nhiệm mầu, trong khoảnh khắc thấy thân này như bóng, ngoại cảnh như mây, bốn đại không còn kết hợp, không có gì ngăn ngại; đó gọi là tâm tinh diệu sáng suốt tuôn tràn trước mắt. Nhưng đó chỉ là do dụng công tư duy mà tạm được kết quả như thế, không phải đã chứng bậc thánh. Nếu hành giả gặp cảnh giới này mà không bám chặt, không cho là mình đã chứng bậc thánh, thì đó là cảnh giới thiện

tường; nếu tự đắc mà cho là mình đã chứng bậc thánh, liền rơi vào tà kiến.

Này A Nan! Cũng ở trong tâm định này, suy cứu tinh tường tánh sáng suốt nhiệm mầu, tự thấy thân mình rỗng suốt, hành giả bỗng nhiên từ trong thân mình, nhứt ra những con sán lã, mà thân vẫn bình thường, không bị thương tổn; đó gọi là tâm tinh diệu sáng suốt tuôn tràn nơi hình thể. Nhưng đó chỉ là do tu tập tinh tiến mà tạm được kết quả như thế, không phải đã chứng bậc thánh. Nếu hành giả gặp cảnh giới này mà không bám chặt, không cho là mình đã chứng bậc thánh, thì đó là cảnh giới thiện tường; nếu tự đắc mà cho là mình đã chứng bậc thánh, liền rơi vào tà kiến.

Cũng ở trong tâm định này, tinh tường suy cứu trong thân ngoài cảnh, khi ấy thì hồn phách, ý chí, tinh thần, ngoài cái thân ra, đều xen nhập vào nhau, đắp đổi làm chủ, làm khách của nhau. Bảy giờ, hành giả bỗng nghe tiếng nói pháp ở trên không, hoặc nghe khắp mười phương đồng diễn bày diệu nghĩa bí mật; đó gọi là tinh thần hồn phách đắp đổi khi lìa khi hợp. Nhưng đó chỉ là do nhân lành bao đời tích tập, bây giờ tự phát huy mà tạm được kết quả như thế, không phải đã chứng bậc thánh. Nếu hành giả gặp cảnh giới này mà không bám chặt, không cho là

mình đã chứng bậc thánh, thì đó là cảnh giới thiện tường; nếu tự đắc mà cho là mình đã chứng bậc thánh, liền rơi vào tà kiến.

Cũng ở trong tâm định này, lắng trong thấu suốt, ánh sáng từ bên trong hiển hiện, chợt thấy mọi vật trong khắp mười phương đều biến thành màu vàng kim, tất cả các loài đều hóa thành chư Phật; lại thấy đức Phật Tì Lô Giá Na ngồi trên đài thiên quang, có hàng ngàn đức Phật vây quanh; trăm ức quốc độ cùng với hoa sen cùng lúc xuất hiện. Ấy gọi là tâm thức linh ngộ; nhưng đó chỉ là sự huân tập do từng được nghe kinh pháp từ bao đời, bây giờ tâm sáng phát ra chiếu soi khắp các thế giới; chỉ tạm nói là như thế, chứ không phải đã chứng bậc thánh. Nếu hành giả gặp cảnh giới này mà không bám chặt, không cho là mình đã chứng bậc thánh, thì đó là cảnh giới thiện tường; nếu tự đắc mà cho là mình đã chứng bậc thánh, liền rơi vào tà kiến.

Cũng ở trong tâm định này, suy cứu tinh tường tánh sáng suốt nhiệm màu, quán sát không ngừng, ức chế hàng phục tự tâm; cố gắng thái quá, bỗng thấy mười phương hư không đều thành màu bảy báu, hoặc màu trăm báu, tất cả đồng thời đầy khắp mà không chướng ngại nhau; các màu xanh vàng đỏ trắng, mỗi mỗi hiện ra tinh thuần, không hỗn tạp. Đó

chỉ là do dụng công ức chế thái quá, khiến cho định lực vượt hơn tuệ lực mà tạm có kết quả như thế, không phải đã chứng bậc thánh. Nếu hành giả gặp cảnh giới này mà không bám chặt, không cho là mình đã chứng bậc thánh, thì đó là cảnh giới thiện tướng; nếu tự đắc mà cho là mình đã chứng bậc thánh, liền rơi vào tà kiến.

Cũng ở trong tâm định này, tĩnh lặng rỗng suốt, phát sinh ánh sáng tinh thuần, không loạn động, bỗng nhiên nửa đêm, ở trong nhà tối mà hành giả trông thấy mọi vật tỏ rõ như giữa ban ngày, mà những vật trong nhà tối ấy vẫn y nhiên, không chút gì thay đổi. Đó là tâm tinh tế kín nhiệm làm lắng trong cái thấy, nên thấy rõ suốt chỗ tối tăm mà tạm được như thế, không phải là đã chứng bậc thánh. Nếu hành giả gặp cảnh giới này mà không bám chặt, không cho là mình đã chứng bậc thánh, thì đó là cảnh giới thiện tướng; nếu tự đắc mà cho là mình đã chứng bậc thánh, liền rơi vào tà kiến.

Cũng ở trong tâm định này, trọn vẹn dung thông với hư không, bỗng nhiên hành giả thấy tứ chi đồng như cây cỏ, dù lửa đốt hay dao cắt cũng không có cảm giác gì; thậm chí ngọn lửa hực không thể làm cho nóng, dù cắt thịt cũng giống như chẻ cây. Đó là các trần đều tiêu, bốn đại giải trừ, tiến thẳng vào chỗ

thuần nhất, mà tạm được kết quả như thế, không phải đã chứng bậc thánh. Nếu hành giả gặp cảnh giới này mà không bám chặt, không cho là mình đã chứng bậc thánh, thì đó là cảnh giới thiện tướng; nếu tự đắc mà cho là mình đã chứng bậc thánh, liền rơi vào tà kiến.

Cũng ở trong tâm định này, thành tựu tâm thanh tịnh; dụng công làm trong sạch tâm đến cùng cực, hành giả bỗng thấy mười phương sơn hà đại địa đều biến thành Phật độ, đầy đủ bảy báu, chói sáng cùng khắp; lại thấy hằng sa chư Phật đầy khắp cõi hư không, lầu các đại điện trang nghiêm hoa lệ; nhìn xuống thấy địa ngục, nhìn lên thấy thiên cung, rõ ràng không chướng ngại. Đó là ngày thường nghe kinh pháp mà khởi tâm ưa thích cảnh thanh tịnh và chán ghét cảnh uế nhiễm, quán tưởng huân tập lâu ngày mà hóa thành như thế, chứ không phải là đã chứng bậc thánh. Nếu hành giả gặp cảnh giới này mà không bám chặt, không cho là mình đã chứng bậc thánh, thì đó là cảnh giới thiện tướng; nếu tự đắc mà cho là mình đã chứng bậc thánh, liền rơi vào tà kiến.

Cũng ở trong tâm định này, suy cứu đến những cảnh sâu xa, bỗng ở giữa đêm, hành giả thấy những cảnh tượng ở phương xa, nào chợ búa, giếng nước, đường lớn, hẻm nhỏ, nào bà con quyến thuộc; và

nghe cả lời nói ở những nơi ấy. Đó là do tâm bị định lực dồn nén, dồn ép đến cùng khiến ánh sáng bay ra mà thấy được chỗ xa cách, chứ không phải là đã chứng bậc thánh. Nếu hành giả gặp cảnh giới này mà không bám chặt, không cho là mình đã chứng bậc thánh, thì đó là cảnh giới thiện tường; nếu tự đắc mà cho là mình đã chứng bậc thánh, liền rơi vào tà kiến.

Cũng ở trong tâm định này, suy cứu đến chỗ tinh thuần cùng cực, hành giả tự thấy mình là một vị thiện tri thức, rồi thấy hình thể biến cải, chốc chốc lại thay đổi hình này dáng nọ một cách vô cớ. Đó là tà tâm. Hành giả phòng hộ tâm không cẩn mật, để cho các giống li mi, thiên ma ám nhập, không duyên cớ mà nói pháp, tuồng như thông đạt diệu nghĩa; nhưng đó chỉ là ma lực sai sử, không phải thật đã chứng bậc thánh. Nếu hành giả gặp cảnh giới này mà không bám chặt, không cho là mình đã chứng bậc thánh, thì đó là cảnh giới thiện tường; nếu tự đắc mà cho là mình đã chứng bậc thánh, liền rơi vào tà kiến.

Này A Nan! Mười cảnh tượng như thế thường hiện ra trong lúc thiền định, đều do hành giả đối với *sắc ám* chưa thấu triệt lí tánh, chỉ biết dùng thiền quán dồn nén vọng tưởng, nên hiện ra các việc đó. Chúng sinh mê muội, không tự xét tự lượng, gặp những cảnh tượng ấy thì nhầm lẫn không biết rõ, cho

mình đã chứng quả thánh, thành ra mắc tội đại vọng ngữ, phải đọa địa ngục Vô-gián! Sau khi Như Lai diệt độ, quý thầy nên y theo lời dạy này, tuyên bày nghĩa lí cho chúng sinh trong đời mạt pháp; không để cho thiên ma có dịp quấy phá; đó là cách giữ gìn chánh pháp, che chở cho người tu hành thành đạo Vô-thượng.

Này A Nan! Hành giả tu thiền kia, ở trong tâm định, khi các chướng ngại về sắc ấm đã hết rồi, thấy rõ tâm Phật như hình tượng hiện ra trong gương. Như thế là, trí tuệ thì dường như đã có, nhưng công dụng cụ thể thì chưa được phát huy; giống như người ngủ bị bóng đèn, tay chân y nguyên, thấy nghe không nhầm, vì tâm bị khách tà mà không thể cử động được. Đó là trạng thái trong lúc hành giả tu thiền mà còn bị *thọ ấm* hạn chế ngăn che. Khi bóng hết đèn thì tâm rời thân, trở lại xem mặt mình, đi ở tự do, không bị ngăn ngại. Đó là lúc thọ ấm đã hết, người tu hành bấy giờ mới có thể vượt khỏi *kiến trước*. Như vậy, xét kỹ lại nguyên do của thọ ấm, thì gốc rễ chính là vọng tưởng hư minh.

Này A Nan! Hành giả kia đang ở trong định, sắc ấm đã hết, tâm rất sáng suốt, thấy rõ tâm Phật; và do đèn nén vọng tâm thái quá, bỗng nhiên ở nơi có chúng sinh ở, phát sinh tâm bi vô hạn, xem tất cả các

loài, cho đến muỗi mòng, như con đở của mình, lòng sinh thương xót, bất giác chảy nước mắt. Đó là do dụng công đè nén quá mức mà thành tâm bi vậy thôi, chứ không phải là đã chứng thánh; biết rõ thì không có lỗi gì, từ đó luôn giác tỉnh, không mê nữa, lâu dần tự nó sẽ tiêu mất. Nếu làm tưởng cho rằng mình đã chứng thánh, liền bị giống ma *sâu bi* xâm nhập vào lòng, thấy người thì thương xót, khóc lóc thảm thiết. Như thế là mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Lại nữa, này A Nan! Hành giả kia ở trong định, thấy sắc âm đã hết, thọ ấm tỏ rõ, các hình tướng đẹp đẽ hiện ra trước mắt, cảm kích thái quá, bỗng nhiên từ trong trạng thái đó sinh lòng dũng mãnh vô hạn. Tâm mạnh mẽ nhạy bén, chí ngang bằng chư Phật, vị ấy nghĩ rằng, mình chỉ trong một niệm có thể vượt qua ba a-tăng-kì kiếp. Đó là công dụng quá mãn nhuệ, ý chí vượt lướt quá mức mà thành ra thế, chứ không phải là đã chứng thánh; biết rõ thì không có lỗi gì, từ đó luôn giác tỉnh không mê nữa, lâu dần tự nó sẽ tiêu mất. Nếu làm tưởng cho rằng mình đã chứng thánh, liền bị giống ma *si cuồng* xâm nhập vào lòng, thấy người thì khoe, ngã mạn không cho ai bằng mình; đến nổi trên thì không thấy có Phật, dưới thì không thấy có người. Như thế là mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Lại nữa, hành giả kia ở trong định, thấy sắc âm đã hết, thọ ấm tỏ rõ, hương tới trước thì chưa có chỗ chứng mới, quay lui lại thì chỗ y cứ cũ đã mất, trí lực suy kém, rơi vào trạng thái lửng lơ, không có gì để nương tựa. Bỗng nhiên tâm sinh vô cùng khô khát, lúc nào cũng chìm lắng nghĩ nhớ cái trạng thái lửng lơ ấy không nguôi, rồi cho như thể là cái đức chuyên cần tinh tấn. Đó là tu hành mà không có trí tuệ, lỗi lầm tự phát sinh, chứ không phải là đã chứng thánh. Nếu lầm tưởng cho rằng mình đã chứng thánh, liền bị giống ma *ngĩ nhớ* xâm nhập vào lòng, ngày đêm cột cái tâm treo vào một chỗ. Như thế là mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Lại nữa, hành giả kia ở trong định, thấy sắc âm đã hết, thọ ấm tỏ rõ, tuệ lực mạnh mẽ nhạy bén, vượt quá định lực, cho đó là tánh Phật bản lai thù thắng, rồi ôm giữ trong tâm, đến nỗi tưởng mình là Phật Tỳ Lô Giá Na, mới được chút ít đã cho là đủ. Đó là kết quả của sự dụng tâm thái quá, đắm vào tri kiến mà quên suy xét, chứ không phải là đã chứng thánh; biết rõ thì không có lỗi gì. Nếu lầm tưởng cho rằng mình đã chứng thánh, liền bị giống ma *hèn kém dễ biết đủ* xâm nhập vào lòng, thấy người thì tự xưng là mình đã chứng được đệ nhất nghĩa đế vô thượng. Như thế là mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Lại nữa, hành giả kia ở trong định, thấy sắc âm đã hết, thọ ấm tỏ rõ, chỗ chứng mới thì chưa được mà tâm cũ thì đã mất, xem xét hai khoảng trước sau, tự cho mình đã sa vào chỗ nguy hiểm; tâm bỗng sinh ra lo buồn vô hạn, cảm thấy như ngồi giường sắt, như uống thuốc độc, chán nản không còn muốn sống, chỉ mong người khác sát hại mạng mình để sớm được giải thoát. Đó là tu hành mà mất trí tuệ quán chiếu nên thành ra thế, chứ không phải là đã chứng thánh; biết rõ thì không có lỗi gì. Nếu làm tưởng cho rằng mình đã chứng thánh, liền bị giống ma *thường ưu sầu* xâm nhập vào lòng, tay cầm dao kiếm tự cắt thịt mình, thích được bỏ mạng; hoặc thường lo buồn, không muốn thấy người nên đi vào ở chốn núi rừng. Như thế là mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Lại nữa, hành giả kia ở trong định, thấy sắc âm đã hết, thọ ấm tỏ rõ, ở trong cảnh giới thanh tịnh, tâm được yên ổn, bỗng nhiên niềm vui vô hạn sinh ra, trong tâm mừng rỡ không thể tự dừng. Đó là trạng thái khinh an nhưng không đủ trí tuệ để tự chế tâm mình, chứ không phải là đã chứng thánh; biết rõ thì không có lỗi gì. Nếu làm tưởng cho rằng mình đã chứng thánh, liền bị giống ma *thích vui mừng* xâm nhập vào lòng, thấy người thì cười, đứng bên đường ca múa hát xướng, tự bảo rằng mình đã chứng đắc

giải thoát vô ngại. Như thế là mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Lại nữa, hành giả kia ở trong định, thấy sắc âm đã hết, thọ ấm tỏ rõ, bèn cho như thế là đủ, bỗng nhiên vô có mà tâm đại ngã mạn khởi lên, biểu lộ ra đây đủ nào là mạn, quá mạn, mạn quá mạn, tăng thượng mạn, tà mạn, ngã mạn, và ti liệt mạn. Trong tâm người này còn coi thường cả mười phương chư Phật, huông gì là đối với các hàng Thanh-văn, Duyên-giác! Đó là tự thấy mình tối thắng mà không có đủ trí tuệ để tự kèm chế, chứ không phải là đã chứng thánh; biết rõ thì không có lỗi gì. Nếu làm tưởng cho rằng mình đã chứng thánh, liền bị giống ma *đại ngã mạn* xâm nhập vào lòng, không lễ bái chùa tháp, hủy hoại kinh tượng, rồi bảo chúng đàn-việt rằng: *“Tượng Phật chỉ là vàng, đồng, đất, gỗ; kinh điển chỉ là lá cây hay da mỏng. Nhục thân đây mới chính là Phật sống chân thường, sao không cung kính lễ bái, mà lại tôn sùng gỗ, đất? Thật là điên đảo!”* Những người đàn-việt tin tưởng mãnh liệt vào lời nói ấy, bèn theo gương hành giả kia, đem kinh xé rách, đem tượng đập nát, rồi moi đất chôn bỏ, gây nghi ngờ cho mọi người, phải đọa địa ngục Vô-gián. Như thế là vị hành giả kia đã mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Lại nữa, hành giả kia ở trong định, thấy sắc âm đã hết, thọ ấm tỏ rõ, tự tâm tinh thuần sáng suốt, tỏ ngộ tinh lí, mọi sự đều tùy tâm thuận ý, bỗng nhiên trong tâm cảm thấy vô cùng khinh an, rồi tự bảo mình đã thành bậc thánh, được đại tự tại. Đó là do trí tuệ mà có được trạng thái khinh an thanh tịnh, chứ không phải là đã chứng thánh; biết rõ thì không có lỗi gì. Nếu lầm tưởng cho rằng mình đã chứng thánh, liền bị giống ma *thích khinh an thanh tịnh* xâm nhập vào lòng, tự cho mình công hạnh đã đầy đủ, không cầu tu tiến. Hạng này phần nhiều không khác gì Vô Văn thì kheo, gây nghi ngờ cho chúng sinh để phải đọa địa ngục A-tì. Như thế là vị hành giả kia đã mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Lại nữa, hành giả kia ở trong định, thấy sắc âm đã hết, thọ ấm tỏ rõ, tâm tỏ ngộ được tánh rỗng rang sáng suốt của vạn pháp, bỗng nhiên từ trong trạng thái đó, sinh khởi niệm vĩnh viễn đoạn diệt, bác bỏ không có nhân quả, chủ trương ngoan không, cho rằng mọi sự vật không có gì hết, rơi vào chỗ đoạn diệt. Đó là vì chưa chứng thánh nên mới như thế; biết rõ thì không có lỗi gì. Nếu lầm tưởng cho rằng mình đã chứng thánh, liền bị giống ma *ngoan không* xâm nhập vào lòng, thấy người giữ giới thì hủy báng, gọi đó là tiểu thừa, chứ Bồ-tát đã liễu ngộ tánh

không thì cần gì giữ giới! Hành giả ấy thường ở trước đàn việt mà ăn thịt uống rượu, làm điều dâm uế; nhưng vì có sức ma giúp nhiếp phục, khiến cho kẻ đàn việt kia không sinh tâm nghi hoặc hủy báng. Thậm chí, tâm ma thâm nhập lâu ngày, hành giả ấy còn ăn cả phân tiểu, coi phân tiểu cũng như rượu thịt, tất cả đều không; phá hoại luật nghi của Phật, làm cho người khác lầm lạc gây tội. Như thế là hành giả đã mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Lại nữa, hành giả kia ở trong định, thấy sắc âm đã hết, thọ ấm tỏ rõ, do đắm trước cái thể tánh sáng suốt rộng rang, ăn sâu vào xương tủy, bỗng nhiên phát sinh tâm ái vô hạn. Tâm ái cực mạnh thì phát điên, trở thành kẻ tham dục. Đó là do cảnh giới định thâm sâu mà không có trí tuệ để tự giữ gìn, nên làm nẻo sa vào đường dục, chứ không phải là đã chứng thánh; biết rõ thì không có lỗi gì. Nếu làm tưởng cho rằng mình đã chứng thánh, liền bị giống ma *tham dục* xâm nhập vào lòng, một mực bảo rằng tham dục chính là đạo Bồ-đề; lại dạy hàng cư sĩ đồng đều hành dục, gọi những người hành dâm là pháp tử nối dòng. Hạng hành giả như vậy, ở trong đời mạt pháp, nhờ có sức quỷ thần tà ma mà nhiếp phục được những kẻ phàm phu ngu muội, con số đến một trăm, hai trăm, hoặc năm, sáu trăm, thậm chí nhiều đến

ngàn, vạn; khi tà ma đã chán, rời bỏ thân thể, thì uy đức liền mất, bèn sa vào lưới pháp luật của quốc gia, còn tội gây nghi ngờ mê lầm cho chúng sinh thì sẽ bị đọa vào địa ngục Vô-gián. Như thế là hành giả đã mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

Này A Nan! Mười cảnh tượng như thế thường hiện ra trong lúc thiền định, đều do vì thọ ấm chưa trừ, dụng tâm chưa đúng mức, để cho lí tính và dục tính giao chiến, tranh nhau hơn thua, nên hiện ra các việc đó. Chúng sinh mê muội, không tự xét tự lượng, gặp những cảnh tượng ấy thì nhầm lẫn không biết rõ, cho mình đã chứng quả thánh, thành ra mắc tội đại vọng ngữ, phải đọa địa ngục Vô-gián! Sau khi Như Lai diệt độ, quý thầy nên y theo lời dạy này, tuyên bày nghĩa lí cho chúng sinh trong đời mạng pháp được tỏ ngộ; không để cho thiên ma có dịp quấy phá; đó là cách giữ gìn chánh pháp, che chở cho người tu hành thành đạo Vô-thượng.

Này A Nan! Hành giả kia tu định, khi thọ ấm đã hết rồi, tuy chưa trừ sạch các lậu hoặc, nhưng tâm có thể rời khỏi hình hài, như chim ra khỏi lồng. Giai đoạn này đã thành tựu rồi, từ thân phàm phu đây tiến lên, trải qua sáu mươi thánh vị Bồ-tát, được ý-sinh-thân⁽²³²⁾, tùy ý đến đi, không còn ngăn ngại. Ví như có người ngủ mê nói mơ, người ấy tuy không biết gì,

nhưng lời nói đã thành âm vận thứ tự, những người đang thức đều hiểu được. Tuy nhiên, trong trường hợp này, hành giả dù được “ý-sinh-thân”, nhưng thật sự vẫn chưa thân chứng, vì vẫn còn bị *tướng ám* hạn chế ngăn che.

Nếu hết động niệm, vọng tưởng tiêu trừ, thì nơi tâm giác ngộ sáng suốt như được quét sạch bụi dơ; cả một dòng sinh tử, từ đầu chí cuối đều chiếu soi rõ ràng. Đó là lúc tướng ám đã hết, người tu hành bấy giờ mới có thể vượt khỏi *phiền não trước*. Như vậy, xét kỹ lại nguyên do của tướng ám, thì gốc rễ chính là vọng tưởng dung thông, đan dệt nhau vọng thành.

Này A Nan! Hành giả kia ở trong cảnh giới đã hết thọ ám, không còn mắc phải tà lục, diệu định viên thông phát sáng; bỗng nhiên ở trong tâm định khởi lên niệm tướng, yêu thích sự sáng suốt tròn đầy, tư duy tinh nhạy, tham cầu thiện xảo. Thiên ma chỉ chờ có được cơ hội này để khuấy phá, bèn gá tinh thần vào thân một người nào đó, miệng nói kinh pháp. Người này không biết mình bị ma nhập, tự cho rằng mình đã chứng được niết bàn vô thượng, liền đi đến chỗ vị hành giả cầu thiện xảo kia, trải pháp tọa ngồi thuyết pháp. Trong chốc lát, người ấy biến hóa nhiều hình dạng cho vị hành giả kia thấy: lúc thì hiện thân tì kheo, lúc thì hiện thân Đế Thích, lúc thì thân phụ

nữ, lúc thì thân tì kheo ni, lúc thì ở trong nhà tối mà thân có hào quang sáng ngời. Hành giả kia mê dại, làm cho đó là Bồ-tát, tín cần nghe lời dạy bảo, chánh tâm bị lay chuyển, phá hủy luật nghi của Phật, trong tối tăm làm chuyện tham dục. Miệng người ma ưa nói những chuyện cát hung quái đản: lúc thì nói có đức Như Lai ra đời chỗ nọ chỗ kia, lúc thì nói sắp có nạn đao binh xảy ra, cốt làm cho người ta sợ hãi, khiến cho gia sản vô cớ mà hao tán. Đó là giống *quái quỷ* sống lâu năm thành ma, quấy phá người tu hành; khi quấy phá chán rồi, bèn rời khỏi thân người bỏ đi, thì cả thầy lẫn đệ tử đều bị rơi vào lưới pháp luật của quốc gia. Hành giả nếu biết trước đó là ma để không bị mê hoặc, thì không bị rơi vào vòng luân hồi; nếu mê muội không biết, nhất định sẽ bị đọa vào địa ngục Vô-gián.

Lại nữa, này A Nan! Hành giả kia ở trong cảnh giới đã hết thọ ám, không còn mắc phải tà lục, diệu định viên thông phát sáng; bỗng nhiên ở trong tâm định khởi lên niệm tưởng yêu thích thân thông du hí tự tại, phẩn chấn tinh thần, tư duy nghiên cứu, tham cầu kinh lịch các quốc độ. Thiên ma chỉ chờ có được cơ hội này để khuấy phá, bèn gá tinh thần vào thân một người nào đó, miệng nói kinh pháp. Người này không biết mình bị ma nhập, tự cho rằng mình đã

chúng được niết bàn vô thượng, liền đi đến chỗ vị hành giả cầu du hí kia, trải pháp tọa ngồi thuyết pháp. Người ấy thân hình không biến đổi, nhưng vị hành giả nghe pháp kia bỗng nhiên thấy mình ngồi trên hoa sen báu, toàn thân hóa thành sắc vàng tía sáng chói; tất cả thính chúng, mỗi mỗi cũng thấy như vậy, đều cho là việc chưa từng có. Hành giả mê dại, lầm tưởng người ma kia là Bồ-tát, bèn tín cẩn nghe lời dạy bảo, tâm buông lung giống ruồi, phá hủy luật nghi của Phật, trong tối tăm làm chuyện tham dục. Miệng người ma ư nói những chuyện quái đản, như nói chư Phật sẽ ứng hiện ra đời, hoặc nói người đó ở chỗ đó là hóa thân của đức Phật đó, người kia sắp đến đây tức là vị Bồ-tát kia đến để giáo hóa nhân gian. Hành giả nghe thế thì sinh lòng khát ngưỡng, tà kiến kín đáo nổi lên, trí tuệ tiêu mất. Đó là giống *bạt qui* sống lâu năm thành ma, quấy phá người tu hành; khi quấy phá chán rồi, bèn rời khỏi thân người bỏ đi, thì cả thầy lẫn đệ tử đều bị rơi vào lưới pháp luật của quốc gia. Hành giả nếu biết trước đó là ma để không bị mê hoặc, thì không bị rơi vào vòng luân hồi; nếu mê muội không biết, nhất định sẽ bị đọa vào địa ngục Vô-gián.

Lại nữa, hành giả kia ở trong cảnh giới đã hết thọ ấm, không còn mắc phải tà lự, diệu định viên thông

phát sáng; bỗng nhiên ở trong tâm định khởi lên niệm tưởng yêu thích khế hợp kín đáo, bèn lắng đọng tinh thần, dứt bật tư duy, tham cầu khế hợp. Thiên ma chỉ chờ có được cơ hội này để khuấy phá, bèn gá tinh thần vào thân một người nào đó, miệng nói kinh pháp. Người này không biết mình bị ma nhập, tự cho rằng mình đã chứng được niết bàn vô thượng, liền đi đến chỗ vị hành giả cầu khế hợp kia, trải pháp tọa ngồi thuyết pháp. Thân hình người ấy cùng với những người nghe pháp, bề ngoài không có gì biến đổi, nhưng lại khiến cho thính giả, trước khi nghe pháp, tâm tự nhiên khai ngộ, niệm niệm đời đời: hoặc được túc mạng thông, hoặc được tha tâm thông, hoặc thấy cảnh địa ngục, hoặc biết rõ các việc tốt xấu ở nhân gian, hoặc miệng nói kệ, hoặc tự tụng kinh, mỗi mỗi đều vui vẻ, được điều chưa từng có. Hành giả kia mê dại, lầm tưởng đó là Bồ-tát, tâm sinh luyến ái triền miên, tín cẩn nghe lời dạy bảo, phá hủy luật nghi của Phật, trong tâm tối làm chuyện tham dục. Miệng người ma ưa nói những chuyện quái đản: như nói Phật có lớn có nhỏ, hay Phật này là Phật trước, Phật kia là Phật sau, rồi lại có Phật thật Phật giả, Phật nam Phật nữ; Bồ-tát cũng vậy. Hành giả kia thấy thế thì rất tín mộ, bỏ mất bản tâm tu tập, rơi vào tà kiến. Đó là giống *mị quý* sống lâu

năm thành ma, quấy phá người tu hành; khi quấy phá chán rồi, bèn rời khỏi thân người bỏ đi, thì cả thầy lẫn đệ tử đều bị rơi vào lưới pháp luật của quốc gia. Hành giả nếu biết trước đó là ma để không bị mê hoặc, thì không bị rơi vào vòng luân hồi; nếu mê muội không biết, nhất định sẽ bị đọa vào địa ngục Vô-gián.

Lại nữa, hành giả kia ở trong cảnh giới đã hết thọ ấm, không còn mắc phải tà lự, diệu định viên thông phát sáng; bỗng nhiên ở trong tâm định khởi lên niệm tưởng muốn biết tận tường gốc rễ, muốn xét rõ thỉ chung của sự biến hóa nơi sự vật, bèn phẩn chấn tinh thần, đem hết tâm lực tham cầu phân tích biện biệt. Thiên ma chỉ chờ có được cơ hội này để khuấy phá, bèn gá tinh thần vào thân một người nào đó, miệng nói kinh pháp. Người này không biết mình bị ma nhập, tự cho rằng mình đã chứng được niết bàn vô thượng, liền đi đến chỗ vị hành giả cầu biết nguồn cội kia, trải pháp tọa ngồi thuyết pháp. Người này có uy thần, khuấy phục ngay những người cầu nghe pháp, khiến cho họ, tuy chưa nghe pháp mà tự nhiên tâm đã kính phục. Người đó bảo rằng: “Bồ đề, niết bàn và pháp thân Phật chính là nhục thân của chúng ta đây; cha cha con con đời đời sinh nhau không dứt, đó chính là pháp thân thường trú; cảnh

giới hiện tại trước mắt đây chính là Phật quốc, chứ không có cõi tịnh cư hay tướng sắc vàng nào khác ở đâu cả.”. Hành giả kia tin thọ lời dạy của ma, bỏ mất bản tâm tu tập, đem thân mạng qui y tà ma, cho là được điều chưa từng có. Cả bọn đó đều mê dại, lầm tưởng ma là Bồ-tát, suy xét tâm mình để thuận theo lời dạy bảo, phá hủy luật nghi của Phật, trong tâm tối làm chuyện tham dục. Miệng người ma ưa nói những lời quái đản, như nói mắt tai mũi lưỡi đều là tịnh độ; hai căn nam nữ là nơi chân thật của bồ đề niết bàn. Nhưng hành giả kia không biết đó là những lời nói dơ dáy, cứ một mực tin theo. Đó là giống *cổ độc và yểm thặng ác quỷ* sống lâu năm thành ma, quấy phá người tu hành; khi quấy phá chán rồi, bèn rời khỏi thân người bỏ đi, thì cả thầy lẫn đệ tử đều bị rơi vào lưới pháp luật của quốc gia. Hành giả nếu biết trước đó là ma để không bị mê hoặc, thì không bị rơi vào vòng luân hồi; nếu mê muội không biết, nhất định sẽ bị đọa vào địa ngục Vô-gián.

Lại nữa, hành giả kia ở trong cảnh giới đã hết thọ ấm, không còn mắc phải tà lự, diệu định viên thông phát sáng; bỗng nhiên ở trong tâm định khởi lên niệm tưởng yêu thích sự cảm ứng huyền nhiệm, bèn để hết tâm lực nghiên cứu tinh tế biến khắp mọi hiện tượng, mong cầu thánh duyên cảm ứng. Thiên ma

chỉ chờ có được cơ hội này để khuấy phá, bèn gá tinh thần vào thân một người nào đó, miệng nói kinh pháp. Người này không biết mình bị ma nhập, tự cho rằng mình đã chứng được niết bàn vô thượng, liền đi đến chỗ vị hành giả cầu cảm ứng kia, trải pháp tọa ngồi thuyết pháp; khiến cho thính chúng nhất thời thấy thân ông ta như từng sống lâu đến trăm ngàn tuổi, tâm sinh yêu mến không thể rời xa; nguyện đem thân mình làm nô bộc cho ông ta, cúng dường đầy đủ các thứ cần dùng mà không biết mệt mỏi. Người ấy lại khiến cho tâm mỗi người nghe pháp đều biết ông ta là bậc tiên sư, là vị thiện tri thức của họ, yêu quý lời dạy bảo, khắng khít như keo sơn, được điều chưa từng có. Hành giả kia mê dại, lầm tưởng đó là Bồ-tát, gần gũi tâm ma, phá hủy luật nghi của Phật, trong tâm tối làm chuyện tham dục. Miệng người ma ưa nói những chuyện cát hung quái đản, như nói: “Ta kiếp trước sinh ở chỗ đó, trước độ cho người đó, đương thời là thê thiếp anh em của ta. Nay ta cùng các người cũng vốn có túc duyên, nên đặc biệt đến đây độ cho nhau; ta sẽ cùng các người đi về thế giới kia, cúng dường đức Phật kia.” Hoặc người ma đó nói rằng, đặc biệt có cõi trời Đại-quang-minh, là nơi cư trú nghỉ ngơi của chư Phật. Hành giả kia không biết gì, cứ tin vào những lời nói

dối gạt ấy, bỏ mất bản tâm tu tập của mình. Đó là giống *lệ qui* sống lâu năm thành ma, quấy phá người tu hành; khi quấy phá chán rồi, bèn rời khỏi thân người bỏ đi, thì cả thầy lẫn đệ tử đều bị rơi vào lưới pháp luật của quốc gia. Hành giả nếu biết trước đó là ma để không bị mê hoặc, thì không bị rơi vào vòng luân hồi; nếu mê muội không biết, nhất định sẽ bị đọa vào địa ngục Vô-gián.

Lại nữa, hành giả kia ở trong cảnh giới đã hết thọ ấm, không còn mắc phải tà lục, diệu định viên thông phát sáng; bỗng nhiên ở trong tâm định khởi lên niệm tưởng yêu thích sự khế nhập sâu xa, bèn ép mình khắc khổ, thích ở chỗ u tịch, tham cầu sự tĩnh mịch. Thiên ma chỉ chờ có được cơ hội này để khuấy phá, bèn gá tinh thần vào thân một người nào đó, miệng nói kinh pháp. Người này không biết mình bị ma nhập, tự cho rằng mình đã chứng được niết bàn vô thượng, liền đi đến chỗ vị hành giả cầu tĩnh mịch kia, trải pháp tọa ngồi thuyết pháp; khiến cho những người nghe, mỗi người đều tự biết nghiệp đời trước của mình, rồi bảo một người ở ngay nơi đó rằng: “Người nay chưa chết mà đã làm súc sinh!” Nói thế xong, lại bảo một người khác đạp lên cái đuôi ở đằng sau người này, khiến cho người này đứng dậy không được. Thấy vậy, cả thính chúng đều

hết lòng khâm phục; ai vừa khởi tâm gì, người ma ấy biết ngay. Nó dối hiện như người tu hành nghiêm cẩn, ngoài luật nghi của Phật, còn tỏ ra rất tinh cần khắc khổ; rồi chê bai chư vị tì kheo, mắng chửi đồ chúng, phô bày việc xấu của người khác, không tránh hiềm khích. Miệng ma ưa nói những việc họa phúc chưa xảy ra, và đến khi xảy ra thì mảy may không sai. Đó là giống *đại lực qui* sống lâu năm thành ma, quấy phá người tu hành; khi quấy phá chán rồi, bèn rời khỏi thân người bỏ đi, thì cả thầy lẫn đệ tử đều bị rơi vào lưới pháp luật của quốc gia. Hành giả nếu biết trước đó là ma để không bị mê hoặc, thì không bị rơi vào vòng luân hồi; nếu mê muội không biết, nhất định sẽ bị đọa vào địa ngục Vô-gián.

Lại nữa, hành giả kia ở trong cảnh giới đã hết thọ ấm, không còn mắc phải tà lự, diệu định viên thông phát sáng; bỗng nhiên ở trong tâm định khởi lên niệm tưởng yêu thích sự thấy biết sâu rộng, bèn ra sức nghiên cứu tìm tòi, cầu biết tíc mạng. Thiên ma chỉ chờ có được cơ hội này để khuấy phá, bèn gá tinh thần vào thân một người nào đó, miệng nói kinh pháp. Người này không biết mình bị ma nhập, tự cho rằng mình đã chứng được niết bàn vô thượng, liền đi đến chỗ vị hành giả cầu biết tíc mạng kia, trải pháp

tọa ngôi thuyết pháp. Ở nơi thuyết pháp đó, bỗng nhiên người ma ấy có được viên ngọc báu lớn; rồi biến hóa làm súc sinh, miệng ngậm viên ngọc kia cùng các thứ như châu báu đủ màu, tìn phù, sách viết trên thanh tre hay thanh gỗ, và nhiều vật kì lạ khác; trước đem trao cho vị hành giả kia, sau thì đeo nơi mình. Người ma ấy lại khoe với thính chúng, có hạt châu minh nguyệt chôn ở dưới đất, đang chiếu sáng chỗ đó; thính chúng cho là điều chưa từng có. Ma thường ăn dược thảo, không ăn cơm, có lúc mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè hoặc một hạt lúa, nhưng nhờ sức ma duy trì mà thân hình vẫn béo tốt. Ma lại chê bai chư vị từ kheo, mắng chửi đồ chúng, không tránh hiềm khích. Miệng người ma ưa nói những chuyện quái đản như có nhiều kho báu ở các phương khác, hoặc chốn ẩn cư của các bậc hiền thánh mười phương. Những người đi theo sau ma, thường thấy nhiều người kì lạ. Đó là những loại *quí thần ở sông núi, hay thổ địa thành hoàng nơi núi rừng*, sống lâu năm thành ma, khi thì cổ võ cho sự dâm dục, phá giới luật của Phật, trong tâm tối cùng kẻ thừa sự cùng vui hưởng ngũ dục; có lúc lại chuyên cần tinh tấn, ăn thuần cỏ lá, hành sự không nhất định, cốt quấy phá người tu hành; khi quấy phá chán rồi, bèn rời khỏi thân người bỏ đi, thì cả thầy lẫn đệ tử đều bị

rơi vào lưới pháp luật của quốc gia. Hành giả nếu biết trước đó là ma để không bị mê hoặc, thì không bị rơi vào vòng luân hồi; nếu mê muội không biết, nhất định sẽ bị đọa vào địa ngục Vô-gián.

Lại nữa, hành giả kia ở trong cảnh giới đã hết thọ ấm, không còn mắc phải tà lục, diệu định viên thông phát sáng; bỗng nhiên ở trong tâm định khởi lên niệm tưởng yêu thích sức thần thông biến hóa, bèn nghiên tầm suy cứu nguồn gốc của sự biến hóa để mong thủ đắc thần lực. Thiên ma chỉ chờ có được cơ hội này để khuấy phá, bèn gá tinh thần vào thân một người nào đó, miệng nói kinh pháp. Người này không biết mình bị ma nhập, tự cho rằng mình đã chứng được niết bàn vô thượng, liền đi đến chỗ vị hành giả cầu thần thông kia, trải pháp tọa ngồi thuyết pháp. Người ma ấy một tay cầm ngọn lửa, tay kia bốc lửa chia để trên đầu từng người nghe pháp; ngọn lửa trên đầu mỗi người đều cao đến vài thước, nhưng đầu không bị cháy, cũng không cảm thấy nóng. Người ấy lại đi trên mặt nước như đi trên đất bằng; hoặc ngồi yên bất động trên hư không; hoặc vào trong chiếc bình; hoặc ở trong cái dĩa; hoặc vượt cửa sổ, đi xuyên qua tường mà không bị ngăn ngại; chỉ đối với đao binh thì không được tự tại. Người ấy cũng tự bảo mình là Phật, thân mặc áo

trắng, nhận sự lễ bái của các tì kheo, chê bai pháp môn tu thiền và hành trì giới luật, mắng chửi đồ chúng, bươi móc chuyện xấu của người, không tránh hiềm khích. Miệng người ma ưa nói những chuyện mê hoặc, như nói những chuyện về thần thông tự tại, hoặc khiến cho mọi người thấy Phật độ ở ngay bên cạnh. Đó là do ma lực mê hoặc người, hoàn toàn không chân thật. Người ma ấy chuyên ca ngợi sự hành dâm, làm toàn những việc thô tục, đem những hành động bỉ ổi sàm sỡ gọi đó là truyền pháp. Đó là *những loài có sức lớn trong trời đất như sơn tinh, hải tinh, phong tinh, hà tinh, thổ tinh; hoặc những loài cây cỏ kì dị sống trải bao đời kiếp, hấp thụ tinh hoa của trời đất mà hóa thành tinh mị; hoặc các loài rồng hóa thành yêu mị; hoặc các tiên nhân chết rồi sống lại làm yêu mị; hoặc các tiên nhân quả báo đã hết, đến ngày đáng lẽ phải chết, nhưng hình hài không tiêu, bị loài yêu quái khác nhập vào, hóa thành yêu nghiệt; tất cả những giống ấy sống lâu năm thành ma, quấy phá người tu hành; khi quấy phá chán rồi, bèn rời khỏi thân người bỏ đi, thì cả thầy lẫn đệ tử đều bị rơi vào lưới pháp luật của quốc gia. Hành giả nếu biết trước đó là ma để không bị mê hoặc, thì không bị rơi vào vòng luân hồi; nếu mê*

muội không biết, nhất định sẽ bị đọa vào địa ngục Vô-gián.

Lại nữa, hành giả kia ở trong cảnh giới đã hết thọ ấm, không còn mắc phải tà lự, diệu định viên thông phát sáng; bỗng nhiên ở trong tâm định khởi lên niệm tưởng yêu thích vào chỗ tịch diệt, bèn nghiên cứu tinh tường cùng cực cái thể tánh của vạn hóa, mong cầu cái rộng không sâu nhiệm. Thiên ma chỉ chờ có được cơ hội này để khuấy phá, bèn gá tinh thần vào thân một người nào đó, miệng nói kinh pháp. Người này không biết mình bị ma nhập, tự cho rằng mình đã chứng được niết bàn vô thượng, liền đi đến chỗ vị hành giả cầu rộng không kia, trải pháp tọa ngồi thuyết pháp. Ở trong thính chúng, người ấy bỗng nhiên biến mất thành không, cả chúng không ai thấy gì; rồi từ không đột nhiên lại hiện ra; muốn có muốn không đều tự tại. Người ấy còn biến hiện thân mình trong suốt như ngọc lưu li, hoặc duỗi tay chân phát ra mùi hương chiên đàn, hoặc đại tiểu tiện ngọt và cứng chắc như đường phèn; rồi còn chê bai giới luật, khinh rẻ người xuất gia. Miệng người ma ưa nói những điều mê hoặc, như nói không nhân không quả, chết là vĩnh viễn đoạn diệt, không có thân sau; hoặc nói chư vị thánh phàm tuy chứng được không tịch, vẫn hành dâm vô ngại, những người hưởng thụ

tham dục cũng được tâm không; cũng bác không có nhân quả. Đó là *mặt trời mặt trăng, trong lúc che khuất nhau, tinh khí thấm vào đất, những loại như vàng, ngọc, cỏ chi, lân, phụng, rùa, hạc hấp thụ được*, có thể sống lâu trải ngàn vạn năm mà trở thành tinh linh, sinh ra trong cõi nước, lại sống lâu năm thành ma, quấy phá người tu hành; khi quấy phá chán rồi, bèn rời khỏi thân người bỏ đi, thì cả thầy lẫn đệ tử đều bị rơi vào lưới pháp luật của quốc gia. Hành giả nếu biết trước đó là ma để không bị mê hoặc, thì không bị rơi vào vòng luân hồi; nếu mê muội không biết, nhất định sẽ bị đọa vào địa ngục Vô-gián.

Lại nữa, hành giả kia ở trong cảnh giới đã hết thọ ấm, không còn mắc phải tà lự, diệu định viên thông phát sáng; bỗng nhiên ở trong tâm định khởi lên niệm tưởng muốn được trường thọ, bèn khổ công nghiên cứu, mong cầu sống mãi; dứt bỏ đời sống phân đoạn⁽²³³⁾, chóng được đời sống biến dịch⁽²³⁴⁾, được thân tướng vi tế thường trụ. Thiên ma chỉ chờ có được cơ hội này để khuấy phá, bèn gá tinh thần vào thân một người nào đó, miệng nói kinh pháp. Người này không biết mình bị ma nhập, tự cho rằng mình đã chứng được niết bàn vô thượng, liền đi đến chỗ vị hành giả cầu trường thọ kia, trải pháp tọa ngồi

thuyết pháp. Người ma ấy nói, có thể đi đến một phương nào thật xa rồi trở về không trở ngại; dù nơi xa vạn dặm, chỉ trong nháy mắt có thể đến đó lấy một vật đem về. Hoặc ở một nơi nào đó, trong một căn nhà rộng chỉ vài bước, người ma ấy bảo một người nào đó đi thử từ vách phía Đông sang vách phía Tây, người này đi thật nhanh mà cả năm không tới. Hành giả thấy thế rất tin phục, nghĩ rằng người ma kia là Phật hiện tiền. Miệng người ma ưa nói những điều mê hoặc, như nói “Mười phương chúng sinh đều là con của ta; ta sinh ra chư Phật; ta sinh ra thế giới; ta là đức Phật đầu tiên, tự sinh ra đời, không phải do tu hành mà đắc đạo.” Đó là thiên ma ở cõi trời Tha-hóa-tự-tại sai khiến bọn quyến thuộc chưa phát thiện tâm, như dịch sử quý Giá Văn Trà, hay quý Tì Xá Già thuộc cõi Tứ-vương thiên, bọn này nhân lúc người tu hành được tâm định rộng không sáng suốt nhưng phát sinh tà kiến, bèn tới ăn tinh khí. Hoặc không phải do người ma nọ, mà chính vị hành giả kia nhìn thấy ma vương hiện thân, miệng khoe nắm được thuật cường tráng như kim cương, ban cho hành giả sự trường thọ; rồi lại hiện thân mỹ nữ, cám dỗ hành giả hành sự dâm dục, chưa đến một năm thì gan óc khô kiệt, miệng nói lầm bầm một mình, nghe như yêu mị. Như trước kia vì không rõ

ông thầy thuyết pháp là người bị ma nhập, nên khi ma chán bỏ đi thì thầy trò phải sa lưới pháp luật; còn giờ đây, hành giả không do ông thầy ma mà tự mình tham hành dâm dục với gái đẹp, thì chưa đợi bị hình phạt của pháp luật, mà đã phải chết khô trước rồi! Thế là ở cả hai trường hợp, người tu hành đều bị ma vương phá hoại, đến nỗi mất mạng! Hành giả nếu biết trước đó là ma để không bị mê hoặc, thì không bị rơi vào vòng luân hồi; nếu mê muội không biết, nhất định sẽ bị đọa vào địa ngục Vô-gián.

Này A Nan! Thầy nên biết, mười giống ma đó, ở trong đời mạt pháp, có thể giả làm người xuất gia tu hành trong giáo pháp của Như Lai, hoặc gá nhập vào thân xác người ta, hoặc tự hiện nguyên hình, đều tự xưng là đã thành bậc Chánh Biến Tri Giác, ca ngợi sự dâm dục, phá luật nghi của Phật. Cả ma thầy và ma đệ tử đều lấy sự dâm dục truyền thọ cho nhau; cứ như thế, yêu tinh tà mị mê hoặc lòng dạ, ít thì cũng trải chín đời, nhiều thì trăm đời, khiến cho những người tu hành, dù cho chân chánh, rốt cuộc cũng đều trở thành quyến thuộc của ma vương; sau khi mạng chung phải làm dân ma, mất hết chánh trí, đọa vào địa ngục Vô-gián.

Thầy chưa nên vội an hưởng niết bàn tịch diệt ngay bây giờ. Dù chúng được quả vị Vô-học, thầy

cũng nên giữ tâm nguyện vào trong đời mật pháp, phát khởi tâm đại từ bi cứu độ chúng sinh, khiến cho họ có được tâm địa chân chánh, có được lòng tin sâu sắc nơi Phật pháp, không mắc vào lưới ma, được chánh tri kiến. Nay Như Lai đã độ thầy thoát khỏi sinh tử, thầy hãy vâng lời Phật dạy, thế gọi là báo đáp ơn Phật.

Này A Nan! Mười cảnh ma như thế hiện ra trong thiền định, đều do tướng ám ngăn che mà sinh ra. Sức quán chiếu và vọng tưởng giao chiến nhau trong tâm, vì vọng tưởng thắng nên sinh ra những cảnh tượng ấy. Chúng sinh ngu muội, ngoan cố, không tự xét tự lượng, gặp những cảnh tượng ấy thì nhầm lẫn không biết rõ, cho mình đã chứng quả thánh, thành ra mắc tội đại vọng ngữ, phải đọa địa ngục Vô-gián! Sau khi Như Lai diệt độ, quý thầy nên y theo lời dạy này, tuyên bày nghĩa lý cho chúng sinh trong đời mật pháp được tỏ ngộ; không để cho thiên ma có dịp quấy phá; đó là cách giữ gìn chánh pháp, che chở cho người tu hành thành đạo Vô-thượng.

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH THỦ LĂNG NGHIÊM

Quyển 10

- *Ma Sự (tiếp theo)*

- *Năm Ám Là Năm Vọng Tưởng*

- *Kết Luận: Lợi Ích Lớn Lao
của Kinh này*

– Này A Nan! Hành giả kia tu định, khi tưởng âm đã hết, thì lúc thức luôn tỉnh giác, lúc ngủ không mộng寐, tức là những mộng tưởng trong đời sống bình thường của vị ấy đều đã tiêu diệt. Tánh bản giác diệu minh rỗng lặng như hư không trong sáng; không còn những bóng ảnh của tiền trần thô trọng; xem núi sông đất liền trong thế gian như gương soi sáng, đến không dính vào đâu, đi không lưu dấu vết, chẳng qua có cảnh thì có bóng hiện, cảnh mất thì trống không, hoàn toàn không còn tập khí cũ, duy nhất chỉ có một tánh tinh chân. Căn nguyên của mọi hiện tượng sinh diệt, từ đây phô bày trước mắt, hành giả thấy được rõ ràng tướng sinh diệt từng loài của

mười hai loài chúng sinh trong mười phương. Dù vậy, hành giả vẫn chưa thấu suốt được nguyên do đầu mối sự thọ sinh của mỗi loài chúng sinh, mà chỉ mới thấy được cái cơ sở sinh diệt chung, giống như bóng đã mờ, lãng xăng nhấp nhoáng, thoát hiện thoát mất, làm then chốt cho sự sinh diệt của thân căn và các trần; đó là hành giả còn bị **hành âm** hạn chế ngăn che.

Nếu thể tánh căn nguyên của những hình bóng lãng xăng nhấp nhoáng kia, do định lực thâm sâu mà nhập vào cảnh giới trong lặng bản lai, thì tất cả những tập khí bản nguyên đều lắng trong hết, như gió lặng sóng êm thì hồ nước hoàn toàn đứng lặng. Như thế là hành âm đã hết, người tu hành bấy giờ mới có thể vượt khỏi *chúng sinh trước*. Như vậy, xét kỹ lại nguyên do của hành âm, thì gốc rễ chính là vọng tưởng u ẩn⁽²³⁵⁾.

Này A Nan! Thầy nên biết, hành giả kia ở trong thiền định có được chánh tri kiến, chánh tâm lắng đọng sáng suốt, mười loại thiên ma không còn cơ hội quấy phá; bấy giờ mới tinh chuyên nghiên cứu cùng tột căn nguyên sinh diệt của các loài chúng sinh. Khi căn nguyên sinh diệt ấy hiển lộ ra, hành giả xem thấy cái đầu mối sinh diệt máy động lãng xăng nhấp nhoáng của khắp các loài; từ đó lại khởi

tâm so đo cân nhắc, cho đó là tánh bản nguyên của mọi loài, liền rơi vào hai loại luận thuyết chủ trương “*vô nhân*” sau đây:

Một là, hành giả thấy *nguồn gốc của chúng sinh không có nguyên nhân*. Tại sao vậy? Khi cái căn nguyên sinh diệt đã hiển lộ ra, hành giả nương theo tám trăm công đức của nhãn căn⁽²³⁶⁾ mà thấy được từ tám vạn kiếp trở lại đây, tất cả chúng sinh đều theo nghiệp lực mà xoay vần, chết chỗ này sinh chỗ nọ. Hành giả chỉ thấy được chúng sinh lần lượt qua lại trong khoảng thời gian tám vạn kiếp đó, ngoài ra thì mù mịt không thấy gì; bèn nhận định rằng, chúng sinh khắp mười phương ở trong thế gian này, là tự có từ tám vạn kiếp đến nay, trước đó không có nguyên nhân. Do sự so đo suy xét này mà tự mình làm mất chánh biến tri, sa vào tà kiến ngoại đạo, mê loạn tánh bồ đề.

Hai là, hành giả thấy *chỗ cuối cùng của chúng sinh không có nguyên nhân*. Tại sao vậy? Hành giả ấy đã thấy được căn nguyên của sinh diệt, biết rõ người thì sinh ra người, chim thì sinh ra chim, loài quạ xưa nay vẫn đen, loài cò xưa nay vẫn trắng, người và trời thì thân vốn đứng thẳng lên, súc sinh thì thân vốn nằm ngang, màu trắng không phải do tẩy mà thành, màu đen không phải do nhuộm mà

nên; từ tám vạn kiếp đến nay vẫn như thế, không bao giờ thay đổi, nay hết đời này cũng lại như vậy. Từ đó mà suy diễn rằng: Ta xưa nay vốn chẳng thấy bồ đề, chẳng lẽ bây giờ lại thành đạo bồ đề ư? Rồi kết luận rằng, tất cả mọi sự vật hiện tượng hôm nay đều không có nguyên nhân! Do sự so đo suy xét đó mà tự mình làm mất chánh biến tri, rơi vào tà kiến ngoại đạo, mê loạn tánh bồ đề. Đó là loại ngoại đạo thứ nhất chủ trương “*vô nhân luận*”.

Này A Nan! Hành giả kia ở trong thiên định, chánh tâm đứng lặng sáng suốt, thiên ma không còn cơ hội quấy phá, bèn suy cứu tận cùng nguồn gốc sinh diệt của các loài chúng sinh, xem thấy cái đầu mỗi sinh diệt lẳng xẵng nhấp nhoáng luôn luôn máy động không biến đổi; từ đó mà khởi sinh kiến chấp, cho rằng khắp tất cả là thường còn, liền rơi vào bốn loại luận thuyết chủ trương “*biến thường*”:

Một là, hành giả suy xét tận cùng *bản tánh của tâm và cảnh*, thấy cả hai đều không có nguyên nhân. Do tu tập mà biết được sự sinh diệt của mười phương chúng sinh, từ hai vạn kiếp đến nay vẫn sinh diệt tuần hoàn, tiếp nối không mất; bèn chấp cho đó là thường còn.

Hai là, hành giả suy xét tận cùng *nguồn gốc của bốn đại*, thấy tánh của chúng là thường trụ. Do tu tập

mà biết được sự sinh diệt của mười phương chúng sinh, từ bốn vạn kiếp đến nay thể tánh vẫn thường hằng, không hề tan mất; bèn chấp cho đó là thường còn.

Ba là, hành giả suy xét tận cùng *sáu căn sáu thức*, thấy nguyên do căn bản và chỗ sinh khởi của thức thứ tám (tâm) chấp thọ, thức thứ bảy (ý) suy lường, và sáu thức trước (thức) phân biệt, tánh vẫn thường hằng. Do tu tập mà biết được tất cả chúng sinh từ tám vạn kiếp đến nay, tuy sống chết nhưng tuần hoàn không mất, bản lai vẫn thường trụ; xét tới cùng cái tánh tuần hoàn không mất đó mà chấp cho là thường còn.

Bốn là, hành giả đã hết căn nguyên của tướng ấm, nguồn cội của sinh diệt không còn, sự trôi chảy xoay vần dừng lặng, tâm tướng sinh diệt nay đã vĩnh viễn tiêu diệt, trong lí lẽ tự nhiên trở thành không sinh diệt. Do tâm so đo suy xét nên chấp cho *hành ấm* là thường.

Do những kiến chấp thường còn như trên mà hành giả tự đánh mất chánh biến tri, rơi vào tà kiến ngoại đạo, mê loạn tánh bồ đề. Đó là loại ngoại đạo thứ nhì, chủ trương “*viên thường luận*”.

Lại nữa, hành giả kia ở trong thiên định, chánh tâm đứng lặng vững vàng, thiên ma không có cơ hội

quây phá, bèn suy cứu tận cùng cội gốc sinh diệt của mọi loài chúng sinh, xem thấy cái cội gốc uẩn kia luôn luôn máy động; từ đó khởi tâm suy lường cân nhắc giữa mình và các pháp khác, bèn rơi vào bốn loại kiến chấp điên đảo, chủ trương **“một phần thường, một phần vô thường”**:

Một là, hành giả kia quán sát thấy tâm trong lặng sáng suốt màu nhiệm của mình biến khắp mười phương thế giới, cho đó là thần ngã cao tột; bèn khởi sinh kiến chấp, cho ta là cùng khắp mười phương, đứng lặng sáng suốt không lay động, còn tất cả chúng sinh thì đều ở trong tâm ta mà tự sinh tự diệt. Vậy tâm tánh ta là thường, và tất cả chúng sinh sinh diệt kia đúng thật là tánh vô thường.

Hai là, hành giả kia không quán xét tâm mình, lại quán xét hằng sa cõi nước trong khắp mười phương, thấy những chỗ kiếp hoại thì cho đó là chủng tánh rốt ráo vô thường, thấy những chỗ kiếp không hoại thì cho đó là rốt ráo thường.

Ba là, hành giả kia tự quán xét tâm mình, thấy nó tinh tế nhỏ nhiệm, giống như vi trần, lưu chuyển khắp mười phương mà tánh không biến đổi; nhưng lại có thể khiến cho thân này liền sinh liền diệt; bèn nhận định rằng: Cái tâm không biến đổi của ta là

tánh thường, còn tất cả những thân sinh tử từ tâm ta lưu xuất ra là tánh vô thường.

Bốn là, hành giả kia biết tướng ấm đã hết và thấy hành ấm đang trôi chảy, thì nhận định rằng: Hành ấm trôi chảy không ngừng, đó là tánh thường; còn các ấm sắc, thọ, và tướng nay đã diệt mất hết, đó là tánh vô thường.

Do những kiến chấp một phần thường và một phần vô thường như trên mà hành giả bị rơi vào tà kiến ngoại đạo, mê loạn tánh bồ đề. Đó là loại ngoại đạo thứ ba, chủ trương “*nhất phần thường luận*”.

Lại nữa, hành giả kia ở trong thiên định, chánh tâm đứng lạng vững vàng, thiên ma không có cơ hội quấy phá, bèn suy cứu tận cùng cội gốc của mọi loài chúng sinh, xem thấy cái cội gốc uẩn kia luôn luôn máy động; từ đó khởi tâm so đo cân nhắc về phần vị, hành giả bèn rơi vào bốn loại kiến chấp “*hữu biên*”:

Một là, hành giả kia suy xét lượng định, thấy hành ấm là căn nguyên sinh diệt của mọi loài chúng sinh, trong hiện tại nó trôi chảy tuần hoàn không ngưng nghỉ, bèn cho rằng: quá khứ và vị lai là hữu biên; còn cái tâm hiện tại tương tục là vô biên.

Hai là, hành giả kia quán xét trong tám vạn kiếp thì thấy có chúng sinh, còn trước tám vạn kiếp thì bất tầm không nghe thấy gì; bèn nhận định rằng: cái

khoảng không nghe thấy gì ấy là vô biên; và cái khoảng có chúng sinh là hữu biên.

Ba là, hành giả kia cho rằng mình biết cùng khắp nên được cái tánh vô biên; còn tất cả mọi người khác đều hiện ra trong cái biết của mình, mà mình không hề biết cái tánh biết của họ, cho nên họ không được cái tánh vô biên, mà chỉ có tánh hữu biên.

Bốn là, hành giả kia ở trong định suy cứu đến cùng thì thấy hành âm đã diệt, nhưng khi xuất định thì thấy hành âm lại sinh; bèn theo sự thấy biết ấy của mình mà suy lường, nhận định rằng: trong một thân của tất cả chúng sinh đều có một nửa sinh và một nửa diệt; và suy rộng ra tất cả mọi vật tượng có trong thế giới, đều một nửa là hữu biên, một nửa là vô biên.

Do những kiến chấp hữu biên và vô biên như trên mà hành giả bị rơi vào tà kiến ngoại đạo, mê loạn tánh bồ đề. Đó là loại ngoại đạo thứ tư, chủ trương “*hữu biên luận*”.

Lại nữa, hành giả kia ở trong thiền định, chánh tâm đứng lặng vững vàng, thiên ma không có cơ hội quấy phá, bèn suy cứu tận cùng cội gốc của mọi loài chúng sinh, xem thấy cái cội gốc uẩn kia luôn luôn máy động; từ đó khởi tâm so đo suy lường về tri

kiến, bèn rơi vào bốn thứ tà kiến đầy tính *điên đảo, kiêu loạn bất tử, hư luận biến kế*⁽²³⁷⁾:

Một là, hành giả kia quán xét căn nguyên của sự biến hóa, thấy cái gì dời đổi lưu chuyển, gọi là “biến”; thấy cái gì tiếp nối liên tục, gọi là “thường”; thấy cái thấy được, gọi là “sinh”; không thấy được cái có thể thấy, gọi là “diệt”; cái gì mà nguyên nhân tương tục, không gián đoạn, gọi là “thêm”; chính trong cái tương tục mà ở giữa có chỗ gián đoạn, gọi là “bớt”; mọi vật sinh ra, gọi là “có”; mọi vật diệt mất, gọi là “không”. Dùng lí quán xét tất cả thì như vậy, nhưng vì hành giả dụng tâm rối loạn, mà thành ra các kiến chấp sai khác nhau. Bởi vậy, nếu có người cầu pháp đến hỏi nghĩa lí, hành giả liền trả lời: “Ta nay cũng sinh cũng diệt; cũng có cũng không; cũng thêm cũng bớt.” Lúc nào cũng nói năng lộn xộn bừa bãi như vậy, khiến cho người nghe không sao hiểu được.

Hai là, hành giả kia quán xét kĩ càng vạn loại, thấy nơi cái này không có cái kia, nơi cái kia không có cái này. Nhân cái thấy “không có” đó mà chấp cho rằng tất cả các pháp là *không*. Do đó, nếu có người đến hỏi đạo, hành giả ấy chỉ đáp một chữ “*không*” mà thôi; ngoài chữ “*không*” ấy ra, không nói gì khác.

Ba là, hành giả quán xét kỹ càng vạn loại, thấy mỗi mỗi đều có. Nhân cái thấy “có” đó mà chấp cho rằng tất cả các pháp là có. Do đó, nếu có người đến hỏi đạo, hành giả ấy chỉ đáp một chữ “có” mà thôi; ngoài chữ “có” ấy ra, không nói gì khác.

Bốn là, hành giả kia chấp vạn loại vừa có vừa không; cảnh đã chia hai thì tâm cũng rối loạn. Do đó, nếu có người đến hỏi đạo, hành giả ấy nói rằng: Cũng có tức là cũng không; trong cái “cũng không” chẳng phải là “cũng có”. Tất cả đều rối loạn, không thể nói hết được!

Do những kiến chấp hư ngụy, rối loạn, không thuận lí như trên mà hành giả bị rơi vào tà kiến ngoại đạo, mê loạn tánh bồ đề. Đó là loại ngoại đạo thứ năm, mắc phải bốn thứ tà kiến đầy “điên đảo, kiêu loạn bất tử, hư luận biến kế”.

Lại nữa, hành giả kia ở trong thiên định, chánh tâm đứng lạng vững vàng, thiên ma không có cơ hội quấy phá, bèn suy cứu tận cùng cội gốc của mọi loài chúng sinh, xem thấy cái cội gốc uẩn kia luôn luôn máy động; từ đó khởi tâm so đo suy lường về dòng trôi chảy không ngừng, bèn rơi vào kiến chấp điên đảo, cho rằng “sau khi chết có tướng”.

Hoặc tự giữ chắc thân mình, bảo rằng “sắc là ta”. Hoặc thấy tánh ta tròn đầy, bao trùm khắp các quốc

độ, thì bảo rằng: **“ta có sắc”**. Hoặc thấy sắc ở trước mắt kia theo ta mà xoay trở về, ta vận dụng được, thì bảo rằng: **“sắc thuộc về ta”**. Hoặc thấy cái ta nương trong hành âm mà thiên lưu tương tục, thì bảo rằng: **“ta ở trong sắc”**. Tất cả đều so đo suy lường mà chấp rằng **“sau khi chết có tướng”**; cứ theo cách luận về **“sắc âm”** ở trên mà suy luận đến ba âm **thọ, tướng và hành**, thì sẽ có tất cả là mười sáu tướng.

Từ đó lại chấp rằng: phiền não rốt ráo là phiền não, bồ đề rốt ráo là bồ đề; hai tánh đó biệt lập, không thể chạm xúc nhau.

Do kiến chấp **“sau khi chết có tướng”** như trên mà hành giả bị rơi vào tà kiến ngoại đạo, mê loạn tánh bồ đề. Đó là loại ngoại đạo thứ sáu, lập ra luận thuyết điên đảo, chủ trương: **“Năm âm sau khi chết còn có tướng.”**

Lại nữa, hành giả kia ở trong thiên định, chánh tâm đứng lạng vững vàng, thiên ma không có cơ hội quấy phá, bèn suy cứu tận cùng cội gốc của mọi loài chúng sinh, xem thấy cái cội gốc uẩn kia luôn luôn máy động; từ đó khởi tâm so đo suy lường về **sắc, thọ, tướng** đã trừ diệt ở trước, bèn rơi vào kiến chấp điên đảo: **“sau khi chết không có tướng”**.

Hành giả ấy thấy sắc âm đã diệt thì hình hài không nhân đâu mà có; xét tướng âm diệt thì tâm

không buộc vào đâu; biết thọ âm diệt thì sắc và tâm không có chỗ nối liền. Tánh các âm đó đã tiêu tan, dù có sinh lí mà không có thọ, tướng, thì chẳng khác gì cây cỏ. Cái hình chất hiện tiền còn không thể nắm bắt được, hưởng hồ sau khi chết, làm sao lại còn có các tướng? Nhân đó mà xét nghiệm cái đã diệt, thì biết cái hiện tại chưa diệt; so sánh với tương lai, sau khi chết nhất định không có tướng. Xét chung cả bốn âm sắc, thọ, tướng, hành, mỗi âm, trước khi sinh và sau khi chết đều không có tướng; như vậy, cả bốn âm cộng chung có tất cả tám thứ vô tướng. Từ những lập luận đó mà hành giả kia xác quyết rằng: Niết Bàn, Nhân Quả chỉ là những danh từ suông, tất cả đều không có, rốt ráo qui về đoạn diệt!

Do kiến chấp “*sau khi chết không có tướng*” như trên mà hành giả bị rơi vào tà kiến ngoại đạo, mê loạn tánh bồ đề. Đó là loại ngoại đạo thứ bảy, lập ra luận thuyết điên đảo, chủ trương: “*Năm âm, sau khi chết không có tướng.*”

Lại nữa, hành giả kia ở trong thiên định, chánh tâm đứng lặng vững vàng, thiên ma không có cơ hội quấy phá, bèn suy cứu tận cùng cội gốc của mọi loài chúng sinh, xem thấy cái cội gốc uẩn kia luôn luôn máy động; từ đó khởi tâm so đo suy lường về chỗ hành âm còn tồn tại và sắc thọ tướng đã diệt, lại suy

lường cả cái có và cái không, tự thể chúng đánh phá nhau, hành giả ấy bèn rơi vào loại luận thuyết điên đảo: “*sau khi chết, có và không đều chẳng phải*”.

Hành giả ấy, nơi ba âm sắc, thọ, tưởng, thấy có mà chẳng phải có; nơi hành âm đang trôi chảy, thấy không mà chẳng phải không. Dần dà như thế, suy xét cùng tận giới hạn của bốn âm, thành ra tám thứ “*chẳng phải có mà chẳng phải không*”; bất luận là nêu lên một âm nào để xét, đều nói “*sau khi chết chẳng phải có tướng, chẳng phải không có tướng*”.

Lại suy lường tới vạn pháp, thấy tánh của chúng biến thiên rối loạn, làm tăng trưởng tà tri tà kiến, cho rằng “*có và không đều chẳng phải*”, không biết căn cứ vào đâu để nói hư, nói thật.

Do kiến chấp “*sau khi chết, có và không đều chẳng phải*” như trên mà việc về sau tối tăm mù mịt, nói có cũng không đúng mà nói không cũng không ổn, hành giả bị rơi vào tà kiến ngoại đạo, mê loạn tánh bồ đề. Đó là loại ngoại đạo thứ tám, lập ra luận thuyết điên đảo, chủ trương: “*Năm âm sau khi chết có và không đều chẳng phải.*”

Lại nữa, hành giả kia ở trong thiên định, chánh tâm đứng lặng vững vàng, thiên ma không có cơ hội quấy phá, bèn suy cứu tận cùng cội gốc của mọi loài chúng sinh, xem thấy cái cội gốc uẩn kia luôn luôn

máy động; từ đó khởi tâm so đo suy lường, chấp trước cho rằng “sau này là không”, hành giả ấy bèn rơi vào bảy loại luận thuyết “**đoạn diệt**”: hoặc cho rằng thân người là diệt; hoặc thân trời Lục-dục là diệt; hoặc cõi Sơ-thiên hết dục nhiệm là diệt; hoặc cõi Nhị-thiên hoàn toàn hết khổ là diệt; hoặc cõi Tam-thiên vui đến cùng cực là diệt; hoặc cõi Tứ-thiên xả bỏ hết hỉ lạc là diệt; hoặc cõi Tứ-không xả bỏ hết sắc chất chướng ngại là diệt. Như thế xoay vần, suy xét cùng cực bảy nơi, cho rằng thân hiện tiền chắc chắn qui về chỗ tiêu diệt, và tiêu diệt rồi thì sau không còn sinh lại nữa.

Do kiến chấp “*sau khi chết là đoạn diệt*” như trên mà hành giả bị rơi vào tà kiến ngoại đạo, mê loạn tánh bồ đề. Đó là loại ngoại đạo thứ chín, lập ra luận thuyết điên đảo, chủ trương: “*Năm ám, sau khi chết là đoạn diệt.*”

Lại nữa, hành giả kia ở trong thiên định, chánh tâm đứng lặng vững vàng, thiên ma không có cơ hội quấy phá, bèn suy cứu tận cùng cội gốc của mọi loài chúng sinh, xem thấy cái cội gốc uẩn kia luôn luôn máy động; từ đó khởi tâm so đo suy lường, chấp trước cho rằng “sau này còn có”, hành giả ấy bèn rơi vào năm loại luận thuyết “**niết bàn hiện tại**”: Hoặc cho sáu cõi trời Dục-giới là cảnh niết bàn hiện tại, vì

xem thấy nơi đó ánh sáng biến khắp mà sinh tâm ái mộ; hoặc cho trời Sơ-thiên là niết bàn hiện tại, vì nơi đó là dục nhiễm, đầy hỉ lạc, không còn đau khổ; hoặc cho trời Nhị-thiên là niết bàn hiện tại, vì nơi đó do thiên định mà sinh hỉ lạc, không còn mọi thứ ưu sầu; hoặc cho trời Tam-thiên là niết bàn hiện tại, vì nơi đó vui đẹp cùng cực; hoặc cho trời Tứ-thiên là niết bàn hiện tại, vì nơi đó khổ vui đều dứt hết, không còn chịu sinh tử luân hồi. Như vậy là hành giả kia thật quá mê lầm, cho các cõi trời hữu lậu là niết bàn vô vi; cho năm chỗ kia là nơi an ổn, là cảnh giới tối thắng thanh tịnh. Cứ như thế, tuần tự quán xét từ dưới lên trên, mê lầm cho tất cả năm nơi kia đều là cực quả vô thượng!

Do chấp “*năm cảnh giới niết bàn hiện tại*” như trên mà hành giả bị rơi vào tà kiến ngoại đạo, mê loạn tánh bồ đề. Đó là loại ngoại đạo thứ mười, lập ra luận thuyết điên đảo, chủ trương: “*Trong năm ám có năm cảnh giới niết bàn hiện tại.*”

Này A Nan! Mười thứ hiểu biết điên cuồng trong thiên định như thế, đều do hành ám và tâm dụng công đoạn vọng hiển chân giao tranh nhau mà sinh ra. Chúng sinh ngu muội, ngoan cố, không tự xét tự lượng, gặp những tư tưởng ấy hiện ra thì nhầm lẫn không biết rõ, cho mình đã chứng quả thánh, thành

ra mắc tội đại vọng ngữ, phải đọa địa ngục Vô-gián! Sau khi Như Lai diệt độ, quý thầy nên y theo lời dạy này, tuyên bày nghĩa lý cho chúng sinh trong đời mạt pháp được tỏ ngộ; không để cho tâm ma tự gây nên những tội lỗi sâu nặng. Đó là cách giữ gìn chánh pháp, giúp cho người tu hành tiêu diệt tà kiến; giáo huấn cho họ khai mở tâm trí mà giác ngộ nghĩa lý chân thật đối với Đạo Vô Thượng, không lạc vào đường tà; chớ để họ vừa được chút ít đã cho là đủ, mà hãy nêu rõ cho họ thấy cái mục tiêu thanh tịnh để thành bậc Đại Giác.

Này A Nan! Hành giả kia tu định, khi hành âm đã hết, thì tánh sinh diệt của vạn pháp, cái căn nguyên máy động lăng xăng nhấp nhোáng, cái then chốt chung sinh ra các loài chúng sinh trong thế gian, bỗng chốc đều tiêu tan hết. Cái giềng mối vi tế, cái nguồn mạch thâm trầm cảm ứng, đèn trả túc nghiệp của ngã thể chúng sinh đã đứt tung. Đối với cảnh giới niết bàn, hành giả ấy hầu như sắp ngộ nhập; như gà gáy lúc canh năm, nhìn về phương Đông đã thấy hừng sáng. Sáu căn rộng lặng, không còn giống ruồi, nội căn ngoại cảnh đều trong sáng, thể nhập tánh “vô sở nhập”; thấu suốt nguyên do thọ sinh của mười hai loài chúng sinh trong mười phương. Thế mà đến đây, do quán xét thấy được nguyên do thọ sinh, hành

giả lại chấp đó là chân tâm nguồn cội, nên **thức ám** không thể phá trừ. Tuy vậy, vì hành ám đã hết, nên không còn bị lôi kéo đi thọ sinh trong mười hai loài chúng sinh; chỉ thấy mười phương thế giới đồng một thức tánh. Hành giả lúc này như trời hừng sáng, chưa hoàn toàn sáng rõ, chỉ đủ để đánh tan bóng đêm, thấy được những vật ở chỗ u ám tối tăm; đây gọi là hành giả vẫn còn bị **thức ám** ngăn che hạn chế.

Nếu ở trong chỗ chúng sinh lôi kéo nhau thọ sinh, mà đã đạt được cái thấy đồng một thức tánh; lại mài giũa sáu căn đến chỗ: khi hợp lại thì cả sáu thành một, khi mở ra thì một mà thành sáu, thấy nghe dung thông nhau, dùng thay lẫn nhau không chướng ngại; mười phương thế giới cùng với thân tâm, trong ngoài sáng suốt trong sạch như ngọc lưu li. Như thế tức là **thức ám** đã hết, người tu hành bấy giờ mới có thể vượt khỏi *mạng trước*. Như vậy, xét kỹ lại nguyên do của thức ám, thì gốc rễ chính là vọng tưởng điên đảo, ảo tượng hư vô.

Này A Nan! Thầy nên biết: Hành giả kia suy cứu cùng tột, cho đến khi hành ám diệt hết, trở về nguồn cội của *thức*. Sự sinh diệt đã diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của cảnh giới tịch diệt. Hành giả ấy có thể khiến cho thân mình, sáu căn khác nhau

mà thông suốt được với nhau: khi hợp thì sáu căn dùng như một căn, khi mở thì một căn dùng như sáu căn; lại cũng có thể thông suốt với cái hiểu biết của mọi loài chúng sinh trong mười phương; do đó mà có thể nhập vào cái nguyên ủy bao hàm vạn loại – tức là **thức âm**. Nếu ở chỗ qui về đó mà chấp cho là chỗ y trú chân thường, và cho đó là cái thấy thù thắng của mình, thì hành giả rơi vào kiến chấp có **“năng y trú và sở y trú”**; trở thành bạn bè với Sa Tì Ca La (*nhận Minh Đế làm chỗ quay về y trú*), mê muội tánh bồ đề, bỏ mất tri kiến Phật. Đó là loại ma chướng thứ nhất, chấp tâm có sở đắc, chấp quả có sở qui, trái xa với tánh viên thông, phản ngược với con đường niết bàn, sinh lạc vào dòng giống ngoại đạo.

Lại nữa, này A Nan! Hành giả kia suy cứu cùng tột, cho đến khi hành âm diệt hết. Sự sinh diệt đã diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của cảnh giới tịch diệt. Nếu ở chỗ qui về đó mà hành giả chấp cho tâm thức chính là tự thể của ta, tất cả chúng sinh trong khắp cả hư không đều lưu xuất từ thân ta, và cho đó là cái thấy thù thắng của mình, thì rơi vào kiến chấp **“không phải năng sinh cho là năng sinh”**; trở thành bạn bè với trời Đại Tự Tại (*có thể hiện vô biên thân chúng sinh*), mê muội tánh bồ đề, bỏ mất tri kiến Phật. Đó là loại ma chướng thứ hai,

cho rằng tâm có thể tạo ra mọi loài, quả có thể thành tựu chuyện mọi loài, trái xa với tánh viên thông, phản ngược với con đường niết bàn, sinh lạc vào dòng giống trời đạ ngã mạn, cho tự thể của ta biến khắp hư không, bao trùm muôn vật.

Lại nữa, này A Nan! Hành giả kia suy cứu cùng tột, cho đến khi hành âm diệt hết. Sự sinh diệt đã diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của cảnh giới tịch diệt. Nếu lúc quay về mà hành giả thấy có chỗ nương tựa, thì nghĩ rằng, thân tâm mình là từ chỗ đó lưu xuất ra, và cả mười phương hư không cũng đều do chỗ đó sinh khởi; bèn ngay nơi cái chỗ sinh ra tất cả đó mà nhận cho là cái thể chân thường không sinh diệt. Vậy là, ở trong cái sinh diệt mà lại chấp cho là thường trụ. Chẳng những không rõ tánh chân như là bất sinh diệt, lại còn không biết thức âm vẫn còn vi tế sinh diệt. An trú trong vũng mê làm sâu nặng mà cho đó là cái thấy thù thắng của mình, bèn rơi vào kiến chấp **“thức âm là thường, ta và vạn vật là không phải thường”**; trở thành bạn bè với trời Tự Tại (*cho mình là nguyên nhân của vạn vật*), mê muội tánh bồ đề, bỏ mất tri kiến Phật. Đó là loại ma chướng thứ ba, chấp “thức là nguyên nhân sinh ra thân tâm ta và cũng là nơi ta nương tựa”, thành tựu cái quả vọng chấp “thức là chân thường”,

trái xa với tánh viên thông, phản ngược với con đường niết bàn, sinh lạc vào hạng người hoàn toàn điên đảo.

Lại nữa, này A Nan! Hành giả kia suy cứu cùng tột, cho đến khi hành âm diệt hết. Sự sinh diệt đã diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của cảnh giới tịch diệt. Nếu trong khi quán sát thức âm, hành giả ấy thấy rằng thức là hiểu biết, và cái hiểu biết đó biến khắp vạn pháp, nhân đó mà nhận định rằng, tất cả cây cỏ trong mười phương đều là loài hữu tình, không khác gì con người; cây cỏ làm người, người chết rồi lại làm cây cỏ, cái hiểu biết ở cùng khắp, không phân biệt hữu tình vô tình; và hành giả cho đó là kiến giải thù thắng của mình, cho nên rơi vào kiến chấp *“loài vô tri có tri giác”*, trở thành bạn bè với các ngoại đạo Bà Tra, Tiên Ni (*chấp cho tất cả đều có giác tri*), mê muội tánh bồ đề, bỏ mất tri kiến Phật. Đó là loại ma chướng thứ tư, chấp cái tâm biết khắp, thành cái quả hư vọng, trái xa với tánh viên thông, phản ngược với con đường niết bàn, sinh lạc vào hạng người tri kiến điên đảo.

Lại nữa, này A Nan! Hành giả kia suy cứu cùng tột, cho đến khi hành âm diệt hết. Sự sinh diệt đã diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của cảnh giới tịch diệt. Nếu ở trong chỗ viên dung, sáu căn

dùng thay thế cho nhau một cách tùy tâm thuận ý, rồi căn cứ nơi chỗ viên dung này mà cho rằng tất cả vạn pháp đều do bốn đại biến hóa phát sinh. Từ đó hành giả tham cầu ánh sáng của hỏa đại, ưa tánh trong sạch của thủy đại, thích tánh châu lưu của phong đại, chiêm nghiệm những sự việc do địa đại thành tựu. Mỗi mỗi đều tôn sùng phụng sự, rồi cho cả bốn đại kia là nguyên nhân căn bản phát sinh tạo tác, chấp cho đó là tánh thường trụ, hành giả ấy bèn rơi vào kiến chấp **“cái không thể sinh cho là có thể sinh ra tất cả”**; trở thành bạn bè với nhóm ngoại đạo họ Ca Diếp và các Bà-la-môn (*đem hết thân tâm thờ lửa, thờ nước để cầu thoát li sinh tử*), mê muội tánh Bồ đề, bỏ mất tri kiến Phật. Đó là loại ma chướng thứ năm, chấp trước sùng phụng, mê tâm theo vật, mong cái nhân hư vọng, cầu cái quả giả dối, trái xa với tánh viên thông, phản ngược với con đường niết bàn, sinh lạc vào hạng người điên đảo về lí lẽ sinh hóa của vạn pháp.

Lại nữa, này A Nan! Hành giả kia suy cứu cùng tột, cho đến khi hành ám diệt hết. Sự sinh diệt đã diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của cảnh giới tịch diệt. Nếu ở trong chỗ viên minh mà chấp lấy cái trống rỗng làm nơi cứu cánh, phủ nhận sự biến hóa của vạn vật, lấy cái vĩnh viễn đoạn diệt

làm chỗ quay về nương tựa, và cho đó là cái thấy thù thắng của mình, hành giả ấy liền rơi vào kiến chấp **“không phải chỗ quay về cho là chỗ quay về”**; trở thành bạn bè với bọn chấp không trong cõi trời Vô tướng, mê muội tánh bồ đề, bỏ mất tri kiến Phật. Đó là loại ma chướng thứ sáu, chìm trong tâm hư vô, thành tựu cái quả trống rỗng, trái xa với tánh viên thông, phản ngược với con đường niết bàn, sinh lạc vào dòng giống đoạn diệt.

Lại nữa, này A Nan! Hành giả kia suy cứu cùng tột, cho đến khi hành ám diệt hết, trở về nguồn cội của *thức*. Sự sinh diệt đã diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của cảnh giới tịch diệt. Nếu ở nơi tánh viên mãn thường trụ, hành giả kia muốn củng cố thân mình thường trụ như tánh ấy – tức được trường sinh bất tử, và cho đó là kiến giải thù thắng của mình thì rơi vào kiến chấp **“tham trước cái không thể tham trước”**; trở thành bạn bè với những tiên nhân như A Tu Đà (*tham cầu trường thọ*), mê muội tánh bồ đề, bỏ mất tri kiến Phật. Đó là loại ma chướng thứ bảy, chấp thức ám là căn nguyên của mạng sống, lập cái nhân viên thường để củng cố sắc thân huyền vọng, hướng đến quả báo trần lao lâu dài, trái xa với tánh viên thông, phản ngược với con đường niết bàn,

sinh lạc vào dòng giống vọng cầu kéo dài mạng sống.

Lại nữa, này A Nan! Hành giả kia suy cứu cùng tột, cho đến khi hành ám diệt hết, trở về nguồn cội của *thức*. Sự sinh diệt đã diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của cảnh giới tịch diệt. Quán xét thấy thức ám là căn nguyên thọ mạng, các loài cùng dung thông nhau, bèn muốn ở lại chốn trần lao, – vì sợ thức ám tiêu mất thì thân mạng không chỗ nương tựa. Bấy giờ hành giả bèn ngồi cung hoa sen, hóa ra nhiều thứ bảy báu và nhiều mỹ nữ, buông lung tâm ý, và cho như thế là đúng, cho nên rơi vào kiến chấp **“lấy cái không chân thường cho là chân thường”**; trở thành bạn bè với thiên ma ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại, mê muội tánh bồ đề, bỏ mất tri kiến Phật. Đó là loại ma chướng thứ tám, phát ra cái nhân tà tướng, thành cái quả trần lao lầy lừng, trái xa với tánh viên thông, phản ngược với con đường niết bàn, sinh lạc vào dòng giống thiên ma.

Lại nữa, này A Nan! Hành giả kia suy cứu cùng tột, cho đến khi hành ám diệt hết, trở về nguồn cội của *thức*. Sự sinh diệt đã diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của cảnh giới tịch diệt. Ở trong chỗ nguồn gốc rộng sáng của sinh mạng mà phân tích biện biệt cái tinh diệu, cái thô lậu, để quyết đoán cái

chân thật, cái hư ngụy. Ở trong vòng nhân quả thù đáp nhau thì chỉ cầu sự cảm ứng, trái với đạo nhất thừa thanh tịnh, nghĩa là: hành giả thấy khổ đế, đoạn tập đế, chứng diệt đế, tu đạo đế; và khi đạt được quả tịch diệt liền cho đó là kết quả thù thắng rốt ráo, bèn an hưởng cái vui niết bàn, không cầu tiến tới thêm nữa; cho nên rơi vào hàng “**định tánh Thanh-văn**”, trở thành bạn bè với nhóm tì kheo Vô Văn (*đầy tánh tạng thượng mạn*), mê muội tánh bồ đề, bỏ mất tri kiến Phật. Đó là loại ma chướng thứ chín, viên mãn đối cái thô lậu thành tinh diệu, cầu cái tâm cảm ứng, thành tựu cái quả thú hưởng tịch diệt, trái xa với tánh viên thông, phản ngược với con đường niết bàn, sinh lạc vào hạng người vĩnh viễn bị ràng buộc ở cõi không.

Lại nữa, này A Nan! Hành giả kia suy cứu cùng tột, cho đến khi hành ám diệt hết, trở về nguồn cội của *thức*. Sự sinh diệt đã diệt, nhưng chưa viên mãn chỗ tinh diệu của cảnh giới tịch diệt. Nếu ở nơi tánh viên dung, thanh tịnh, sáng suốt, mà phát tâm suy cứu, chứng ngộ cảnh giới thâm diệu, rồi lấy cảnh giới chứng ngộ ấy cho là niết bàn rốt ráo, không cầu tiến tới thêm nữa. Do tâm thắng giải đó mà hành giả rơi vào hạng “**định tánh Bích-chi**”; trở thành bạn bè với hàng Duyên-giác và Độc-giác (*không hồi tâm*

hướng lên Đại thừa), mê muội tánh Bồ đề, bỏ mất tri kiến Phật. Đó là loại ma chướng thứ mười, lấy tâm giác tri viên mãn làm nhân, thành tựu quả trạm minh Độc-giác, Duyên-giác, trái xa với tánh viên thông, phản ngược với con đường niết bàn, sinh lạc vào hạng người chứng ngộ viên minh Độc-giác, Duyên-giác, nhưng không hóa giải được cái cố chấp vào cảnh giới viên minh đó.

Này A Nan! Mười cảnh giới thiên định như thế, người tu hành bỗng ở giữa chừng thành cuồng điên, vì đã nương theo những kiến giải điên cuồng mà không tự biết; ở trong chỗ chưa đầy đủ mà cho là cứu cánh. Đó là do thức ám (*vọng niệm*) và tâm dụng công (*chánh niệm*) giao tranh nhau; và vì vọng niệm thắng nên sinh ra như thế. Chúng sinh mê muội, chẳng tự suy xét kỹ càng, khi gặp các cảnh giới như thế hiện ra trước mắt, liền dùng cái tâm ái chấp sai lầm từng tích tập từ bao đời trước mà chấp thủ, cho đó là chỗ quay về rốt ráo, an tâm dừng nghỉ nơi các cảnh giới đó; hoặc tự bảo rằng, quả vị mình đã chứng là đầy đủ, là Vô thượng Bồ đề, thành đại vọng ngữ. Như vậy, tám hạng người trước thì lạc vào tà ma ngoại đạo, khi nghiệp báo chiêu cảm hết rồi, tất đọa vào địa ngục Vô-gián; còn hai hạng

Thanh-văn và Duyên-giác ở sau thì không thể nào tiến lên được nữa.

Quý thầy đề tâm giữ gìn chánh đạo của Như Lai, thì sau khi Như Lai diệt độ, hãy đem pháp môn này truyền dạy trong đời mạt pháp, khiến khắp chúng sinh hiểu rõ nghĩa lý này, không để cho các loại ma tà kiến từ chính tâm mình xuất hiện, rồi tự tạo các tội nghiệt trầm trọng; hộ trì cho người tu hành dứt tuyệt tà duyên, khiến cho thân tâm họ được nhập tri kiến Phật, từ đó thẳng tiến đến thành tựu quả Phật, không bị lạc vào đường tà.

Chư Phật nhiều như vi trần, trong hằng sa kiếp quá khứ, đều nhờ pháp môn này mà khai mở tâm trí, chứng đạo Vô thượng.

Khi thức ấm hết sạch rồi, thì ngay hiện tiền, sáu căn của hành giả dùng thay thế nhau một cách dung thông. Từ chỗ sáu căn dùng thay thế lẫn nhau ấy, hành giả nhập vào địa vị Càn-tuệ kim-cang của Bồ-tát đạo, ở trong đó, cái tâm tinh diệu sáng soi biến khắp phát khởi thân thông biến hóa; như viên ngọc lưu li trong suốt, trong đó có chứa mặt trăng báu. Cứ thế mà tiến lên, trải qua các địa vị từ Thập-tín, Thập-trụ, Thập-hạnh, Thập-hồi-hướng, Tứ-gia-hạnh, Thập-địa Bồ-tát, cho đến Đẳng-giác viên minh, nhập

vào biển Diệu-trang-nghiêm của Phật, viên mãn đạo quả Bồ Đề, về đến chỗ cứu cánh “vô sở đắc”.

Đó là những ma sự vi tế mà chư Phật Thế Tôn trong quá khứ đã quán sát, phân tích, và thấy rõ trong lúc tu đại định. Khi cảnh ma hiện ra, nếu hành giả nhận biết rõ ràng thì tâm cấu nhiễm liền tẩy trừ, không bị lạc vào tà kiến. Âm ma đã bị tiêu diệt thì thiên ma cũng tự tan nát, đại lực quỷ thần kinh hồn chạy trốn, các loại yêu tinh tiểu quỷ không còn dám ra mặt, hành giả tiến thẳng đến quả Bồ Đề, không gì thiếu sót; dù là hàng Nhị-thừa căn tánh thấp kém, cũng tinh tấn tiến tới, tâm không còn mê muội đối với đạo quả cứu cánh Niết Bàn.

Nếu ở đời mạt pháp, chúng sinh ngu độn, chưa biết rõ những cảnh tượng sai khác trong thiền định, cũng chưa biết những ma sự Phật đã dạy, mà lại ưa thích tu tam muội, thì sợ rằng họ sẽ lạc vào đường tà. Nếu thế thì quý thầy phải một lòng khuyên bảo họ, hãy trì tụng thần chú *Phật Đảnh Đà La Ni* của Như Lai. Nếu chưa trì tụng được, hãy viết thần chú ấy nơi thiền đường, hoặc đeo trên người, thì tất cả tà ma đều không đụng chạm được. Quý thầy hãy kính vâng lời dạy bảo cuối cùng về đường tu tiến rốt ráo của mười phương Như Lai.

Đại đức A Nan nghe lời Phật dạy bảo, ghi nhớ không sót, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ kính vâng; rồi ở trước đại chúng, lại bạch Phật rằng:

– Như lời đức Thế Tôn dạy, thì trong tướng năm âm là năm thứ vọng tưởng mà chúng sinh cho là tâm tướng căn bản. Chúng con ngày thường chưa được đức Thế Tôn khai thị tỉ mỉ như thế. Lại nữa, năm âm ấy là tiêu trừ một lần, hay theo thứ lớp mà diệt dần? Và năm lớp như thế, tới đâu là giới hạn? Cúi xin đức Thế Tôn phát lòng đại từ, khiến cho tâm và mắt của đại chúng hôm nay được trong sáng, để làm đạo nhân tương lai cho tất cả chúng sinh trong đời mạt pháp.

Đức Phật bảo đại đức A Nan:

– Tâm thuần chân luôn tịch chiếu, tánh bản giác thường viên tịnh. Tâm tánh ấy không hề mang dấu vết của sinh tử, cũng không có bóng dáng của trần cấu; mà sinh tử, trần cấu, cho đến cả hư không, đều do vọng tưởng sinh khởi. Tánh bản giác vốn thuần chân, nhiệm màu, trong sáng, nhưng do một niệm vọng động mà phát sinh các khí thể gian; như chàng Diễn Nhã Đạt Đa, mê lú quên mất cái đầu của mình, lại nhận cái đầu trong gương là thật có. Vọng vốn không có nguyên nhân. Khi còn ở trong vọng tưởng thì cho vạn pháp là do nhân duyên sinh; và những

người không biết lí nhân duyên thì lại cho là tự nhiên có. Thật ra, tánh hư không còn do huyền hóa phát sinh, thì dù là nhân duyên hay tự nhiên cũng chỉ là những so đo chấp trước từ vọng tâm của chúng sinh mà thôi.

Này A Nan! Nếu biết vọng tưởng có chỗ khởi sinh, thì có thể nói nhân duyên của vọng tưởng; nếu vọng tưởng vốn không có chỗ khởi sinh, thì cái nhân duyên của hư vọng vốn cũng không hề có; huống chi những người không biết lí nhân duyên mà suy ra cái tánh tự nhiên, thì lại càng sai lầm! Vì vậy mà Như Lai nói rõ cho thầy biết rằng, cái nhân căn bản của năm ấm đồng là vọng tưởng.

Thân thể của thầy, trước tiên nhân vọng tưởng ái dục của cha mẹ mà sinh ra. Và lại, nếu tâm thức trung ấm của thầy không có niệm tưởng yêu ghét đối với cha mẹ thì không thể đến hòa hợp với niệm tưởng của cha mẹ để gá thành bào thai. Như trước đây Như Lai đã nói: Tâm tưởng nghĩ đến vị chua thì trong miệng nước miếng chảy ra; tâm tưởng tượng đứng trên vách núi cao thì lòng bàn chân cảm thấy ghê rợn. Nhưng vách núi cao thì không có, vật chua thì không thấy; nếu thân thể của thầy chẳng cùng loại với hư vọng, thì tại sao khi nghe nói tới “chua” thì nước miếng trong miệng liền chảy ra? Cho nên

phải biết, sắc thân hiện tại của thầy chính là loại vọng tưởng thứ nhất, gọi là *vọng tưởng kiên cố*.

Ngay nơi tâm tưởng tượng đứng trên vách núi cao, như vừa mới nói, có thể khiến thân thầy thật sự cảm thấy ghê rợn. Do tâm tưởng làm nhân mà thọ ấm phát sinh, làm giao động sắc thân. Hiện thời ở nơi thầy, hai thứ cảm thọ: thuận ý thì vui, nghịch ý thì khổ, xô đẩy tâm thầy giống ruồi không ngừng. Đó là loại vọng tưởng thứ hai, gọi là *vọng tưởng hư minh*.

Do những niệm tưởng sai khiến sắc thân thầy, nếu sắc thân không phải cùng loại với niệm tưởng, thì vì có gì mà thân thầy theo chịu sự sai khiến của niệm tưởng mà nhận lấy các thứ hình tượng, rồi sinh tâm chấp nhận những hình tượng phù hợp với niệm tưởng? Lúc thức là tâm tưởng, lúc ngủ là chiêm bao. Thế là niệm tưởng của thầy luôn luôn lay động vọng tình; đó là loại vọng tưởng thứ ba, gọi là *vọng tưởng dung thông*.

Hành âm biến hóa không ngừng, niệm niệm âm thầm dời đổi. Móng tay dài dần, tóc mọc ra, khí lực hao mòn, da mặt nhăn nheo, tất cả đều biến đổi ngày đêm mà không hề hay biết. A Nan! Nếu sự trạng ấy không phải là thầy thì tại sao thân thể thầy lại biến đổi? Mà sự trạng ấy nếu quả thật là thầy thì tại sao

thầy không hay biết? Vậy thì các hành trôi chảy nơi thầy, niệm niệm không dừng, đó là loại vọng tưởng thứ tư, gọi là *vọng tưởng u ẩn*.

Lại nữa, cái thức thể tinh thuần, chiếu suốt, trong lặng, không chao động ở nơi thầy, cho đó là tánh chân thường ư? Sự thật thì nơi thân thầy nó chẳng qua chỉ là những sự thấy, nghe, hay, biết mà thôi. Nếu nó quả là tánh tinh thuần chân thật, thì lẽ ra nó không huân tập dung chứa những sự nhiễm ô hư vọng. Vậy mà tại sao trong năm xưa thầy từng thấy một vật lạ, trải qua nhiều năm không hề nhớ đến, hôm nay tình cờ thấy vật lạ ấy, thầy liền nhớ lại rõ ràng, không sai lộn tí nào? Thế mới biết, trong thức tánh tinh thuần, trong lặng, không chao động đó, niệm niệm không ngừng nhận sự huân tập, không thể lường tính hết được. Này A Nan! Thầy nên biết, cái thức tánh trong lặng đó không phải chân thật; như dòng nước chảy xiết mà trông như đứng yên, ấy là vì chảy nhanh mà không thấy chứ chẳng phải là không chảy. Nếu nguồn cội của nó không phải là vọng tưởng thì nó đâu có để cho vọng tưởng huân tập! Nếu sáu căn của thầy chưa dùng thay cho nhau dung thông tự tại, thì cái nguồn cội vọng tưởng vi tế ấy không bao giờ tiêu diệt được. Vì vậy, cái tập khí quán xuyên điều khiến những sự thấy nghe hay biết

của thầy hiện nay, là loại vọng tưởng thứ năm, đó là *vọng tưởng điên đảo, tinh vi tế nhiệm, huyền hóa rỗng không*, ẩn trong tánh trong lặng chiếu suốt của thầy.

A Nan! Năm âm đó do năm thứ vọng tưởng như thế tạo thành. Nay thầy muốn biết giới hạn sâu cạn của năm âm đó, thì *sắc* với *không* là biên giới của Sắc âm; *chạm* với *lìa* là biên giới của Thọ âm; *nhớ* với *quên* là biên giới của Tưởng âm; *diệt* với *sinh* là biên giới của Hành âm; *trong* *lặng* nhập hợp với *trong* *lặng* là biên giới của Thức âm.

Căn nguyên của năm âm ấy trùng điệp sinh khởi. *Sinh* thì nhân Thức âm mà có; *diệt* thì từ Sắc âm mà trừ. Luận về *lí* thì là đôn ngộ, nhân cái ngộ đó mà tất cả vọng tưởng đều tiêu liền; luận về *sự* thì không thể tiêu trừ ngay, mà phải tuần tự theo thứ lớp.

Như Lai đã khai thị cho thầy về những cái gút của chiếc khăn, có chỗ nào không rõ mà thầy phải hỏi lại? Thầy hãy đem cái tâm thông suốt về căn nguyên của vọng tưởng đó mà truyền dạy cho đời sau, khiến cho những người tu hành trong đời mạt pháp biết rõ sự hư vọng mà tự sinh nhàm chán, và biết có niết bàn mà không mê luyến ba cõi.

A Nan! Giả sử có người đem các thứ trân bảo đầy ắp hư không, cùng khắp mười phương, dâng lên

cúng dường chư Phật nhiều như vi trần, mà tâm không lúc nào xao lãng; thầy nghĩ thế nào, do nhân duyên cúng dường chư Phật như thế, người ấy được phước báo nhiều chăng?

Đại đức A Nan bạch Phật:

– Hư không vô tận, trần bảo vô biên. Ngày xưa có người cúng dường Phật chỉ bảy đồng tiền, mà sau khi bỏ thân còn được phước báo làm bậc Chuyển Luân Vương⁽²³⁸⁾; huống chi hiện tiền người kia đem vô lượng trần bảo cúng dường chư Phật biến khắp mười phương hư không, thì dù suy nghĩ cho đến hết kiếp cũng không thể thấu được, vì phước báo ấy không có bờ bến!

Phật bảo đại đức A Nan:

– Lời nói của chư Phật không hư vọng. Giả sử có người tạo đủ các tội, như bốn tội căn bản cực nặng⁽²³⁹⁾, mười tội cực ác⁽²⁴⁰⁾, trong giây lát phải đọa địa ngục Vô-gián liên tục từ phương này sang phương khác trải khắp mười phương; nhưng nếu người đó ở trong một niệm, có thể đem pháp môn này khai thị cho người chưa tu học trong đời mạt pháp, thì những tội chướng nặng nề kia, ngay trong niệm ấy liền được tiêu trừ, biến cái nhân thọ khổ địa ngục trở thành cái nhân sinh về cõi an lạc. Phước báo của người này có được, so với người cúng

dường trên bảo trên kia, còn lớn hơn gấp trăm, ngàn, vạn, ức lần; dù có tính toán hay thí dụ thế nào cũng không thể nói hết được. A Nan! Nếu có chúng sinh được tụng kinh này, được trì chú này, thì phước báo của chúng sinh ấy, dù Như Lai có tuyên dương đến trọn kiếp cũng không nói hết được.

Hãy y theo lời dạy của Như Lai mà tu hành thì không còn sợ bị ma chướng, mà sẽ tiến thẳng đến thành tựu viên mãn đạo quả Vô Thượng Bồ Đề.

Phật nói kinh này xong, các hàng tì-kheo, tì-kheo-ni, cư-sĩ nam, cư-sĩ nữ, tất cả trời, người và a-tu-la trong thế gian, cùng các hàng Bồ-tát, Nhị-thừa, thánh tiên, đồng tử từ các phương khác đến, và các vị đại lực quỷ thần mới phát tâm hộ trì Phật pháp, tất cả đều rất vui mừng, lễ Phật rồi lui ra.

CHÚ THÍCH

(161) Bồ Tát Quán Thế Âm: tức là Bồ Tát Quán Tự Tại; tiếng Phạn là *Avalokitesvara*, dịch âm ra Hán ngữ là A Phược Lô Chi Đê Thấp Phật La. Với tâm đại bi, ngài dùng tính nghe viên thông để nghe tiếng kêu cứu của chúng sinh đau khổ mà thị hiện cứu độ, cho nên gọi là Quán Thế Âm. Ngài có phát 12 lời nguyện lớn trong việc độ sinh, như: *Tôi nguyện có mặt thường xuyên tại biển khơi và một lòng thương nghĩ đến chúng sinh đang đau khổ, không có một trở ngại nào ngăn cản tôi được; Tôi nguyện có mặt ở mọi nơi và mọi hoàn cảnh đen tối trong thế giới khổ đau, tức khắc tìm đến chỗ nào có tiếng kêu cứu để giúp đỡ; Tôi nguyện chèo con thuyền Phật pháp dạo cùng khắp vùng biển khổ đau để cứu độ chúng sinh, cho đến khi kẻ đau khổ cuối cùng được an lạc, giải thoát; v.v...* Trong Kinh Đại Bi có ghi lời Phật dạy rằng: “*Bồ Tát Quán Thế Âm vốn đã thành Phật từ kiếp xa xưa, có danh hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai, nhưng vì lòng đại bi, muốn thành tựu đạo nghiệp cho tất cả chúng sinh, muốn cho chúng sinh được an vui, ngài đã thị hiện làm thân Bồ-tát...*” Trong Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Đắc Đại Thế Bồ Tát Thọ Kí có nói: *Trong vô lượng kiếp sau, đức Phật A Di Đà sẽ nhập niết bàn. Sau đó, đức Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ thành Phật, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai, thay thế Phật A Di Đà nhiếp hóa chúng sinh.* Quán Thế Âm là một vị Bồ-tát lớn, cùng với Bồ Tát Đại Thế Chí, là hai vị hầu cận và trợ thủ đắc lực nhất của đức Phật A Di Đà trong việc tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực-lạc. Bởi vậy, tông Tịnh Độ đã tôn xưng đức Phật A Di Đà và hai vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí là “**Tây Phương Tam Thánh**”.

(162) Hữu-học: Đối lại với bậc Vô-học là bậc Hữu-học. Đệ tử Phật, tuy đã hiểu biết Phật pháp, nhưng phiền não chưa trừ, cho nên còn phải gắng công tu học các pháp giới, định, tuệ, v.v... để đoạn trừ phiền não, chứng quả lậu tận. Vì còn có pháp môn để tu học và còn phải nỗ lực tu học, cho nên gọi là “*hữu học*”. Các hành giả chứng nhập bốn hướng bốn quả của Thanh-văn thừa đều đã là thánh nhân, nhưng ở bốn hướng và ba quả đầu vẫn còn là bậc Hữu-học; chỉ có quả A-la-hán mới là bậc Vô-học. Theo

kinh *Trung A Hàm*, bậc Hữu-học có mười tám hạng: 1) *Hạng Tùy-tín-hành*: chỉ cho các hành giả độn căn ở bậc Kiến-đạo của thừa Thanh-văn. Quý vị này nương vào người khác để được nghe giáo pháp của Phật, nhờ đó mà sinh lòng tin; do có lòng tin mà tu hành. 2) *Hạng Tùy-pháp-hành*: chỉ cho các hành giả lợi căn ở bậc Kiến-đạo của thừa Thanh-văn. Quý vị này tự mình phát huy trí tuệ, xem kinh giáo, suy nghĩ chín chắn, rồi y theo nghĩa lí mà tu hành. 3) *Hạng Tín-giải*: “Tín giải” nghĩa là nhờ vào lòng tin thù thắng mà có được trí hiểu biết thù thắng. Đây là các hành giả độn căn ở bậc Kiến-đạo, sau khi viên mãn Tùy-tín-hành thì bước lên bậc Tu-đạo, gọi là “Tín-giải”. 4) *Hạng Kiến-chí*: cũng gọi là “Kiến-đạo”, nghĩa là do trí tuệ thù thắng mà chứng đạt chân lí. Đây là các hành giả lợi căn ở bậc Kiến-đạo, sau khi viên mãn Tùy-pháp-hành thì bước lên bậc Tu-đạo, gọi là “Kiến-chí”. 5) *Hạng Gia-gia*: Ở quả vị Nhất-lai (Tu-đà-hàm), khi hành giả chưa chứng quả thì gọi là “Nhất-lai-hướng” (đang hướng đến quả Nhất-lai). Hành giả ở giai đoạn Nhất-lai-hướng này, vì chỉ mới đoạn trừ được ba hay bốn phẩm tư hoặc đầu (của chín phẩm) của Dục giới, nên còn phải sinh đi sinh lại nhiều lần từ cõi người lên cõi trời, và từ cõi trời xuống cõi người, để tu tập cho đến khi chứng quả Vô-sinh (A-la-hán). Bởi vậy, các hành giả này được gọi là “gia-gia” (có nghĩa là từ nhà này sang nhà khác – tức là từ nhà người lên nhà trời, và từ nhà trời xuống nhà người). 6) *Hạng Nhất-gián*: Hành giả đã chứng đắc quả Nhất-lai, tiếp tục tu tập để đoạn trừ nốt ba phẩm tư hoặc cuối cùng của Dục giới để chứng đạt quả Bất-hoàn (A-na-hàm); khi đang tu tập thì gọi là “Bất-hoàn-hướng” (đang hướng đến quả Bất-hoàn). Trong giai đoạn này, khi hành giả đã đoạn trừ được bảy hay tám phẩm tư hoặc (trong chín phẩm), thì còn một hay hai phẩm nữa phải đoạn trừ. Để hoàn tất viên mãn giai đoạn này, hành giả phải thọ sinh trở lại trong một cõi trời Dục giới để tu tập, cho nên gọi là “Nhất-gián”. (Chữ “gián” nghĩa là gián cách; tức là phải cách một đời mới chứng quả.) 7) *Hạng Thân-chứng*: Khi chứng đắc quả Bất-hoàn, hành giả nhập vào diệt tận định mà thân chứng được pháp lạc tịch tịnh giống như niết bàn. 8) *Hạng Dự-lưu-hướng*: Hành giả đã vượt khỏi địa vị phàm phu, tiến vào bậc Kiến-đạo, đang tu tập để tiến đến chứng quả Dự-lưu (Tu-đà-hoàn). 9) *Hạng Dự-lưu-quả*: Hành giả đã chứng quả Dự-lưu – cũng gọi là “Sơ-quả”. 10) *Hạng Nhất-lai-hướng*: Hành giả đã chứng quả Dự-lưu, đang tu tập để

hướng đến quả Nhất-lai. 11) *Hạng Nhất-lai-quả*: Hành giả đã chứng đắc quả Nhất-lai. 12) *Hạng Bất-hoàn-hướng*: Hành giả đã chứng quả Nhất-lai, đang tu tập để tiến đến quả Bất-hoàn. 13) *Hạng Bất-hoàn-quả*: Hành giả đã chứng đắc quả Bất-hoàn. 14) *Hạng Trung-bát*: “Trung” là chỉ cho thân “trung hữu”, hay “trung âm”; “bát” tức là nhập niết bàn. Hành giả đã chứng quả Bất-hoàn, khi viên tịch ở cõi Dục liền sinh lên cõi Sắc; tại đây, thân trung hữu của hành giả liền nhập niết bàn, cho nên gọi là “Trung-bát”. 15) *Hạng Sinh-bát*: Hành giả đã chứng quả Bất-hoàn và sinh lên cõi Sắc, sau đó không lâu thì phát khởi thánh đạo, đoạn trừ các hoặc của cõi Vô-sắc mà nhập niết bàn, gọi là “Sinh-bát”. 16) *Hạng Hữu-hành-bát*: Hành giả đã chứng quả Bất-hoàn và sinh lên cõi Sắc, rồi phải trải qua một thời gian dài gắng công tu tập thêm, mới nhập niết bàn, gọi là “Hữu-hành-bát”. 17) *Hạng Vô-hành-bát*: Hành giả đã chứng quả Bất-hoàn và sinh lên cõi Sắc, nhưng không gắng công tu tập thêm, lần nữa trải qua thời gian rồi nhập niết bàn, gọi là “Vô-hành-bát”. 18) *Hạng Thượng-lưu-bát*: Hành giả đã chứng quả Bất-hoàn và sinh lên cõi Sắc; trước tiên sinh vào cõi trời Sơ-thiên, sau đó dần dần sinh lên các cõi trời cao hơn của cõi Sắc, cuối cùng, đến cõi Sắc-cứu-cánh (hoặc Hữu-đỉnh) thì nhập niết bàn, gọi là “Thượng-lưu-bát”.

(163) Độc-giác: Tiếng Phạn “*Bích-chi-ca Phật-đà*”, gọi giản lược là “*Bích-chi Phật*”, cựu dịch là *Duyên-giác*, tân dịch là *Độc-giác*. Nhưng theo giáo nghĩa tông Thiên Thai thì Duyên-giác và Độc-giác có chỗ khác nhau:

- Một loại hành giả nghe Phật dạy nguyên lí mười hai nhân duyên, tu theo đó mà giác ngộ, chứng quả Bích-chi Phật, gọi là “*DUYÊN-GIÁC*”.

- Một loại hành giả khác, sinh vào thời không có Phật cho nên không có cách nào được nghe pháp, nhưng nhờ có sức tu học từ đời trước, ở trong cảnh diễn biến sinh diệt của vạn pháp mà có thể thấy rõ tính chất vô thường của thế gian, nhân đó mà diệt trừ được tâm thức vô minh; hoặc giả họ ở trong chốn núi rừng, trông thấy cảnh hoa rơi lá rụng, rồi do một niệm tương ưng với trí tuệ mà màn vô minh bỗng chốc bị phá tan, chứng quả Bích-chi Phật; cả hai trường hợp này đều gọi là “*ĐỘC-GIÁC*”. (Xem thêm chú thích số 7 ở trước.)

(164) Mười hai nhân duyên (thập nhị nhân duyên): 12 nhân duyên là mười hai điều kiện tương liên, là đạo lí căn bản của đạo Phật dùng để giải thích cái “*bí ẩn*” của hiện tượng sinh tử luân hồi, tức là sự hiện hữu của chúng sinh –mà trực tiếp là con người. Mười hai điều kiện ấy gồm có:

1. Vô minh: là trạng thái vô ý thức, mù quáng, mê lầm, không sáng suốt, không nhận chân được thực tướng của vạn pháp, không thấy rõ được tự tính của chính mình, do đó mà dẫn tới những hành động u tối, sai lầm.

2. Hành: là tác động vô thức của ý chí sinh tồn theo hướng vô minh đã thúc đẩy tạo nghiệp. Nó là khát vọng muốn sống một cách mù quáng. Tất cả những tư tưởng (ý), lời nói (*khẩu*) và việc làm (*thân*) thiện hay bất thiện đều nằm trong hành.

3. Thức: Tất cả nghiệp nhân đã tạo ra đều được huân tập vào *nghiệp chủng thức* (hay *nghiệp thức*, tức là *a-lại-da thức*). Thức này đi đầu thai và bắt đầu một sinh mạng mới. Lúc bà mẹ thụ thai, chính đó là lúc nghiệp thức kết hợp với tinh huyết của cha mẹ mà làm nên bào thai. Như vậy, thức chính là yếu tố nối tiếp giữa kiếp quá khứ và kiếp hiện tại, và là giai đoạn đầu tiên của đời sống hiện tại.

4. Danh sắc: Do nghiệp thức phát động mà phát hiện ra các hiện tượng *tinh thân (danh)* và *vật chất (sắc)* của bản thân con người. Đây là giai đoạn thứ hai của đời sống hiện tại. Bản thân con người là một “*hợp thể ngũ uẩn*”, trong đó, bốn uẩn *thọ, tưởng, hành, thức* chỉ có tên gọi mà không có hình chất, không thể thấy, nghe, ngửi, nếm và chạm xúc được, nên gọi là *danh*; còn uẩn *sắc* tức là phần sinh lí của bản thân, do bốn nguyên tố (*tứ đại: địa, thủy, hỏa, phong*) cấu thành, có hình chất, màu sắc, mùi, vị, có thể thấy, nghe, ngửi, nếm, chạm xúc được, nên gọi là *sắc*. Trong giây phút đầu tiên khi bà mẹ thụ thai – tức là lúc *nghiệp thức* kết hợp với tinh huyết của cha mẹ, thì *danh* chính là *nghiệp thức*, và *sắc* chính là *tinh huyết*. Vậy, nếu *hành* và *thức* là hai yếu tố thuộc về hai kiếp *quá khứ* (hành) và *hiện tại* (thức) của một chúng sinh, thì *thức* và *danh sắc*, trái lại, được xuất hiện *cùng lúc trong kiếp hiện tại* của chúng sinh đó.

5. Lục nhập: sáu giác quan (*lục căn: nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân, ý*) dần dần hiện rõ theo sự phát triển của bào thai, từ chỗ thật giản dị lúc mới

được tượng hình, trở thành vô cùng phức tạp khi con người đã trưởng thành toàn diện. Chúng hoạt động một cách hoàn toàn tự nhiên, mẫu nhiệm, như một guồng máy tinh diệu. Mỗi giác quan đều có những hoạt động và đối tượng riêng biệt. Sáu giác quan là sáu chỗ để cho sáu đối tượng (*lục trần*: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) phản ánh vào, gọi chung là “*lục nhập*”.

6. Xúc: Sự tiếp xúc giữa các giác quan và đối tượng của chúng, như mắt thấy cảnh vật, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi v.v...

7. Thọ: Cảm giác gây nên do sự tiếp xúc giữa các giác quan và đối tượng. Có loại cảm giác dễ chịu, vui sướng, hạnh phúc, gọi là “*lạc thọ*”; có loại cảm giác khó chịu, buồn phiền, khổ đau, gọi là “*khổ thọ*”; có loại cảm giác trung tính, không khó chịu cũng không dễ chịu, gọi là “*xả thọ*”.

8. Ái: “*Ái*” hay “*ái dục*” là sự ham muốn, khao khát, luyến ái. Do có cảm giác mà sinh ra *ái*. Đối trước dục vọng trần cảnh (*ngũ dục*), con người sinh tâm *luyến ái*. Nếu nói cho chính xác hơn, “*ái*” chính là sự luyến ái đối với sự sống. Vì vậy, cái gì làm cho ta vui thích thì ta khao khát, muốn có cho bằng được; còn cái gì làm cho ta buồn khổ thì ta chỉ muốn tránh xa, hay hủy diệt nó đi; đó là động cơ chính yếu thúc đẩy thân, miệng, ý tạo nghiệp.

9. Thủ: Khi đã luyến ái thì cố bám giữ lấy đối tượng; hay nói rõ hơn, vì luyến ái sự sống cho nên phải bám giữ lấy sự sống – và từ đó mà phát sinh ra những tư tưởng sai lầm là có “*TÔI và những gì THUỘC VỀ TÔI*”. Mục đích của mọi hành động trong ba lĩnh vực *ý, thân và miệng*, dù là thiện hay bất thiện, cũng đều để bảo vệ và củng cố cho cái “*TÔI và những gì THUỘC VỀ TÔI*” ấy.

10. Hữu: Vì đam mê và cố bám giữ lấy đối tượng cho nên phải vướng mắc vào nghiệp báo do sự sống của chính mình tạo ra. “*Hữu*” nghĩa là *có* – *có những nghiệp nhân* (thiện hay bất thiện) đã tạo ra ở kiếp này, và dĩ nhiên, *có những nghiệp quả* (vui sướng hay khổ đau, cũng tức là những cảnh giới của các loài chúng sinh khác nhau) sẽ thọ nhận ở kiếp sau.

11. Sinh: Nghiệp đã tạo (*hữu*) ấy lại được huân tập vào *chủng tử thức* (*a-lại-da*), và chính là dẫn lực đưa tới việc ra đời của sinh mạng mới.

12. Lão tử: Khi đã có sinh ra thì tất nhiên lại phải có già và chết.

12 nhân duyên, như vừa thấy, đã trình bày một chuỗi nhân quả kéo dài suốt qua *ba đời*: quá khứ, hiện tại, và vị lai. Do *vô minh* và *hành nghiệp* ở từ quá khứ cho nên đã có đời sống hiện tại. Cuộc sống hiện tại có *thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ*, và những nhân duyên này cũng chính lại là vô minh, làm cho *ái, thủ* lại tiếp tục tạo nghiệp –tức là *hữu*. Chính sức mạnh của *hữu (nghiệp)* đã tạo ra trong cuộc sống hiện tại ấy sẽ là nguyên nhân đưa đến một đời sống mới (*sinh* và *lão tử*) ở đời vị lai. Cứ thế, quá khứ làm nguyên nhân cho hiện tại, hiện tại làm nguyên nhân cho vị lai; hiện tại lại trở thành quá khứ, vị lai lại trở thành hiện tại để rồi lại đưa đến một vị lai khác..., vòng luân hồi tiếp diễn không ngừng.

12 nhân duyên chính là nội dung của giáo lí “*Duyên Khởi*”, giáo lí căn bản nhất của Phật giáo. *Mười hai nhân duyên* là mười hai điều kiện cùng nương nhau mà hiện hữu, cùng nối kết mật thiết với nhau, cùng là nhân và là quả của nhau, để tạo thành vòng sinh tử luân hồi. Vòng (hay bánh xe) luân hồi là một vòng tròn không có khởi điểm. *Mười hai nhân duyên* là mười hai cái khoen của vòng tròn đó, mà không có cái khoen nào là khoen bắt đầu. Bất cứ một nhân duyên nào trong số ấy cũng không thể có một bản chất và sự hiện hữu riêng biệt và độc lập. *Vô minh* chẳng hạn, không phải chỉ là điều kiện sinh ra *hành*, mà nó còn có mặt trong *hành* cũng như trong *tất cả các điều kiện khác*. Lại nữa, *vô minh* chỉ là một điều kiện như mười một điều kiện còn lại; tuy nó được đặt ở khoen đầu tiên, nhưng đó chỉ là theo thói quen thông thường, chứ không phải vì nó là nguyên nhân đầu tiên để sinh ra các điều kiện khác. Lí do dễ hiểu, vì đã là nguyên nhân đầu tiên rồi thì nó không còn là một nhân duyên nữa. – **Hai ý niệm “nhân duyên” và “nguyên nhân đầu tiên” hoàn toàn chống trái nhau.** Phật giáo không bao giờ chấp nhận có một nguyên nhân đầu tiên. Ta chỉ có thể tạm cho rằng, *vô minh* là điều kiện *bao trùm* đối với các điều kiện khác, vì chính thực, có *vô minh* mới có sinh tử luân hồi, nếu diệt được nó thì sinh tử luân hồi cũng không còn. Hơn nữa, các nhân duyên khác như *lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ* v.v... cũng chính là *vô minh*, và cũng chính là chất liệu để tạo ra vòng sinh tử luân hồi; nếu một trong các nhân duyên ấy bị diệt thì cái vòng luân hồi tức khắc đứt tung. Cũng vậy, *a-lại-da* (tức là *thức*) chính là bản thể của vạn hữu, nhưng không vì thế mà bảo nó là nguyên nhân đầu tiên để từ đó

sinh ra những cái khác; bởi vì, *a-lại-da* là bản thể của vạn hữu ở trạng thái vô minh ô nhiễm, nếu nó đã là nguyên nhân đầu tiên thì sẽ chẳng bao giờ có trí tuệ, và do đó, chẳng bao giờ có thể có **chân như**; kì thực, *chân như* (hay *đại viên cảnh trí*) và *a-lại-da* thức chỉ là hai trạng thái (thanh tịnh và ô nhiễm, hay mê và ngộ) của bản thân vạn pháp. Cho nên, dù là *chân như*, dù là *thức*, hay là gì gì đi nữa, thì cũng không có cái gì gọi là nguyên nhân đầu tiên, không có gì hiện hữu độc lập, mà tất cả đều là nhân duyên của nhau, nương vào nhau mà sinh thành, tồn tại và hủy diệt.

(165) **Duyên-giác.** (Xem chú thích số 7 và số 163 ở trước.)

(166) **Tứ Đế không:** Các hành giả Thanh-văn thừa ở địa vị Kiến-đạo, dùng trí tuệ vô lậu đoạn diệt hết kiến hoặc về Tứ Đế trong ba cõi, gọi là thể hội được “*Tứ Đế không*”, chứng quả Tu-đà-hoàn.

(167) **Địa vị Tu-đạo:** Đây là địa vị Tu-đạo trong tiến trình tu chứng của Thanh-văn thừa. Sau khi chứng quả Tu-đà-hoàn (Sơ-quả), hành giả tiếp tục tu tập để dứt trừ tư-hoặc trong ba cõi, lần lượt tiến lên từ bậc Tư-đàm-hàm-hướng, Tu-đà-hàm-quả, A-na-hàm-hướng, A-na-hàm-quả, cho đến A-la-hán-hướng; đó là thời gian của địa vị **Tu-đạo**. Cuối cùng, khi chứng A-la-hán-quả, thì đó là địa vị **Vô-học**.

(168) **Trạch diệt vô vi:** Dùng trí vô lậu dứt trừ hết sự trói buộc của tư hoặc ba cõi, đạt cảnh giới niết bàn giải thoát, gọi là “*trạch diệt vô vi*”. Tư hoặc được phân chia nhiều phần, từ thô trọng đến vi tế; cứ mỗi lần diệt được một phần tư hoặc thì chứng nhập được một phần vô vi, cho nên ở đây nói “*chứng nhập từng phần trạch diệt vô vi*”.

(169) **Thanh-văn:** Các vị đệ tử Phật nghe thanh giáo của Phật dạy pháp Tứ Đế mà tỏ ngộ chân lí, dứt kiến tư hoặc trong ba cõi, chứng thánh quả A-la-hán và nhập niết bàn.

(170) **Phạm Vương:** tức Đại Phạm Thiên Vương, vua của cõi trời Sơ-thiên, Sắc-giới. Chư thiên ở các cõi trời Sắc-giới cũng được gọi chung là

Phạm Thiên. Chữ “*phạm*” có nghĩa là thanh tịnh, trực tiếp chỉ cho đời sống đã dứt lìa hẳn sự dâm dục (cả thân lẫn tâm). Chúng sinh ở cõi Dục tu hành “*phạm hạnh*”, dứt hẳn ngũ dục, thân tâm thanh tịnh, đó là cái nhân để sinh lên các cõi trời Sắc-giới. Vì không còn đời sống ngũ dục, nên ở Sắc-giới không có “thai sinh”; chúng sinh sinh về đó hoàn toàn bằng “hóa sinh”, thân tướng trang nghiêm thanh tịnh, thoát khỏi mọi nhiễm ô của Dục-giới.

(171) Thiên Chủ: tức là vị trời chúa tể, ở đây là chỉ cho trời Đế Thích, thống lĩnh tất cả thiên chúng ở hai cõi trời thấp nhất của sáu cõi trời Dục-giới, là trời Đao-lợi và trời Tứ-vương.

(172) Đế Thích: cũng gọi là Thích Đề Hoàn Nhân, là tên vị thiên chủ vừa nói ở chú thích số 171 trên. Trong sáu tầng trời cõi Dục (lục Dục thiên), thì trời Tứ-vương là thấp nhất, nằm ở lưng chừng núi Tu-di; kế tiếp lên trên là trời Đao-lợi, nằm ở đỉnh núi Tu-di. Vua trời Đế Thích ngự ở thành Thiện-kiến (trung tâm của cõi trời Đao-lợi), thống lĩnh toàn thể thiên chúng không những ở cõi trời Đao-lợi, mà còn gồm cả thiên chúng ở cõi trời Tứ-vương.

(173) Trời Tự Tại: tức chư thiên cõi trời Tha-hóa-tự-tại, là tầng trời cao nhất của Dục-giới, có phước báo thù thắng nhất trong sáu tầng trời Dục-giới.

(174) Trời Đại Tự Tại: cũng gọi là trời Ma Hê Thủ La, là vị trời được đạo Bà-la-môn tôn phụng là chúa tể của vạn vật, cư ngụ ở cõi trời tột đỉnh của Sắc-giới, hưởng phước báo thù thắng ở thế gian. Khi được sát nhập vào Phật giáo, vị trời này đã trở thành một vị ủng hộ Phật pháp có nhiều uy lực.

(175) Thiên đại tướng quân: Đây là chỉ cho các vị đại tướng quân ở cõi trời Tứ-vương, thống lĩnh các bộ chúng, tuần du khắp các quốc độ thế gian để cứu hộ.

(176) Trời Tứ-vương: (Xem lại chú thích số 69 ở trước.)

(177) **Vua cõi người:** Vua của loài người gồm có 5 bậc:

1. **Kim Luân vương**, tức Chuyển-luân thánh vương, có đầy đủ 32 tướng tốt (nhưng không sáng rõ, mỹ diệu bằng thân Phật), phước báo chỉ dưới chư thiên, thống lãnh cả **bốn** châu thiên hạ (Bắc Câu-lu, Đông Thắng-thân, Nam Thiệm-bộ, Tây Ngưu-hóa), dùng mười điều lành để hóa trị loài người. Khi vị này lên ngôi vua, tự nhiên có **bánh xe báu bằng vàng** (kim luân bảo) từ trên không trung bay xuống trước mặt. Ông cõi bánh xe vàng này và trở thành bậc lãnh đạo tối cao của loài người. Chuyển-luân thánh vương gồm có bốn bậc (Kim Luân vương, Ngân Luân vương, Đồng Luân vương và Thiết Luân vương), mà Kim Luân vương này là vị Luân vương tối cao.

2. **Ngân Luân vương**, phước báo kém hơn Kim Luân vương, có **bánh xe báu bằng bạc** (ngân luân bảo), thống lãnh **ba** châu thiên hạ (Đông, Nam và Tây).

3. **Đồng Luân vương**, phước báo kém hơn Ngân Luân vương, có **bánh xe báu bằng đồng** (đồng luân bảo), thống lãnh **hai** châu thiên hạ (Đông và Nam).

4. **Thiết Luân vương**, phước báo kém hơn Đồng Luân vương, có **bánh xe báu bằng sắt** (thiết luân bảo), thống lãnh chỉ **một** châu thiên hạ, là châu Nam Thiệm-bộ.

5. **Túc Tán vương**, tức các vị quốc vương cai trị các nước (hoặc lớn, hoặc nhỏ) trong mỗi châu (như châu Nam Thiệm-bộ chẳng hạn), phước báo kém xa bốn vị Luân vương trên. Chữ “*túc tán*” có nghĩa là rất nhiều, có khắp các nơi, như lúa rải trên mặt đất.

(178) **Trưởng giả:** Ở Trung-quốc, người tuổi cao đức trọng thì được người tôn kính xưng là *trưởng giả*. Ở Việt-nam, từ này có hai ý nghĩa: - chỉ cho người tuổi cao đáng kính trong một vùng dân cư; - chỉ cho người giàu có mà kém hiểu biết, sống xa xỉ kiêu mạn, thích khỏe thân, không chịu khó.

Danh xưng “trưởng giả” trong kinh điển, như ở đây chẳng hạn, dùng để chỉ cho hạng trưởng giả ở Ấn-độ thời cổ. Theo đó, muốn được xưng là trưởng giả, hạng người này phải có đầy đủ mười đức: -quí tộc đại gia; -có địa vị cao trong xã hội; -giàu có hơn người; -có uy lực lớn làm cho

mọi người đều nể sợ; -có trí tuệ hơn người; -lớn tuổi; -hành vi trong sạch, tư cách mô phạm; -lễ nghĩa nghiêm túc; -trên thì được vua khen phục; -dưới thì được dân chúng qui ngưỡng. Vì có đầy đủ mười đức như vậy, cho nên các vị trưởng giả nhiều khi còn được kính trọng hơn cả các quan chức triều đình.

(179) Cư sĩ: là người sống theo đạo lí; tuy mang thân thể tục nhưng biết nương theo giáo pháp để tu hành; tuy làm việc đời nhưng luôn lấy giáo pháp làm kim chỉ nam, để không bao giờ làm những việc phi pháp. Dù có hay không có địa vị, những người cư sĩ bao giờ cũng là những người có đức độ đáng tôn kính trong xã hội.

(180) Tể quan: là các cấp quan chức chính quyền từ trung ương đến các địa phương nhỏ bé, như thủ tướng, bộ trưởng, tỉnh trưởng, thôn trưởng v.v..., và các quan lại trực thuộc.

(181) Bà la môn: là một trong bốn chủng tộc (cũng là bốn giai cấp dân chúng) trong xã hội Ấn-độ thời cổ, chuyên phụng thờ Đại Phạm Thiên, tu hạnh trong sạch. Các giáo sĩ Bà-la-môn tự cho rằng, khi Phạm Thiên sinh ra loài người thì chủng tộc của họ đã được sinh ra từ miệng ngài. Chỉ có họ mới có thể tiếp xúc trực tiếp với thần linh, cho nên, chỉ có họ mới thông hiểu được các kinh *Phệ Đà*; và cũng chỉ có họ mới có quyền cúng tế, xướng tụng và giảng dạy các kinh điển ấy. Họ tự cho mình là giai cấp cao nhất trong bốn giai cấp. Để củng cố địa vị và áp chế các giai cấp khác, họ đã tạo ra bộ luật *Mã Nỗ (Manu)*, tự cho mình là giai cấp trên hết và tôn quý nhất trong xã hội, phải nắm độc quyền về tôn giáo, tư tưởng, học thuật và giáo dục, bắt buộc ba giai cấp dưới phải tuân phục. Một cách cụ thể, họ tự ban cho mình 6 đặc quyền sau đây: -học tập kinh điển *Phệ Đà*; -giảng dạy kinh điển *Phệ Đà*; -tự cúng tế cho mình; -cúng tế cho người khác; -thọ nhận của cúng dường; và -bố thí cho người khác. Cuộc đời một người Bà-la-môn được chia làm bốn thời kì, thời kì đầu tiên gọi là “*thời kì phạm hạnh*”: cậu bé Bà-la-môn lên 8 tuổi thì rời nhà, theo thầy học tập, ròng rã 12 năm, giữ giới bất dâm, học các kinh *Phệ Đà* và thực tập các lễ nghi tế tự. Thời kì thứ hai gọi là “*thời kì gia trú*”: cậu bé bây giờ đã 20 tuổi, trưởng thành, được thầy cho trở về nhà, sống

đời bình thường, cưới vợ sinh con, làm ăn xây dựng sự nghiệp, thờ phượng tổ tiên. Kế tiếp là “*thời kì lâm thế*”: người Bà-la-môn này, khi đến tuổi già thì nhường hết gia sản cho các con, vào ở rừng tu khổ hạnh, chuyên tâm tư duy, tham dự các sinh hoạt tôn giáo. Sau hết là “*thời kì lánh đời*”: bỏ hết những gì dính mắc đến thế tục, mặc áo thô, xách bình nước, đi du hành đây đó.

(182) **Lập thân nội chính**: Người phụ nữ giữ đúng vai trò của mình trong gia đình (như quán xuyến việc nhà, dạy dỗ con cái, hầu hạ cha mẹ, v.v...), gọi là “**nội chính**”; nếp sống cao sang nhưng vẫn chuyên cần, tuy giàu có mà vẫn cần kiệm, luôn luôn tu dưỡng các đức tính tốt của một người đàn bà (như kính nhường, đằm đạm, nhã nhặn, từ ái, v.v...), gọi là “**lập thân**”. Người phụ nữ làm được như vậy tức là “*tự tu sửa thân tâm*”; và đó cũng là nguồn gốc phát sinh bao an vui, hạnh phúc cho gia đình, gọi là “*làm cho gia đình yên ổn*”; và điều đó cũng liên quan mật thiết đến sự hưng thịnh, bình trị của quốc gia, gọi là “*làm cho thiên hạ thái bình*”!

(183) **Hoàng hậu, phu nhân, mệnh phụ, đại cô**: Theo người Trung-hoa xưa, vợ của vua thiên tử gọi là “**hoàng hậu**”; vợ của vua các nước chư hầu, phiên thuộc, gọi là “**phu nhân**”. “**Mệnh phụ**” là tiếng dùng để chỉ cho các bà vợ của các quan, hoặc các bà trình thực hiện đức trong dân chúng, được triều đình phong tước, ban thưởng. “**Đại cô**”: nguyên chữ Hán viết là “*đại gia*”, nhưng chữ “*gia*” ở đây phải đọc là “*cô*”. “*Đại cô*” là tiếng gọi dành cho người đàn bà tài đức kiêm toàn, được triệu vào cung làm thầy của hoàng hậu.

(184) **Không muốn nhiễm dục trần**: Nguyên văn chữ Hán trong kinh văn viết là “*bất hoại nam căn*”, nghĩa là không hư hoại nam căn. Điều này muốn nói rằng, người đàn ông muốn tu phạm hạnh, chí quyết trọn đời không để cho nam căn bị ô nhiễm bởi hành động dâm dục; thuật ngữ gọi là “*giữ gìn thiên chân*” (bảo thủ thiên chân), hay “**đồng chân**”, tức là chẳng những không lập gia đình, mà còn không phạm bất cứ một hành động dâm dục nào! Do đây mà có thuật ngữ liên hệ là “*đồng chân xuất gia*”.

(185) **Đồng nam:** Liên quan với ý nghĩa từ “*đồng chân*” trong chú thích số 184 trên, từ “*đồng nam*” ở đây có nghĩa là người đàn ông suốt đời trong sạch, không nhiễm ái dục, không phạm bất cứ hành động dâm dục nào. Từ “*đồng tử*” cũng có ý nghĩa như vậy.

(186) **Xử nữ:** người nữ suốt đời không lập gia đình.

(187) **Đồng nữ:** Cũng như đồng nam, đồng nữ là người phụ nữ suốt đời trinh thực, không lập gia đình, không phạm bất cứ một hành động dâm dục nào.

(188) **Ra khỏi loài trời:** Ở đây ý nói rằng: thiên chúng không muốn ở cõi trời nữa, mà muốn sinh xuống cõi người. Tại sao vậy? Vì rằng, tuy loài trời hưởng phước báo hơn loài người, nhưng bởi đời sống quá sung sướng nên không chịu tu hành, đến khi hết phước báo thì lại phải tùy nghiệp cũ mà đọa lạc. Chỉ ở cõi người là có nhiều duyên thuận tiện để tu hành. Chư Phật đều xuất hiện ở cõi người để thành Phật và hóa độ khắp các loài chúng sinh; chư Bồ-tát, chư Thánh nhân trong ba thừa đều do thân người tu hành mà chứng quả. Vì vậy, chư thiên không muốn hưởng lạc, chỉ muốn tu hành để được giác ngộ giải thoát, thì không muốn ở cõi trời mà tự nguyện sinh vào cõi người.

(189) **Dược xoa:** hay dạ xoa, là một loại quỷ có sức mạnh, tính bạo ác, đi rất nhanh; có loại đi trên mặt đất, có loại đi trên hư không, có loại bay trên không. Tuy tính bạo ác, nhưng khi có duyên lành được nghe pháp Phật thì tin tưởng sâu xa, phát tâm hộ trì Phật pháp, chí thành mong cầu giải thoát.

(190) **Càn thát bà:** là những vị thần âm nhạc của trời Đế Thích. Họ không ăn thịt uống rượu, mà chỉ sống bằng các mùi thơm.

(191) **A tu la:** là loại thần có cung điện trên núi Tu-di, có phước của trời mà không có đức của trời, nên gọi là loài “phi thiên”. A tu la tính hay sân hận, nóng nảy, hay gây sự đánh nhau với trời Đế Thích. Đàn ông a

tu la thân hình xấu xí, nhưng đàn bà rất xinh đẹp. Đó là loại a tu la hóa sinh, thuộc về Thiên đạo. Lại có a tu la thai sinh thuộc về Nhân đạo; a tu la noãn sinh thuộc về quỷ đạo; và a tu la thấp sinh thuộc về súc sinh đạo.

(192) **Khẩn na la:** là những vị thần xướng ca của trời Đế Thích, có cung điện bằng bảy báu ở núi Tu-di, thân hình giống như loài người, đầu có một chiếc sừng, hình dung xấu xí nhưng tiếng xướng ca tuyệt diệu.

(193) **Ma hô la già:** cũng gọi là ma hầu la già, là thần rắn lớn, hoặc gọi là rồng đất, thuộc loài bò sát.

(194) **Phi nhân:** chỉ chung cho tất cả các loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

(195) **La sát:** là loài ác ma trong thần thoại Ấn-độ, xuất hiện rất sớm trong kinh *Lê Câu Phệ Đà*. Tương truyền, La sát nguyên là tên gọi chỉ cho dân bản xứ Ấn-độ từ thời cổ đại. Sau khi giống dân Aryan từ miền Trung-Á tràn xuống chiếm lãnh thổ Ấn-độ (khoảng 1.500 năm trước tây lịch kỉ nguyên) thì “*la sát*” biến thành một đại danh từ chỉ chung cho những người ác; rồi dần dần lại chuyển biến thành tên của loài ác quỷ. Quỷ la sát cũng là thân người, đàn ông thì da đen, tóc đỏ, mắt xanh, trông dữ sợ; đàn bà thì nhan sắc tuyệt đẹp. Nói chung, quỷ la sát có sức mê hoặc người rất mạnh, chuyên bắt người để ăn thịt uống máu. La sát có sức thần thông, có thể đi rất nhanh trên mặt đất, hoặc bay rất nhanh trên hư không. La sát cũng có loại làm cai ngục ở các địa ngục để hành hạ tội nhân, có nhiều hình dạng khác nhau: hoặc đầu trâu tay người, hoặc đầu nai, đầu dê, đầu thỏ v.v... Đó là loài la sát có tánh hung ác của ma quỷ; nhưng trong kinh điển Phật giáo, la sát cũng biến chuyển thành những vị thiện thần thủ hộ Phật pháp.

Pháp sư Viên Anh nói (trong sách *Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa*), dục xoa là quỷ nam, còn la sát là quỷ nữ; cả hai đều là quỷ ăn thịt người.

(196) **Cưu bàn trà:** là loài quỷ chuyên hút tinh khí người, đi nhanh như gió, biến hóa nhiều hình thù.

(197) *Tì xá già*: cũng là loài quỷ ăn thịt, uống máu, hút tinh khí của người.

(198) *Phú đơn na*: là một loài ngựa quỷ, có thân hình giống như heo, rất hôi tanh.

(199) *Năm thứ tịnh nhục*: Thịt các con vật mình không thấy chúng bị giết; không nghe tiếng kêu khi chúng bị giết; không nghi ngờ vì mình mà chúng bị giết; chúng tự chết; chúng bị chim thú ăn còn sót lại.

(200) *Mạng căn*: Chúng sinh, do nghiệp đời trước dắt dẫn mà thọ nhận báo thân đời này. Báo thân ấy gồm hai phần sắc và tâm, nhờ có thức, hơi ấm và hơi thở giữ gìn liên tục mà có được một đời sống trong khoảng thời gian từ lúc thọ sinh cho đến lúc chết, gọi là “*mạng căn*”.

(201) *Đức Phật ăn cám ngựa*: Năm thứ 12 sau ngày thành đạo, một vị thí chủ Bà-la-môn giàu có, vốn là thôn trưởng của thôn Tì-lan, tên A Kì Đạt, đã thỉnh đức Phật cùng 500 vị tì kheo, về an cư tại thôn Tì-lan (thuộc nước Kiền-tát-la) để ông được cúng dường. Nhưng chỉ được sáu ngày thì ông bị ma vương mê hoặc, làm cho tâm bị mê muội, chỉ biết ở yên trong tư thất để hưởng dục lạc, không còn biết gì đến việc bên ngoài nữa; cả việc cúng dường an cư cũng hoàn toàn quên mất! Vừa lúc ấy thì khắp vùng gặp nạn đói trầm trọng, dân chúng thiếu ăn, quý vị tì kheo đi khát thực thường là không được gì, hoặc chỉ được rất ít, không đủ dùng. Lúc ấy có một người lái buôn ngựa, từ xứ khác đến dừng chân tạm trú tại ấp Tì-lan, mang theo một bầy ngựa 500 con. Ông ta biết tình trạng đói khát của Phật và tăng đoàn, bèn phát tâm, hằng ngày chia bớt phần cám của ngựa để cúng dường. Nhờ đó mà Phật và chư tăng chịu qua được nạn đói ấy. Cuối mùa an cư, vị thôn trưởng Bà-la-môn kia, tâm trí sực tỉnh, biết được Phật và tăng đoàn đã bị đói khát trong ba tháng qua, ông hối hận vô cùng. Ông đến trước Phật và Chư Tăng thành khẩn sám hối, và tha thiết xin cúng dường một bữa trai tăng thật long trọng cuối cùng, trước khi Phật và Chư Tăng rời thôn ấp để lên đường du hóa.

(202) **Ma ái kiến:** Vì tham cầu lợi dưỡng, tự cho mình là tôn quý để được cúng dường, gọi là “*ma ái*”; vọng khởi tà kiến, tự cho mình là thánh nhân để được kính trọng, gọi là “*ma kiến*”. Hai loại ma này lúc nào cũng sống đôi nhau có mặt để phá hoại người tu hành, nên gộp chung gọi là “*ma ái kiến*”.

(203) **Cây đa-la:** tức cây lá bời ở Ấn-độ, lá rộng, dài, dùng để chếp kinh sách (trong thời kì chưa có giấy). Cây này, nếu dùng dao chặt đứt thì chết hẳn, không bao giờ sống trở lại.

(204) **Ma ha tát đát đa bát đát ra:** là tên của thần chú *Lăng Nghiêm*, dịch ra Hán ngữ là “Đại bạch tán cái”, có nghĩa là cây lọng lớn tinh khiết che khắp thế gian.

(205) **108 biến chú Lăng Nghiêm:** Ở đây không phải nói toàn bộ 5 hội chú *Lăng Nghiêm*, mà là chú *Lăng Nghiêm* chính thức, tức câu chú cuối cùng “*Án a na lệ hổ hồng đô lô ung phẩn ta bà ha.*” (gồm 34 chữ).

(206) **Trọng tội ngũ nghịch:** là 5 tội nghịch, rất nặng nề, chỉ cần phạm một trong 5 tội này cũng đủ để đọa vào địa ngục vô-gián; đó là: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hoại sự hòa hợp của tăng chúng, và làm thân Phật chảy máu.

(207) **Trọng tội tứ-khí:** Chư vị tì kheo nếu phạm bốn giới căn bản là sát, đạo, dâm, vọng (*thuật ngữ Phật học gọi là “bốn tội ba-la-di”*) sẽ vĩnh viễn bị trục xuất khỏi tăng đoàn. Chữ Phạn “*ba-la-di*”, dịch ra Hán ngữ là “*khí*”, tức là bị loại bỏ.

(208) **Trọng tội bát-khí:** Đây là tám tội trọng của tì kheo ni: *sát, đạo, dâm, vọng, xúc* (chạm xúc với đàn ông với tâm bất chính), *bát sự thành trọng* (có 8 hành vi với đàn ông với tâm bất chính: cầm tay, kéo áo, cùng nhau vào chỗ kín đáo, nói cười chợt nhả, cùng đi, cùng đứng chuyện trò, cùng đứng tựa nhau, hẹn hò gặp mặt), *phú* (che dấu trọng tội của vị tì kheo ni khác), *tùy* (tùy thuận cung cấp vật thực và chuyện trò với vị tì

kheo đang bị tăng chúng nêu tội lỗi). Tám trọng tội này cũng thuộc về tội “*ba-la-di*”, nếu phạm sẽ bị trục xuất vĩnh viễn khỏi ni chúng.

(209) **44 tâm**: tức 10 Tín, 10 Trụ, 10 Hạnh, 10 Hồi-hướng, và 4 Gia-hạnh.

(210) **Chuyển-y**: Đây là một thuật ngữ Phật học, chỉ cho quả vị tu chứng rốt ráo của chư Phật: Chuyển đổi **phiền não** thành **Vô Thượng Bồ Đề**; chuyển đổi **sinh tử** thành **Đại Niết Bàn**. Cho nên, Bồ-đề và Niết-bàn là hai quả “*chuyển-y*” của chư Phật. Nghĩa của chữ “*chuyển y*” là thay đổi (**chuyển**) tận gốc rễ (**y**).

(211) **Mười thân**: chỉ cho 10 thân của Phật và Bồ-tát; có nhiều loại, ở đây xin nêu hai loại:

1. Mười thân dung nhiếp các pháp ở thế gian, gồm có: Thanh-văn thân, Duyên-giác thân, Bồ-tát thân, Như-lai thân, Pháp thân, Trí thân, Hư-không thân, Nghiệp-báo thân, Chúng-sinh thân, Quốc-độ thân.

2. Các đức Như Lai có đầy đủ mười thân: Bồ-đề thân, Nguyên thân, Hóa thân, Lực thân, Trang-nghiêm thân, Uy-thế thân, Ý-sinh thân, Phước thân, Pháp thân, Trí thân.

(212) **12 tầng bậc vừa đơn vừa kép**: Quá trình tu tập của một vị Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến khi thành Phật, trải qua 12 địa vị, trong đó, những địa vị chỉ một tên một bậc, gọi là địa vị **đơn** (đơn vị), – như 7 địa vị: *Càn-tuệ, Noãn, Đảnh, Nhãn, Thế-đệ-nhất, Đăng-giác, Diệu-giác*; những địa vị một tên mà gồm nhiều bậc, gọi là địa vị **kép** (phức vị), – như 5 địa vị: *Tín (10 bậc), Trụ (10 bậc), Hạnh (10 bậc), Hồi-hướng (10 bậc), Địa (10 bậc)*.

(213) **Mười thí dụ**: tức 10 đề mục quán tưởng:

1. Quán tất cả nghiệp là như huyễn
2. Quán tất cả pháp như bóng hơi nóng
3. Quán tất cả thân như bóng trăng trong nước
4. Quán diệu sắc như hoa đóm giữa hư không
5. Quán diệu âm như tiếng vang trong hang động

6. Quán quốc độ của chư Phật như thành càn-thát-bà
7. Quán Phật sự như mộng ảo
8. Quán thân Phật như bóng ảnh
9. Quán báo thân như hình tượng
10. Quán pháp thân như huyền hóa

tất cả đều không thể nắm giữ, không thể bỏ đi, tại vì tất cả đều không vậy.

(214) 55 địa vị: Đây là con đường tu tập của một vị Bồ-tát từ lúc khởi đầu phát tâm cho đến khi thành Phật –gọi là “*Bồ đề lộ*”, gồm có: 10 bậc Tín (Thập Tín), 10 bậc Trụ (Thập Trụ), 10 bậc Hạnh (Thập Hạnh), 10 bậc Hồi-hướng (Thập Hồi-hướng), 4 bậc Gia-hạnh (Tứ Gia-hạnh), 10 bậc Địa (Thập Địa), và bậc Đẳng-giác. Sở dĩ không kể bậc Càn-tuệ và bậc Diệu-giác vào đây, là vì, theo pháp sư Viên Anh trong tác phẩm *Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa*, thì hành giả ở bậc Càn-tuệ mới phát khởi sơ tâm, chưa phát lòng tin chân thật, **chưa thật sự bước vào lộ trình**, nên không kể; còn bậc Diệu-giác thì tuệ giác đã đến mức cứu cánh, đã về hản nhà, **không còn đang đi trên đường** nữa, nên cũng không kể.

Mặt khác, theo cư sĩ Tăng Phụng Nghi (đời Minh, Trung-quốc) trong tác phẩm *Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh Tông Thông*, thì bậc Càn-tuệ được kể vào 55 địa vị này, mà không kể bậc Đẳng-giác, lí do là vì, bậc Đẳng-giác, cũng giống như bậc Diệu-giác, cả hai bậc này đều đã là Giác, là Chân Bồ Đề, chứ **không còn là “con đường”** nữa.

Mặt khác nữa, một cách phổ thông, quá trình tu tập Bồ-tát hạnh được kể giản lược hơn, có 52 giai vị, gồm: 10 bậc Tín, 10 bậc Trụ, 10 bậc Hạnh, 10 bậc Hồi-hướng, 10 bậc Địa, bậc Đẳng-giác, và bậc Diệu-giác.

(215) Tư hoặc ba cõi: Những thứ phiền não tham, sân, si, mạn được gọi là “*tư-hoặc*”. Ba cõi (*Dục, Sắc và Vô-sắc*) phân nhỏ ra thì có 9 địa (*Dục-giới Ngũ-thú-tạp-cư địa, Sơ-thiên Li-sinh-hỉ-lạc địa, Nhị-thiên Định-sinh-hỉ-lạc địa, Tam-thiên Li-hỉ-diệu-lạc địa, Tứ-thiên Xả-niệm-thanh-tịnh địa, Không-vô-biên-xứ địa, Thức-vô-biên-xứ địa, Vô-sở-hữu-xứ địa, và Phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ địa*); mỗi địa đều có 9 phẩm tư-

hoặc, vậy cả ba cõi có tất cả là 81 phẩm tu-hoặc. Hành giả Thanh-văn thừa, khi đoạn trừ hết kiến-hoặc (*gồm các thứ phiền não nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, và giới cấm thủ kiến*) trong ba cõi thì chứng Sơ-quả Tu-đà-hoàn; tiếp đó, tu tập đoạn trừ **6 phẩm tu-hoặc đầu** của cõi Dục, thì chứng được Nhị-quả Tu-đà-hàm; tiếp đến tu tập đoạn trừ **3 phẩm tu hoặc sau** của cõi Dục, thì chứng Tam-quả A-na-hàm. Từ đây, vị thánh này sẽ không còn sinh trở lại cõi Dục nữa, mà sẽ ở luôn cõi Sắc-giới để tiếp tục tu tập đoạn trừ sạch hết **72 phẩm tu hoặc** của 8 địa còn lại (gồm trong hai cõi Sắc và Vô-sắc), thì chứng Tứ-quả A-la-hán.

(216) Vua Lưu Li: tức vua Tì Lưu Li, là vua nước Kiền-tát-la vào thời đức Phật còn tại thế. Ông là con của vua Ba Tư Nặc, và là em khác mẹ của thái tử Kì Đà. Năm 79 tuổi, sau mùa an cư, đức Thế Tôn du hành về đến vương quốc Sakya, tạm trú nơi một quận lỵ nhỏ để hành đạo. Lúc bấy giờ, vua Ba Tư Nặc (vua cùng tuổi với đức Thế Tôn) cũng đang du ngoạn ở một thị trấn gần đó, biết tin, liền đến hầu Phật. Trong đoàn tùy tùng của nhà vua có cả hoàng tử Tì Lưu Li và viên tướng tổng tư lệnh quân đội hoàng gia. Trước khi tiến vào căn nhà nhỏ, trong đó Phật đang ngụ, nhà vua cử thanh bảo kiếm cùng vương miện trao cho vị tướng lãnh, để tất cả đoàn tùy tùng ở ngoài, một mình nhà vua vào hầu Phật. Lợi dụng lúc nhà vua và đức Phật đàm đạo trong căn nhà, hoàng tử Tì Lưu Li đã cùng vị tướng lãnh dẫn cả đoàn tùy tùng trở về kinh đô Xá-vệ, giết thái tử Kì Đà và tự lên ngôi vua, trở thành quốc vương của nước Kiền-tát-la. Lúc vua Ba Tư Nặc bái biệt đức Phật để trở lại chỗ cũ thì chỉ thấy còn có một người cung nữ già. Nhà vua biết việc chẳng lành, bèn đi thẳng về thành Vương-xá (nước Ma-kiệt-đà), và đã chết tại đây.

Sau khi lên ngôi vua, Tì Lưu Li nhớ lại mối hận cũ với dòng họ Thích-ca, bèn cất quân sang đánh thành Ca-tì-la-vệ, muốn tiêu diệt cho hết những người thuộc dòng họ Thích-ca. Mối hận cũ đó là gì? Hai bộ luật *Ngũ Phần* và *Tứ Phần* đều thuật như sau: Trước kia vua Ba Tư Nặc có xin cưới một người con gái dòng họ Thích-ca làm phu nhân. Nhưng luật lệ của dòng họ này không cho trai gái lập hôn nhân với người khác họ. Vua Ma Ha Nam bèn đem con gái của một tì nữ trong cung, giả xưng là con gái dòng họ Thích-ca, gả cho vua Ba Tư Nặc, về sau đã sinh ra hoàng tử Tì Lưu Li. Tì Lưu Li vừa lớn lên (*Kinh Tăng Nhất A Hàm*

nói là 8 tuổi), nhà vua cho sang thành Ca-tì-la-vệ để theo học nghề bắn cung. Lúc bấy giờ, những người dòng họ Thích-ca vừa xây một tòa nhà lớn, nguyện rằng, trước hết phải cúng dường Phật và chúng tăng, sau đó họ mới sử dụng. Tì Lưu Li không biết điều đó, ngang nhiên dẫn đoàn tùy tùng vào tòa nhà ấy vui chơi. Những người dòng họ Thích bèn mắng: “Đứa con của tiện tì sao dám vô lễ! Đức Thế Tôn và chúng tăng chưa vào ngôi mà sao ngươi dám vào trước vui chơi!” Họ đuổi Tì Lưu Li đi, rồi phá bỏ tòa nhà đó để xây tòa nhà khác, sau đó mới thỉnh Phật và chúng tăng vào ngự. Tì Lưu Li giận lắm, bảo người tùy tùng: “Ngươi nhớ kỹ việc này. Sau khi ta làm vua, hãy nhắc lại cho ta!”. Rồi bỏ về nước. Bấy giờ ông đã làm vua, liền cử binh sang tiêu diệt dòng họ Thích-ca để rửa hận. Tôn giả Mục Kiền Liên xin phép Phật hóa làm một cái lồng bằng sắt, trùm lên cả hoàng thành để bảo vệ họ Thích, nhưng đức Phật ngăn lại bảo: “Dù thầy có thần lực lớn, nhưng đâu có thể cải được định nghiệp này!”

Theo *Kinh Tăng Nhất A Hàm*, trong trận này, quân của vua Tì Lưu Li đã tàn sát đến chín ngàn chín trăm chín mươi vạn người dòng họ Thích, máu chảy thành sông. Sau trận tàn sát này, đức Phật đã báo cho chư vị tì kheo biết trước, sau 7 ngày, vua Tì Lưu Li và tất cả đoàn quân đều sẽ bị tận diệt. Quả nhiên, 7 ngày sau đó, vua Tì Lưu Li đã dẫn cả binh lính cùng các thê nữ đến sông A-chỉ-la để vui chơi, tới nửa đêm, thỉnh linh nổi cơn gió dữ, nước sông dâng cao, cuốn trôi vua Tì Lưu Li cùng tất cả binh lính, thê nữ, không một ai sống sót!

Có thuyết nói rằng, sau khi giết sạch dân chúng dòng họ Thích trong thành Ca-tì-la-vệ, vua Tì Lưu Li lại muốn giết luôn đức Phật. Nhưng khi vừa thấy Phật thì tự nhiên ông kinh sợ vô cùng. Đức Phật bèn bảo cho ông biết, 7 ngày sau ông sẽ đọa địa ngục. Ông nghe thế lại càng kinh sợ, bèn suất lãnh quân đội lên thuyền ra biển để trốn nạn. Ông ở trên thuyền suốt 7 ngày; đến cuối ngày thứ 7, đang đêm tự nhiên lửa dữ phát cháy, đốt chìm thuyền, ông và mọi người đều chết hết.

(217) Tì kheo Thiện Tinh: Theo kinh *Đại Bát Niết Bàn* thì tì kheo Thiện Tinh là con của thái tử Tất Đạt Đa. Pháp sư Viên Anh (trong sách *Đại Phật Đánh Thủ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa*) thì dẫn kinh *A Hàm*, nói rằng, Thiện Tinh là con của hoàng tử đường đệ của Phật; hoặc có

chỗ nói, là con của vương tử Đề Bà Đạt Đa. Sau khi xuất gia, tì kheo Thiện Tinh đoạn trừ hết phiền não cõi Dục, chứng được Tứ-thiền. Nhưng rồi, vì thân cận với bạn ác mà sinh tà kiến, tiêu mất cảnh giới Tứ-thiền, trở thành si ám, bác bỏ nhân quả nghiệp báo, cho rằng không có Phật, không có niết bàn. Ông theo hầu Phật nhưng thường nói xấu Phật, và làm nhiều hành động chống lại Phật. Trong *Kinh Đại Bát Niết Bàn*, đức Phật có kể một số tội lỗi điển hình của ông như thế, và gọi ông là hạng nhất-xiên-đề. Vì những tội lỗi nặng nề đó, ông đã bị đọa địa ngục ngay khi còn sinh tiền. Sự kiện ông bị đọa địa ngục này đã xảy ra tại sông Ni-liên, trước sự chứng kiến của đức Phật và Bồ Tát Ca Diếp.

(218) A-tì: Tiếng Phạn là “*a-tì*”, dịch ra Hán ngữ là “*vô-gián*”, có nghĩa là không xen hở, không có kẽ hở. Đó là tên của loại địa ngục đau khổ cùng cực, nơi đọa lạc của những người tạo các tội cực ác, cực nặng. Chữ “*vô-gián*” có 5 ý nghĩa như sau: **1) Đọa lạc tức thì (*thứ quả vô gián*):** Sau khi xả bỏ thân người thì đọa ngay xuống địa ngục này, không phải qua thân trung âm. **2) Chịu khổ không ngưng nghỉ (*thọ khổ vô gián*):** Suốt trong thời gian ở địa ngục này, tội nhân chịu khổ liên tục, không giây phút nào có được niềm vui. **3) Thời gian không gián đoạn (*kinh thời vô gián*):** Chịu khổ liên tục suốt trong một kiếp, không ngưng nghỉ một khoảnh khắc nào. **4) Mạng sống vô gián (*mạng vô gián*):** Mạng sống kéo dài suốt một kiếp để liên tục chịu khổ, không giây phút nào gián đoạn. **5) Thân hình không bị xen kẽ (*hình vô gián*):** Địa ngục này rộng dọc ngang tám vạn do tuần, thân hình một hay nhiều tội nhân cũng đều đầy khắp, không trống hở chỗ nào. *Kinh Pháp Hoa* nói: Người tạo tội vô gián, sau khi mạng chung, đọa ngay xuống địa ngục A-tì, chịu khổ đủ một kiếp; mãn kiếp đó rồi, lại sinh sang địa ngục A-tì khác trong khắp mười phương thế giới, dần dà như thế cho đến vô số kiếp.

(219) Tập nhân: Tập khí, tức những thói quen, chính là nguyên nhân tạo nghiệp.

(220) Giao báo: Khi một căn (con mắt chẳng hạn) tạo nghiệp, năm căn kia (tai, mũi, lưỡi, thân, ý) cũng góp phần tạo nghiệp, cho nên khi căn ấy chịu quả báo thì năm căn kia cũng giao hòa nhau cùng chịu quả báo.

(221) Trời Dao-lợi (Dao-lợi thiên): “Dao-lợi” là tiếng Phạn, dịch ra Hán ngữ là “tam-thập-tam”, nghĩa là “ba-mười-ba”. Cõi trời này ở trên đỉnh núi Tu-di, cách xa cõi người 8 muôn 4 ngàn do tuần. Ở 4 hướng của cõi này, mỗi hướng đều có 8 cung trời, và 1 cung ở trung ương, cộng tất cả là 33 cung, cho nên cõi trời này có tên là “Dao-lợi”. Vị thiên chủ của cõi này là trời Đế Thích (tức Thích Đề Hoàn Nhân), ngự ở cung trung ương. Một ngày đêm ở cõi trời này dài bằng 100 năm ở cõi người; thiên chúng sống lâu 1.000 tuổi (*tính ra hơn 36 triệu năm ở cõi người*). Thiên chúng nam nữ ở cõi này cũng sống đời vợ chồng giống như cõi người, nhưng nhẹ nhàng, tinh khiết hơn nhiều. Em bé mới sinh ra đã lớn bằng em bé sáu tuổi ở nhân gian, y phục tự có đầy đủ.

(222) Trời Tu-diệm-ma (Tu-diệm-ma thiên): Cũng gọi là Dạ-ma thiên, dịch ra Hán ngữ là Thiện-thời-phân, ở trên hư không, cách cõi người 16 vạn do tuần. Đất đai cõi này như mây, thiên cung và thiên chúng tự có ánh sáng rực rỡ, ánh sáng trời trăng không chiếu tới, nên không có ngày đêm phân cách, chỉ căn cứ vào lúc hoa sen nở ra hay úp lại mà phân định ngày đêm. Một ngày đêm ở đây dài bằng 200 năm ở cõi người, thiên chúng sống lâu 2.000 tuổi. Mỗi giây mỗi phút đều thọ hưởng sự hoan lạc ngoài sức tưởng tượng của loài người. Ý niệm dâm dục chỉ khởi lên khi biết đúng lúc, và vợ chồng chỉ ôm nhau là âm dương thành tựu. Đến lúc sinh, người thiên nữ khởi niệm, liền có em bé hóa sinh nơi đầu gối, lớn bằng em bé ba, bốn tuổi ở nhân gian.

(223) Trời Đâu-suất-đà (Đâu-suất-đà thiên): thường gọi tắt là Đâu-suất, dịch ra Hán ngữ là Tri-túc thiên, ở cách xa cõi người 32 vạn do tuần, đất đai như mây. Cõi trời này chia thành hai viện: Nội viện và Ngoại viện. Ngoại-viện do thiên vương San Đâu Suất Đà làm chủ, là nơi thiên chúng phàm phu cư trú, phần nhiều chỉ hưởng khoái lạc, ít tu tập. Nội-viện là nơi cư trú tu tập của các vị Bồ-tát, do đức Bồ Tát Di Lặc làm chủ, thuyết pháp hóa độ. Đức Di Lặc và chư vị Bồ-tát thường ra khu Ngoại viện để giáo hóa thiên chúng phàm phu, ai căn cơ thuận thực, nghe pháp khai ngộ, thì được tiếp dẫn vào khu Nội-viện. Khu Nội-viện cực kì tinh vi, đến nỗi thiên chúng ở Ngoại-viện cũng không thể biết

được. Vì vậy, khi đến kiếp Hoại, đại tam tai phá hủy thế giới đến tận cõi trời Tam-thiên (ở Sắc-giới), mà khu Nội-viện của cõi trời Đâu-suất này vẫn không bị hủy hoại. Thọ mạng ở Đâu-suất Ngoại-viện là bốn ngàn tuổi (một ngày đêm dài bằng bốn trăm năm ở nhân gian). Chúng sinh ở đây, niệm dâm dục nhẹ nhàng, biết đủ, và nam nữ chỉ cầm tay nhau là âm dương thành tựu. Em bé mới sinh đã lớn bằng em bé tám tuổi ở nhân gian.

(224) Trời Lạc-biến-hóa (Lạc-biến-hóa thiên): cũng gọi là Hóa-tự-tại thiên, hay Hóa-lạc thiên, ở cách xa cõi người 64 vạn do tuần, đất đai như mây. Chúa của cõi này là thiên vương Thiện Hóa, thiên chúng tự hóa ra các trần cảnh để tự thọ lạc, thân tướng thường có ánh sáng. Niệm dâm dục ở đây càng nhẹ nhàng, và nam nữ chỉ mỉm cười với nhau là âm dương thành tựu; con cái hóa sinh từ đầu gối của cha hoặc mẹ, mới sinh ra đã lớn bằng đứa trẻ mười hai tuổi ở nhân gian. Họ sống lâu tám ngàn tuổi (một ngày đêm dài bằng tám trăm năm ở nhân gian).

(225) Trời Tha-hóa-tự-tại (Tha-hóa-tự-tại thiên): là tầng trời cao nhất trong 6 tầng trời cõi Dục (Lục Dục thiên), và cũng là cõi cao nhất của cõi Dục (Dục giới); ở cách xa cõi người 128 vạn do tuần, đất đai như mây. Thiên chúng ở tầng trời phía dưới là Hóa-lạc thiên, tự mình biến hóa ra năm trần cảnh để hưởng thụ; rồi thiên chúng ở tầng trời này lại lấy các trần cảnh kia để hưởng thụ một cách tự tại, như *Luận Đại Trí Độ* nói: *Cõi này chiếm lấy sự biến hóa của người khác để làm vui cho mình, cho nên gọi là “Tha-hóa-tự-tại”*. Cõi trời này làm chủ của cả 6 cõi trời Dục giới. Đối với 5 cõi ở dưới thì thiên chúng ở cõi trời này sống lâu hơn, đoan chính hơn và sung sướng hơn rất nhiều. Dục niệm ở đây chỉ còn rất ít, thiên nam và thiên nữ chỉ nhìn nhau là âm dương thành tựu. Muốn có con thì khởi niệm, liền có thiên tử hóa sinh nơi đầu gối, lớn bằng đứa trẻ mười tuổi ở nhân gian. Họ sống đến 16.000 tuổi, mà một ngày đêm ở đó dài ước chừng bằng 1.600 năm ở cõi người. Cõi trời này cũng có duyên với Phật pháp, chính đức Thế Tôn đã từng nói một hội *Kinh Hoa Nghiêm* và một hội *Kinh Bát Nhã* ở cung trời này. Nhưng ở cõi trời này cũng có một cung điện vô cùng rộng lớn, đẹp đẽ, là chỗ ở

của ma vương, chuyên tâm phá hoại Phật pháp, mà *Luận Đại Trí Độ* gọi đó là “Tha-hóa-tự-tại thiên tử ma” (là một trong 4 loại ma).

Sáu cõi trời Tứ-vương, Đao-lợi, Dạ-ma, Đâu-suất, Hóa-lạc và Tha-hóa-tự-tại, được gọi chung là *sáu cõi trời Dục-giới (Lục Dục thiên)*. Hai cõi trời Tứ-vương và Đao-lợi đều tọa lạc trên núi Tu-di, còn thuộc cõi đại địa, nên gọi là “*địa cư thiên*”; bốn cõi trời còn lại đều tọa lạc trên hư không, cho nên được gọi là “*không cư thiên*”.

(226) *Trời Sơ-thiên (Sơ-thiên thiên)*, vì đã lìa bỏ những pháp bất thiện của cõi Dục, nên có được cái cảm thọ hỉ và lạc của người vừa được thoát li khỏi cõi Dục (*li sinh hỉ lạc*); tuy nhiên, họ vẫn còn có hai tâm sở “*tâm*” (suy tưởng phân biệt ở mức độ thô thiên) và “*từ*” (suy tưởng phân biệt ở mức độ vi tế) hoạt động, cho nên còn cần phải đoạn diệt. Chúng sinh ở cõi này, vì không còn ăn uống giống như ở nhân gian, cho nên trong sáu thức, chỉ có bốn thức nhãn, nhĩ, thân và ý hoạt động, không có tị thức và thiết thức. Tầng trời này chia làm 3 cõi, từ thấp lên cao có: 1) Cõi trời **Phạm-chúng** (Phạm-chúng thiên), tức là dân chúng của Phạm thiên, sống thọ 20 tiểu kiếp; 2) Cõi trời **Phạm-phụ** (Phạm-phụ thiên), tức là quan lại phụ tá cho Phạm thiên, sống thọ 40 tiểu kiếp; 3) Cõi trời **Đại-phạm** (Đại-phạm thiên), tức là các vị Phạm thiên, sống thọ 60 tiểu kiếp.

(227) *Trời Nhị-thiên (Nhị-thiên thiên)*, ở cao hơn tầng trời Sơ-thiên. Tại đây, hai tâm sở “*tâm*” và “*từ*” đã đoạn diệt, tâm thanh tịnh, cảm thọ hỉ lạc có được là do từ công phu thiền định của tự thân mà sinh ra (*định sinh hỉ lạc*). Chúng sinh ở cõi này, năm thức trước đều không hoạt động, chỉ còn có ý thức hiện khởi mà thôi. Tầng trời này chia làm 3 cõi, từ thấp lên cao có: 1) Cõi trời **Thiểu-quang** (Thiểu-quang thiên), tức là ánh sáng hầy còn yếu ớt, thọ 2 đại kiếp; 2) Cõi trời **Vô-lượng-quang** (Vô-lượng-quang thiên), tức là do định lực thâm sâu hơn mà ánh sáng thân tâm chiếu soi rộng rãi, suốt khắp mười phương của một tiểu thiên thế giới, thọ 4 đại kiếp; 3) Cõi trời **Quang-âm** (Quang-âm thiên), tức dùng ánh sáng thanh tịnh vi diệu của mình làm âm thanh (chứ không dùng ngôn ngữ) để giáo hóa thiên chúng, thọ 8 đại kiếp.

(228) **Trời Tam-thiên (Tam-thiên thiên)**, xả bỏ hết các cảm thọ hỉ lạc của cõi Nhị-thiên, thường trú trong cảnh giới không khổ không vui (hành xả), dùng chánh niệm và chánh kiến tiếp tục tu tập mà có được niềm vui vi diệu (*li hỉ diệu lạc*). Chúng sinh ở cõi này cũng chỉ có ý thức hoạt động. Tầng trời này chia làm 3 cõi, từ thấp lên cao có: 1) Cõi trời **Thiểu-tịnh** (Thiểu-tịnh thiên), tức là mới điều phục được ý thức, bước đầu nhập vào cảnh vui tịch tịnh, thọ 16 đại kiếp; 2) Cõi trời **Vô-lượng-tịnh** (Vô-lượng-tịnh thiên), tức cảnh giới tịch lạc rộng như hư không, không có hạn lượng, thọ 32 đại kiếp; 3) Cõi trời **Biển-tịnh** (Biển-tịnh thiên), tức niềm tịnh lạc hữu lậu tới đây là cùng cực, tất cả mọi nơi tiếp xúc đến đều trở thành tịnh lạc, thọ 64 đại kiếp.

(229) **Trời Tứ-thiên (Tứ-thiên thiên)** xả bỏ niềm vui vi diệu (diệu lạc) của Tam-thiên, gọi là “*xả diệu lạc*”; chỉ nghĩ nhớ đến công đức tu dưỡng, gọi là “*niệm thanh tịnh*” (gồm chung lại gọi là “*xả niệm thanh tịnh*”). Chúng sinh ở cõi này chỉ có ý thức hoạt động, thường trú trong cảnh giới không khổ không vui (xả thọ). Tầng trời này chia làm 4 cõi, từ thấp lên cao có: 1) Cõi trời **Phúc-sinh** (Phúc-sinh thiên), tức niệm khổ vui đều xả bỏ, tịnh phúc phát sinh, thọ 125 đại kiếp; 2) Cõi trời **Phúc-ái** (Phúc-ái thiên), tức phước báo vô biên, rất đáng được ưa thích trong vòng thế gian, thọ 250 đại kiếp; 3) Trời **Quảng-quả** (Quảng-quả thiên), tức là quả báo của phước đức vô cùng rộng lớn, thọ 500 đại kiếp; 4) Cõi trời **Vô-tướng** (Vô-tướng thiên), tức hoàn toàn sống trong định buông xả, không còn tư tưởng, thọ 500 đại kiếp. Ngoài ra, cũng thuộc tầng trời Tứ-thiên này, cao hơn hai cõi trời Quảng-quả và Vô-tướng, còn có 5 cõi trời Tịnh-cư, là trú xứ của các vị A-na-hàm (*xem chú thích số 230 tiếp theo sau*).

(230) **Trời Bất-hoàn (Bất-hoàn thiên)**: cũng gọi là trời Tịnh-cư, tức là trú xứ của các vị A-na-hàm (quả thứ ba trong bốn quả Thanh-văn), cũng thuộc tầng trời Tứ-thiên, cao hơn hai cõi trời Quảng-quả và Vô-tướng. Các vị A-na-hàm đã đoạn trừ hết mọi lậu hoặc của cõi Dục, nên không còn sinh lại cõi Dục nữa, mà an lập ở cõi Tịnh-cư này để tu hành tiếp tục cho đến khi chứng quả A-la-hán. Ở đây có 5 cõi trời (gọi là Ngũ Bất-

hoàn thiên, hay Ngũ Tịnh-cư thiên), từ thấp lên cao có: 1) Cõi trời **Vô-phiền** (Vô-phiền thiên), thọ 1.000 đại kiếp; 2) Cõi trời **Vô-nhiệt** (Vô-nhiệt thiên), thọ 2.000 đại kiếp; 3) Cõi trời **Thiện-kiến** (Thiện-kiến thiên), thọ 4.000 đại kiếp; 4) Cõi trời **Thiện-hiện** (Thiện-hiện thiên), thọ 8.000 đại kiếp; 5) Cõi trời **Sắc-cứu-cánh** (Sắc-cứu-cánh thiên), cực đỉnh của cõi Sắc, thọ 16.000 đại kiếp.

(231) **Ba hoặc (tam hoặc)**: “*Hoặc*” nghĩa là mê lầm, là một tên gọi khác của phiền não, cũng gọi là *cấu, kết, hay lậu*. Hoặc có 3 loại:

1) **Kiến tư hoặc**: Thấy biết sai lầm gọi là “*kiến hoặc*”, như thân kiến, biên kiến, tà kiến v.v... Đối trước mọi sự vật ở thế gian, do tâm tham, sân, si v.v... mà khởi lên các vọng tình, gọi là “*tư hoặc*”. Trừ hết *kiến tư hoặc* này thì giải thoát ba cõi, hàng Thanh-văn, Duyên-giác coi đó là niết-bàn. Hàng Bồ-tát cũng đoạn trừ hết nhưng không coi đó là niết-bàn, mà còn tiến xa hơn nữa. Vì cả *ba thừa* cùng tu tập đoạn trừ, nên kiến tư hoặc được gọi là “*thông hoặc*”.

2) **Trần sa hoặc**: là các chướng ngại của hàng Bồ-tát trong việc giáo hóa độ sinh, nên cũng được gọi là “*hóa đạo chướng*”. Bồ-tát giáo hóa độ sinh tất phải tinh thông vô lượng pháp môn, nhiều như cát bụi. Nhưng Bồ-tát trí tuệ còn yếu kém, phải trải qua kiếp số lâu dài mới học tập thông đạt vô lượng pháp môn, công việc hóa độ mới được tự tại vô ngại; đó là “*trần sa hoặc*”. Loại hoặc này chỉ riêng có ở hàng Bồ-tát, nên được gọi là “*biệt hoặc*”.

3) **Vô minh hoặc**: là loại hoặc ngăn che lí thực tướng của trung đạo, cho nên cũng gọi là “*chướng trung đạo hoặc*”. Loại hoặc này là *căn bản vô minh*, vô cùng thâm sâu vi tế, chỉ có Bồ-tát ở bậc Đẳng-giác mới đoạn trừ, đoạn xong thì tiến lên bậc Diệu-giác, thành Phật. Đây cũng là loại “*biệt hoặc*”.

Trong các kinh luận, khi nói đến “*ba hoặc*” là chỉ cho 3 loại hoặc trên đây, tức kiến tư hoặc, trần sa hoặc và vô minh hoặc. Riêng ở đoạn kinh này, vì đức Phật chỉ dạy, nhấn mạnh về 3 nghiệp sát, đạo, dâm, nên từ “*ba hoặc*” ở đây có thể hiểu là **ba ác nghiệp sát, đạo, dâm**; vì mê lầm không biết rõ sát đạo dâm chính là gốc rễ của luân hồi, nên gọi là “*hoặc*”.

(232) **Ý-sinh-thân**: cũng gọi là “**ý thành thân**”, là thân không sinh ra từ tinh huyết của cha mẹ, mà hóa sinh do năng lực của ý, chuyển động nhanh chóng như chuyển động của ý; ý muốn tới đâu thì thân liền tới đó, tới lui khắp các Phật độ không có gì ngăn ngại. Đây là thân của các vị Bồ-tát từ bậc Sơ-địa trở lên, vì cứu độ chúng sinh mà hóa sinh như ý. Có ba loại ý sinh thân:

1) **Nhập tam muội, lạc ý sinh thân**: Các vị Bồ-tát nhập vào chánh định, tâm ý tịch tĩnh bất động, được niềm vui chân không tịch diệt (khác với cái vui cảm thọ), tùy ý tới lui khắp các Phật độ không bị chướng ngại.

2) **Giác pháp tự tánh, tánh ý sinh thân**: Các vị Bồ-tát liễu ngộ tất cả vạn pháp tự tánh như huyễn, hoàn toàn không có “sở hữu”, cho nên có thể dùng vô lượng thần lực tới lui khắp tất cả Phật độ, nhanh chóng như ý muốn, tự tại vô ngại.

3) **Chứng loại câu sinh, vô tác ý sinh thân**: Các vị Bồ-tát liễu ngộ tất cả pháp đều là Phật pháp, được một thân thì vô lượng thân cùng thời đồng hiện, như hình bóng của mọi chủng loại cùng lúc hiện ra trong tấm gương lớn, tự nhiên như thế, không do ai tạo tác cả.

(233) **Đời sống phần đoạn**: tức “**phần đoạn sinh tử**”, nghĩa là sự sinh tử của chúng sinh phạm phu trong vòng ba cõi. Chúng sinh ở đây có thân căn, có thọ mạng dài ngắn, có thể chất lớn nhỏ, mạnh yếu, cho nên gọi là “**phần đoạn**”.

(234) **Đời sống biến dịch**: tức “**biến dịch sinh tử**”, nghĩa là sự sinh tử của thánh nhân ba thừa ở ngoài ba cõi. Các bậc thánh nhân đã dứt hết kiến tư hoặc trong ba cõi, giải thoát ra ngoài ba cõi mà thọ sinh trong cõi pháp tánh, không còn “**phần đoạn sinh tử**”. Sự sinh tử ở đây chỉ là sự biến chuyển dời đổi (**biến dịch**) của tâm niệm từ quả vị này lên quả vị khác mà thôi.

(235) **U ẩn**: Hành âm lưu chuyển vi tế, động mà như là chẳng động, gọi là “**u ẩn**”. Đó là một trong **năm thứ vọng tưởng** được đức Phật dạy rõ trong *Kinh Thủ Lăng Nghiêm*. Theo Kinh này, gốc rễ của năm âm (năm

uẩn) đều là vọng tưởng –hay nói chính xác hơn, năm ấm tức là năm thứ vọng tưởng, gồm có:

1. Vọng tưởng kiên cố: tức là **sắc ấm**. Sắc ấm là thân thể con người, do bốn đại hòa hợp làm thành. Khi thức vừa khởi động thì liền phát sinh ý tưởng; tưởng sinh thì mạng căn được thành lập; mạng lập thì liền đầy đủ bốn đại. Cho nên, ba thứ **thức, tưởng** và **mạng** đã kết hợp mà hình thành con người. Ý tưởng mong cầu có được điều này điều nọ, gọi là “*vọng tưởng*”; các pháp có tướng trạng, có ngăn ngại, gọi là “*kiên cố*”. Do vọng tưởng muốn có mạng sống cho nên mới có sắc thân; sắc thân đã có thì muốn cho bền chắc lâu dài. Sắc thân đã có cho nên có ngăn ngại, có chấp *ngã* và *ngã sở*, có *ngã ái*, *ngã mạn* v.v...; đó gọi là “*vọng tưởng kiên cố*”.

2. Vọng tưởng hư minh: Chữ “*hư*” nghĩa là trống, tức không đầy; chữ “*minh*” nghĩa là biết. Vì “*hư*” cho nên lãnh nạp được; vì “*minh*” cho nên biết có cảm giác; bởi đó, “**hư minh**” là chỉ cho **thọ ấm**. Chúng sinh do ý tưởng tham cầu mong muốn mà sinh tâm yêu thích cái gì tốt đẹp, thuận ý, có lợi, đó gọi là “cảm thọ vui” (*lạc thọ*); và chán ghét cái gì xấu xa, nghịch ý, bất lợi, đó gọi là “cảm thọ khổ” (*khổ thọ*). Như vậy, thọ ấm vốn là hư vọng, không có thật thể, cho nên gọi là “*vọng tưởng hư minh*”, là tác dụng của *năm thức trước* (nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân).

3. Vọng tưởng dung thông: tức là **tưởng ấm**. “*Dung thông*” nghĩa là dung hợp nhau, thông suốt nhau, không chướng ngại. Niệm tưởng thì vô hình, nhưng có thể sai sử sắc thân hữu hình. Tâm nghĩ gì thì thân thể liền lay động đáp ứng theo, cả lúc thức lẫn trong lúc ngủ; đó là do cái tưởng dung thông, cho nên tưởng ấm được gọi là “*vọng tưởng dung thông*”, là tác dụng của *ý thức*.

4. Vọng tưởng uẩn: tức là **hành ấm**. Thân thể chúng sinh niệm niệm biến chuyển, không giờ khắc nào ngừng nghỉ; và sự biến chuyển ấy vô cùng vi tế, thâm u, ẩn mật, ta không biết được. Cho nên hành ấm được gọi là “*vọng tưởng uẩn*”, thuộc phạm vi của *thức mạng-na*.

5. Vọng tưởng điên đảo: tức là **thức ấm**. Thức ấm ở đây chính là thức a-lại-da, bản thể của vạn pháp. Thức thể này vi tế, tinh thuần, trong lặng, giống như chân tánh bản giác, nhưng thật ra không phải là chân tánh bản giác; vì chân tánh bản giác thì rời khỏi mọi sự thấy nghe hay biết, còn thức này thì luôn luôn nhận sự huân tập của thấy nghe hay biết,

niệm niệm không dừng. Bản chất của thức vốn hư vọng, nhưng chúng sinh phàm phu thì cho đó là mạng căn, hàng Nhị-thừa thí lấy đó làm niết bàn. Lấy không làm có, cho cái hư vọng là chân thật, không thấy được sự trôi chảy bất tận mà cứ cho là trong lặng không lay động, cho nên gọi thức ấy là “*vọng tưởng điên đảo*”.

(236) Tám trăm công đức của nhãn căn: Ý nói sức thấy cùng cực của nhãn căn. (*Xin xem lại đoạn kinh nói về công năng của sáu căn, ở nửa sau quyển 4.*)

(237) Điên đảo: Mê muội đối với chánh tri kiến, mọi sự phát ngôn đều do tà tri kiến sai sử. Đoạn kinh này đề cập đến bốn loại tri kiến điên đảo: **1. Kiêu loạn:** Cố chấp không thuận với lý lẽ; nói năng rối loạn lung tung, không chủ đích; không biết rõ mà cứ nói bừa. **2. Bất tử:** Ngoại đạo cho rằng cõi trời Vô-tướng là trời bất tử; nếu suốt đời không trả lời rối loạn lung tung (kiêu loạn) những câu hỏi của người khác, thì sau khi chết sẽ được sinh lên cõi trời ấy. Nếu quả thật không biết mà cứ đáp bừa, thì sợ sẽ trở thành kiêu loạn; cho nên, nếu lúc nào có người hỏi, thì cứ trả lời bằng những ngôn từ bí mật, hoặc những câu phủ định băng quơ. Nhưng đức Phật quả rằng: chủ trương như thế mới đúng thật là “kiêu loạn”. **3. Hư luận:** Luận thuyết hư ngụy, không phù hợp với nghĩa lý chân thật. **4. Biến kế:** Tánh phân biệt, so đo, suy lường, làm mất đi cái tính chất chân thật của sự vật.

(238) Theo chú thích của pháp sư Viên Anh (*trong Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa*), trong quyển *Đạt Ma Hiến Tông Luận* có nói: Tôn giả Vô Diệt (tức A Na Luật), trong một kiếp xa xưa, dùng bảy đồng tiền sắm sửa trai phạn cúng dường Phật. Nhờ phước báo đó mà sau khi xả báo thân người, được sinh lên cõi trời Đao-lợi đến bảy lần; sau đó lại sinh vào làm người cũng bảy lần, đều làm bậc Chuyển Luân Vương; kiếp sau cùng sinh vào làm vương tử trong dòng họ Thích-ca ở thành Ca-tì-la-vệ, tên A Na Luật, theo Phật Thích Ca xuất gia tu học, chứng quả A-la-hán, thoát li sinh tử, an trú niết bàn.

(239) Bốn tội căn bản cực nặng: Danh từ Phật học Hán-Việt gọi là “*tứ trọng tội*”, hay “*tứ căn bản trọng tội*”, gồm có bốn tội: giết hại, trộm cắp, dâm dục, nói dối.

(240) Mười tội cực ác: Danh từ Phật học Hán-Việt gọi là “*thập ba-la-di tội*”. Đây là giới luật đại thừa, tức 10 giới trọng trong 58 giới Bồ-tát được ghi trong kinh *Phạm Võng*, gồm có: 1) Giết hại 2) Trộm cắp 3) Dâm dục 4) Nói dối 5) Mua bán rượu 6) Nói lời của bốn chúng 7) Khen mình chê người 8) Keo kiệt ích kỉ, không muốn bố thí tài vật và giáo pháp 9) Tâm sân hận không nhận sự sám hối của người khác 10) Hủy báng Tam Bảo.

Các soạn phẩm và dịch phẩm Phật học của cư sĩ Hạnh Cơ - Tịnh Kiên

- **Mười Vị Đệ Tử Lớn Của Phật** (dịch từ tác phẩm *Thập Đại Đệ Tử Truyện*, nguyên tác Hoa văn của Tinh Vân pháp sư, nhà xuất bản Phật Quang, Đài-bắc, ấn hành năm 1984)
Chùa Khánh Anh (Paris) in lần 1, năm 1994
Tu viện Trúc Lâm (Edmonton) in lần 2, năm 1999 (có thêm phần “*Phụ Lục*” do dịch giả biên soạn)
Ban Phiên Dịch Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam (Nha-trang) in lần 3, năm 2004
Chùa Liên Hoa và Hội Cư Sĩ Phật Giáo Orange County (California) in lần 4, năm 2005

- **Lược Giải Những Pháp Số Căn Bản**
Làng Cây Phong (Montreal) in lần 1, năm 1996
Ban Bảo Trợ Phiên Dịch Pháp Tạng Việt Nam (California) in lần 2 (có bổ túc và sửa chữa), 2008

- **Kinh A Di Đà** (dịch năm 1997 – chưa in)

- **Bộ Giáo Khoa Phật Học** (dịch từ bộ *Phật Học Giáo Bản* – sơ cấp, trung cấp, cao cấp – nguyên tác Hoa văn của Phương Luân cư sĩ, Linh Sơn Xuất Bản Xã, Đài-bắc, ấn hành năm 1996)
 - * *Giáo Khoa Phật Học Cấp Một - bản Giáo Thọ*
BPDPTPGVN (Nha-trang) in lần 1, năm 2002 (sắp in lần 2)
 - * *Giáo Khoa Phật Học Cấp Một - bản Học Chứng*
BPDPTPGVN (Nha-trang) in lần 1, năm 2002
 - * *Giáo Khoa Phật Học Cấp Một - bản Cư Sĩ*
BPDPTPGVN (Nha-trang) in lần 1, năm 2002
Ban Bảo Trợ Phiên Dịch Pháp Tạng Việt Nam (California) in lần 2, năm 2002 (không đề hàng chữ “*bản Cư Sĩ*”)
BPDPTPGVN (Nha-trang) sắp in lần 3
 - * *Giáo Khoa Phật Học Cấp Hai - quyển thượng*
BPDPTPGVN (Nha-trang) in lần 1, năm 2004
BBTPDPTVN (California) in lần 2, năm 2005
 - * *Giáo Khoa Phật Học Cấp Hai - quyển hạ*
BPDPTPGVN (Nha-trang) in lần 1, năm 2005
BBTPDPTVN (California) in lần 2, năm 2006

- * *Giáo Khoa Phật Học Cấp Ba*
BBTPDPTVN (california) in lần 1, năm 2007
- *Một Cành Mai* (hợp tác với Võ Đình)
An Tiêm (Paris/San Jose) in lần 1, năm 2005
- *Kinh Hạnh Nguyên Phổ Hiền & Kinh Vô Lượng Nghĩa* (dịch từ kinh văn chữ Hán)
Hội Cư Sĩ Phật Giáo Orange County (California) in lần 1, năm 2006
Hội Cư Sĩ Phật Giáo Orange County (California) in lần 2, năm 2010
- *Niệm Phật Vô Tướng* (dịch từ tác phẩm Vô Tướng Niệm Phật, nguyên tác Hoa văn của Tiêu Bình Thật cư sĩ, Đài-loan)
Hội Cư Sĩ Phật Giáo Orange Counry (California) in lần 1, 2006
- *Trích Lục Từ Ngữ Phật Học - quyển thượng*
BBTPDPTVN (California) in lần 1, năm 2009
- *Trích Lục Từ Ngữ Phật Học - quyển hạ*
BBTPDPTVN (California) in lần 1, năm 2010
- *Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Tập 1, Tập 2)*
BBTPDPTVN (California) in lần 1, năm 2012